

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH  
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC NĂM 2023

**TÀI LIỆU KIẾN THỨC CHUNG**

*Tây Ninh, tháng 3 năm 2024*

**MỤC LỤC****CHUYÊN ĐỀ 1****TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM..... 3****CHUYÊN ĐỀ 2****CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC VÀ ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ..... 27****CHUYÊN ĐỀ 3****NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM..... 56****CHUYÊN ĐỀ 4****CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC ..... 80****CHUYÊN ĐỀ 5****TÌNH HÌNH, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH TÂY NINH NĂM 2023, PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2024 ..... 103**

# CHUYÊN ĐỀ 1

## TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

### I. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

#### 1. Khái niệm hệ thống chính trị

Có rất nhiều cách hiểu khác nhau về hệ thống chính trị. Theo nghĩa chung nhất, hệ thống chính trị được hiểu là hình thức tổ chức chính trị của một xã hội. Xét từ giác độ cấu trúc, hệ thống chính trị là hệ thống các tổ chức, các thiết chế chính trị-xã hội và các mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau hợp thành cơ chế chính trị của một chế độ xã hội tham gia vào thực hiện quyền lực chính trị. Tuy nhiên trong thực tế, có những yếu tố mang nội dung chính trị nhưng lại không được xếp vào hệ thống chính trị như những tổ chức, những nhóm chính trị hoạt động bất hợp pháp theo quy định của pháp luật hiện hành của một quốc gia. Chính vì vậy, hệ thống chính trị của một quốc gia về cấu trúc chỉ bao gồm những tổ chức thực hiện quyền lực chính trị được chính thức thừa nhận về mặt pháp lý.

Hệ thống chính trị là một bộ phận cấu thành kiến trúc thượng tầng xã hội, được chế định theo tư tưởng của giai cấp cầm quyền nhằm tác động vào đời sống kinh tế- xã hội với mục đích duy trì và phát triển chế độ xã hội đó. Điều này có nghĩa là hệ thống chính trị của một xã hội luôn mang tính giai cấp, phản ánh lợi ích của giai cấp cầm quyền và được định hướng bởi lợi ích của giai cấp cầm quyền.

Xét từ giác độ cơ cấu, hệ thống chính trị của một quốc gia hiện đại bao gồm: hệ thống đảng chính trị (trong đó đảng cầm quyền là trung tâm lãnh đạo chính trị của hệ thống chính trị); nhà nước là trung tâm của quyền lực công, thực hiện quyền quản lý xã hội trước hết qua hệ thống pháp luật và các công cụ cưỡng chế; các tổ chức quần chúng phản ánh lợi ích của những nhóm xã hội nhất định.

Hệ thống chính trị là khái niệm dùng để chỉ một chỉnh thể bao gồm đảng chính trị, nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội (hợp pháp); với những quan hệ tác động qua lại giữa các nhân tố đó trong việc tham gia vào các quá trình hoạch định và thực thi các quyết sách chính trị nhằm bảo đảm quyền thống trị của giai cấp, lực lượng cầm quyền, đồng thời đáp ứng nhu cầu ổn định và phát triển xã hội.

Tóm lại, *hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức hợp pháp trong xã hội, bao gồm các Đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội được liên kết với nhau trong một hệ thống cấu trúc, chức năng với các cơ chế vận hành và mối quan hệ giữa chúng nhằm thực thi quyền lực chính trị.*

#### 2. Cấu trúc của hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức hợp pháp thực thi những chức năng nhất định trong xã hội, gồm có:

**Đảng chính trị:** Đảng cầm quyền là lực lượng chủ yếu thực thi quyền lực nhà nước, quyết định chính sách quốc gia. Các đảng khác (trong mô hình hệ thống chính trị có nhiều đảng) đóng vai trò hợp tác, tham gia phản biện, giám sát, kể cả tìm cách hạn chế, ngăn cản hoạt động của đảng cầm quyền nhằm bảo vệ lợi ích của đảng mình.

**Nhà nước:** được cấu thành bởi 3 cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Ba cơ quan này thực thi quyền lực nhà nước.

**Các tổ chức chính trị - xã hội:** là những tổ chức của công dân được lập ra nhằm thực hiện một mục tiêu nhất định, có thể tác động đến việc thực hiện quyền lực của Đảng cầm quyền, Nhà nước để bảo vệ lợi ích của tổ chức mình và lợi ích của các thành viên. Mức độ sự tác động này phụ thuộc vào vị trí, khả năng, nguồn lực của tổ chức đó trong xã hội.

Sự tương tác của các thể chế chính trị theo các cơ chế và mối quan hệ đã được xác lập, chủ yếu trên cơ sở của luật pháp. Theo đó, các tổ chức này có sự liên kết tương hỗ, hỗ trợ hoặc đối trọng, ngăn cản nhau trong các quá trình nhất định nhằm thực thi quyền lực chính trị, đạt được mục đích chung của hệ thống và xã hội cũng như lợi ích của các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị.

Chẳng hạn, trong hệ thống chính trị, các đảng chính trị thường đề ra cương lĩnh, mục tiêu, đường lối phát triển đất nước để vận động, thuyết phục Nhân dân ủng hộ, bỏ phiếu nhằm giành được đủ phiếu bầu trở thành đảng cầm quyền hoặc đảng đối lập có vị trí trong bộ máy nhà nước. Khi trở thành đảng cầm quyền, đảng cầm quyền sẽ thể chế hóa cương lĩnh, mục tiêu, đường lối chính trị của đảng thành luật pháp, chương trình, dự án, chính sách và tổ chức thực hiện. Các đảng đối lập và các tổ chức chính trị - xã hội, phương tiện truyền thông có thể tham gia vào quá trình này để giám sát, phản biện chính sách của đảng cầm quyền tùy theo vị trí, nguồn lực mà họ có, nhằm làm tăng tính cần trọng, hợp lý của chính sách được ban hành hoặc phản đối, ngăn cản chính sách nhằm bảo vệ lợi ích của mình hoặc của người dân và xã hội theo quan điểm của họ.

## II. KHÁI QUÁT VỀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở VIỆT NAM

### 1. Khái niệm hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị Việt Nam đi theo nguyên mẫu nhà nước xã hội chủ nghĩa đơn đảng, giai cấp công nhân và Nhân dân lao động làm chủ thể chân chính của quyền lực. Bởi vậy, hệ thống chính trị ở nước ta là cơ chế, là công cụ thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay là một chỉnh thể thống nhất, gắn bó hữu cơ, bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam để thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của Nhân dân và xây dựng đất nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hệ thống chính trị ở nước ta vận hành theo cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

## **2. Đặc điểm hệ thống chính trị**

Hệ thống chính trị Việt Nam cũng được tổ chức theo những mô hình phổ biến của hệ thống chính trị các nước trên thế giới. Mặt khác hệ thống chính trị Việt Nam cũng có những đặc điểm riêng.

**Thứ nhất**, hệ thống chính trị Việt Nam do duy nhất một Đảng Cộng sản lãnh đạo. Không tồn tại các đảng chính trị đối lập. Đặc điểm này thể hiện tính phổ biến của hệ thống chính trị ở các nước xã hội chủ nghĩa, vừa thể hiện tính đặc thù xuất phát từ điều kiện thực tế cụ thể ở Việt Nam. Bởi vì, ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã được sự tín nhiệm của Nhân dân, được Nhân dân ủng hộ, tôn vinh ở vị trí lãnh đạo và thực tế Đảng đã xứng đáng với vị trí được tôn vinh này.

**Thứ hai**, hệ thống chính trị Việt Nam là hệ thống chính trị được xây dựng trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có tham khảo kinh nghiệm của thế giới. Toàn bộ hệ thống chính trị đều được tổ chức và hoạt động trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng ta xác định “*Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng*”.

**Thứ ba**, do lịch sử hình thành gắn với các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức thành viên do Đảng thành lập và lãnh đạo, có mối quan hệ gắn bó, mật thiết với Đảng và Nhà nước. Các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị đều do Đảng Cộng sản Việt Nam sáng lập: Nhà nước là hình thức tổ chức quyền lực của Nhân dân do Đảng lập ra. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội do Đảng sáng lập có nhiệm vụ chính trị là tổ chức tập hợp, đoàn kết quần chúng, đại diện ý chí và nguyện vọng của quần chúng.

**Thứ tư**, hệ thống chính trị Việt Nam là một hệ thống mang tính thống nhất và tập trung quyền lực. Tính thống nhất của hệ thống chính trị xuất phát từ nguồn gốc quyền lực của Nhân dân ủy quyền cho Đảng, Nhà nước để thực hiện mục đích chung. Mục đích chính trị của toàn bộ hệ thống là xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam và mục tiêu cụ thể được xác định là dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

**Thứ năm**, trong hệ thống chính trị Việt Nam, các thành viên có địa vị pháp lý vững chắc. Do vị trí, chức năng của mỗi thành viên trong hệ thống chính trị được quy định trong Hiến pháp và các đạo luật như Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên...

### **3. Các thành tố trong hệ thống chính trị Việt Nam**

Hệ thống chính trị Việt Nam gồm có:

- Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội gồm có: Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam.

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là một tổ chức thành viên của Mặt trận, vừa là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, là hạt nhân của hệ thống chính trị; Nhà nước là trung tâm, trụ cột của hệ thống chính trị, quản lý điều hành xã hội; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát, phản biện xã hội.

### **4. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các thành tố trong hệ thống chính trị Việt Nam**

#### **4.1. Đảng Cộng sản Việt Nam**

Điều 4, Hiến pháp 2013 quy định: *“Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”*.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công

tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu.

Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của Nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị bằng những phương thức chủ yếu sau:

*Một là, lãnh đạo bằng chủ trương, nghị quyết:* Đảng đề ra các chủ trương, nghị quyết trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đó là những quan điểm, những nguyên tắc, những tư tưởng chỉ đạo các lĩnh vực hoạt động của đời sống chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại để các tổ chức khác trong hệ thống chính trị vận dụng, thể chế hoá thành các chương trình, kế hoạch công tác và tổ chức thực hiện phù hợp với chức năng của từng tổ chức.

*Hai là, lãnh đạo thông qua công tác tư tưởng:* Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng; công tác văn hoá, văn nghệ; đặc biệt thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên để đưa các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và cấp uỷ tới cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận trong Đảng và trong xã hội, từ đó thực hiện một cách thống nhất. Đồng thời, mỗi cán bộ, đảng viên phải là một tấm gương để quần chúng nhân dân noi theo.

*Ba là, lãnh đạo thông qua công tác tổ chức, cán bộ:* Đảng sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan của hệ thống chính trị một mặt xây dựng nên các chủ trương, nghị quyết, nhưng mặt khác cũng chính họ là nhân tố cơ bản để triển khai tổ chức thực hiện các chủ trương, nghị quyết của mình; động viên, lôi cuốn quần chúng nhân dân thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ mà nghị quyết của Đảng đã đề ra.

*Bốn là, lãnh đạo bằng công tác kiểm tra, giám sát:* Kiểm tra, giám sát là biện pháp hữu hiệu để bảo đảm các chủ trương, nghị quyết của cấp uỷ đề ra là đúng đắn, được chấp hành nghiêm túc, đạt được kết quả và hiệu quả. Kiểm tra, giám sát là hoạt động không thể thiếu trong công tác lãnh đạo của Đảng, làm cho sự lãnh đạo gắn với thực tiễn, khắc phục tư tưởng chủ quan, nóng vội, bệnh quan liêu, hình thức trong lãnh đạo.

*Năm là, lãnh đạo phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng và Nhân dân tham gia xây dựng hệ thống chính trị.* Dưới sự lãnh đạo của

Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về tư tưởng chính trị; tuyên truyền, động viên nhân dân phát huy quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; tham gia giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước; tập hợp ý kiến, kiến nghị của Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng và Nhà nước; tham gia xây dựng và củng cố chính quyền Nhân dân.

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa Đảng cộng sản giữ vai trò là hạt nhân lãnh đạo, sự lãnh đạo của Đảng là yếu tố quyết định đối với sự phát triển của toàn bộ hệ thống chính trị, bảo đảm sự thống nhất và phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn bộ hệ thống chính trị nhằm thực hiện thắng lợi công cuộc xây dựng XHCN. Sự hoạt động của Đảng phải trong khuôn khổ của hiến pháp và pháp luật, chứ không phải hoạt động của Đảng là nằm ngoài pháp luật. Chúng ta cần phải phân biệt rõ Đảng là cơ quan lãnh đạo chứ không phải là cơ quan quản lý.

#### **4.2. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**

Điều 2, Hiến pháp 2013 quy định: *“Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”*.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Tất cả quyền lực của Nhà nước thuộc về Nhân dân ta mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhà nước ban hành pháp luật, tổ chức quản lý xã hội bằng pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Nhà nước phục vụ Nhân dân, gắn bó chặt chẽ với Nhân dân, thực hiện quyền dân chủ của Nhân dân, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân; có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị tệ quan liêu, tham nhũng, vô trách nhiệm, lạm quyền, xâm phạm quyền dân chủ của công dân; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, nghiêm trị mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc và Nhân dân.

Tổ chức và hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước theo nguyên tắc tập trung, dân chủ. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phân cấp, đồng thời bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất của Trung ương.



Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện ba quyền đó.

**Bộ máy nhà nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:**

- **Quốc hội:** Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. Quốc hội do dân bầu, thực hiện nhiệm kỳ đại biểu 5 năm. Quốc hội lập ra các Ủy ban, các Ban có bộ phận chuyên trách ở Trung ương; ở địa phương có các đoàn đại biểu, chuyên trách địa phương.

*Vị trí pháp lý của Quốc hội*

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước. (*Hiến pháp 2013, Điều 69*)

*Nhiệm vụ và quyền hạn của Quốc hội*

Theo quy định tại Điều 70, Hiến pháp 2013, Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- + Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật; quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh;
- + Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo hoạt động của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- + Quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- + Quyết định chính sách tài chính, tiền tệ quốc gia; quyết định dự toán ngân sách Nhà nước và phân bổ ngân sách Nhà nước, phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế;
- + Quyết định chính sách dân tộc của Nhà nước;
- + Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội và các ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về việc thành lập Hội đồng quốc phòng và an ninh; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ

nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ;

+ Quyết định thành lập, bãi bỏ các bộ và các cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập mới, nhập, chia, điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thành lập hoặc giải thể đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt;

+ Bãi bỏ các văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội;

+ Quyết định đại xá;

+ Quy định hàm, cấp trong các lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp Nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự Nhà nước;

+ Quyết định vấn đề chiến tranh và hoà bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

+ Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn hoặc bãi bỏ các điều ước quốc tế đã ký kết hoặc tham gia theo đề nghị của Chủ tịch nước;

+ Quyết định việc trưng cầu ý dân.

#### *Cơ cấu, tổ chức của Quốc hội*

Chủ tịch Quốc hội; Ủy ban thường vụ Quốc hội; Hội đồng Dân tộc; các ủy ban của Quốc hội (Ủy ban pháp luật; Ủy ban tư pháp; Ủy ban kinh tế; Ủy ban tài chính và ngân sách; Ủy ban quốc phòng và an ninh; Ủy ban văn hóa, giáo dục, thanh niên, thiếu niên và nhi đồng; Ủy ban về các vấn đề xã hội; Ủy ban khoa học, công nghệ và môi trường; Ủy ban đối ngoại) và đại biểu Quốc hội.

#### *Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Quốc hội* (Điều 83, Hiến pháp 2013)

Quốc hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ; làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số.

Quốc hội họp công khai. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc của ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội, Quốc hội quyết định họp kín. Quốc hội họp mỗi năm hai kỳ. Trường hợp Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Quốc hội yêu cầu thì Quốc hội họp bất thường. Ủy ban thường vụ Quốc hội triệu tập kỳ họp Quốc hội.

Kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa mới được triệu tập chậm nhất là sáu mươi ngày, kể từ ngày bầu cử đại biểu Quốc hội, do Chủ tịch Quốc hội khóa trước khai mạc và chủ tọa cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch Quốc hội.

- **Chủ tịch nước:** Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại. Chủ tịch nước do

Quốc hội bầu trong số các đại biểu Quốc hội. Chủ tịch nước chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội. Nhiệm kỳ của Chủ tịch nước theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chủ tịch nước tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Chủ tịch nước. (Hiến pháp 2013, Điều 86, 87).

*Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch nước*

Theo quy định tại Điều 88, Hiến pháp 2013, Chủ tịch nước có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

+ Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại Pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu Pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất;

+ Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ;

+ Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá;

+ Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam;

+ Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương;

+ Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phong hàm, cấp đại sứ; quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế (quy định tại khoản 14 Điều 70 Hiến pháp năm 2013); quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.

+ Chủ tịch nước có quyền tham dự phiên họp của Ủy ban thường vụ Quốc hội, phiên họp của Chính phủ. Chủ tịch nước có quyền yêu cầu Chính phủ họp bàn về vấn đề mà Chủ tịch nước xét thấy cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước.

- **Chính phủ:** Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp pháp của Quốc hội. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội và báo cáo công tác trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước (Hiến pháp 2013, Điều 94).

*Nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ* (Điều 96, Hiến pháp 2013)

+ Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

+ Đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội;

+ Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thi hành lệnh động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân;

+ Trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

+ Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống quan liêu, tham

những trong bộ máy nhà nước; lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định;

+ Bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

+ Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70 Hiến pháp năm 2013; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài;

+ Phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

*Thành phần và cơ cấu của Chính phủ (Điều 95, Hiến pháp 2013)*

+ Chính phủ gồm Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Cơ cấu, số lượng thành viên Chính phủ do Quốc hội quyết định.

+ Thủ tướng Chính phủ là người đứng đầu Chính phủ, chịu trách nhiệm trước Quốc hội về hoạt động của Chính phủ và những nhiệm vụ được giao; báo cáo công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

+ Phó Thủ tướng Chính phủ giúp Thủ tướng Chính phủ làm nhiệm vụ theo sự phân công của Thủ tướng Chính phủ và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về nhiệm vụ được phân công. Khi Thủ tướng Chính phủ vắng mặt, một Phó Thủ tướng Chính phủ được Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm thay mặt Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Chính phủ.

+ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm cá nhân trước Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ và Quốc hội về ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, cùng các thành viên khác của Chính phủ chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Chính phủ.

*Nguyên tắc tổ chức và hoạt động*

Chính phủ làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số. Nhiệm kỳ của Chính phủ theo nhiệm kỳ của Quốc hội. Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Chính phủ tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới thành lập Chính phủ. (Hiến pháp 2013, Điều 97).

- **Tòa án nhân dân:** Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân gồm Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án khác do luật định. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân có nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân (Hiến pháp 2013, Điều 102).

Hệ thống tổ chức của Tòa án nhân dân bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương; Tòa án quân sự.

- **Viện Kiểm sát nhân dân:** Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện Kiểm sát nhân dân gồm Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và các Viện Kiểm sát khác do luật định. Viện Kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất (Hiến pháp

2013, Điều 107).

Hệ thống tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân bao gồm: Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương; Viện kiểm sát quân sự.

- **Chính quyền địa phương:** Chính quyền địa phương được tổ chức ở các đơn vị hành chính của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cấp chính quyền địa phương gồm có Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được tổ chức phù hợp với đặc điểm nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính-kinh tế đặc biệt do luật định.

Chính quyền địa phương tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật tại địa phương; quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước cấp trên. Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương, địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ.

+ Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân địa phương, do Nhân dân

địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

+ Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên. Ủy ban nhân dân tổ chức việc thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương; tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân và thực hiện các nhiệm vụ do cơ quan nhà nước cấp trên giao (Hiến pháp 2013, Điều 111, 112, 113, 114).

### **3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội**

#### **3.1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam**

*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam* là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân; nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có nhiệm vụ tập hợp, xây dựng, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động. Khi phối hợp và thống nhất hành động, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tuân theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình. Đảng cộng sản Việt Nam vừa là tổ chức thành viên, vừa lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

#### **3.2. Các đoàn thể chính trị-xã hội**

Khoản 2, Điều 9, Hiến pháp 2013 quy định: “*Công đoàn Việt Nam, Hội nông dân Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội được thành*

*lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam".*

Các đoàn thể chính trị- xã hội (Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội nông dân) tùy theo tính chất, tôn chỉ và mục đích đã xác định trong điều lệ của đoàn thể, vừa vận động đoàn viên, hội viên giúp nhau chăm lo, bảo vệ các lợi ích thiết thực, vừa giáo dục nâng cao trình độ mọi mặt cho đoàn viên, hội viên, vừa tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

**Công đoàn Việt Nam** là tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn của giai cấp công nhân và người lao động, do người lao động tự nguyện lập ra nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết lực lượng, xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam lớn mạnh; phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế, vì hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Công đoàn Việt Nam có tính chất giai cấp của giai cấp công nhân và tính chất quần chúng, là thành viên của hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, có quan hệ hợp tác với Nhà nước, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội khác; hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Công đoàn Việt Nam trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân trên cơ sở gắn với lợi ích của quốc gia, dân tộc; có chức năng đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh** là tổ chức chính trị - xã hội của thanh niên Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện. Đoàn bao gồm những thanh niên tiên tiến, phấn đấu vì mục đích, lý tưởng của Đảng là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là đội dự bị tin cậy của Đảng Cộng sản Việt Nam; là lực lượng xung kích cách mạng; là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên; đại diện chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tuổi trẻ; phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; là lực lượng nòng cốt chính trị trong phong trào thanh niên và trong các tổ chức thanh niên Việt Nam. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là thành viên của hệ thống chính trị, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và Pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội



Chủ nghĩa Việt Nam. Đoàn phối hợp với các cơ quan Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, tổ chức kinh tế, xã hội, các tập thể lao động và gia đình chăm lo giáo dục, đào tạo và bảo vệ thanh thiếu nhi; tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia vào việc quản lý nhà nước và xã hội. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đoàn kết, phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác bình đẳng với các tổ chức thanh niên tiên bộ, thanh niên và nhân dân các nước trong cộng đồng quốc tế phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì tương lai và hạnh phúc của tuổi trẻ.

**Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam** là tổ chức chính trị - xã hội, tập hợp rộng rãi các tầng lớp phụ nữ Việt Nam. Hội có chức năng là đại diện, chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của các tầng lớp phụ nữ; tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước; đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới. Nhiệm vụ của hội là tuyên truyền, giáo dục phụ nữ về chính trị, tư tưởng, lý tưởng cách mạng, phẩm chất, đạo đức, lối sống; thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; vận động, hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực, trình độ, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và xây dựng gia đình hạnh phúc; tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện xã hội và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới; xây dựng, phát triển tổ chức Hội vững mạnh; đoàn kết, hợp tác với phụ nữ các nước, các tổ chức, cá nhân tiên bộ trên thế giới vì bình đẳng, phát triển và hoà bình.

**Hội Nông dân Việt Nam** là đoàn thể chính trị - xã hội của giai cấp nông dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; cơ sở chính trị của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Mục đích của Hội là tập hợp đoàn kết nông dân, xây dựng giai cấp nông dân vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng là lực lượng tin cậy trong khối liên minh vững chắc công, nông, trí, bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Chức năng của Hội là tập hợp, tuyên truyền, giáo dục, vận động hội viên, nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của hội viên, nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

**Hội Cựu chiến binh Việt Nam** là một đoàn thể chính trị - xã hội, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân. Hội Cựu chiến binh Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội nằm trong hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hội Cựu chiến binh Việt Nam là cầu nối giữa cựu chiến binh với Đảng, Nhà nước và Nhân dân; là trường học bồi dưỡng, chăm sóc những nhân tố tích cực trong tổ chức của mình. Hội Cựu chiến binh Việt Nam là lực lượng nòng cốt trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Hội Cựu chiến binh Việt Nam có chức năng đại diện ý chí, nguyện vọng và quyền lợi chính đáng, hợp pháp của hội viên và Cựu chiến binh. Hội làm tham mưu giúp cấp uỷ Đảng và làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết, vận động hội viên và Cựu chiến binh thực hiện các nhiệm vụ chính trị-xã hội của cách mạng và của Hội; tham gia giám sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, đại biểu dân cử và cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước.

## **5. Các nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam**

### **5.1. Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân**

Hiến pháp 2013 quy định "*Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân*". Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân và thông qua hoạt động của các cơ quan nhà nước khác. Quốc hội và Hội đồng nhân dân bao gồm các đại biểu của nhân dân do nhân dân bầu ra, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước, quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước và ở địa phương.

Ngoài ra Nhân dân còn trực tiếp thực hiện quyền lực nhà nước bằng nhiều cách khác nhau như: Nhân dân trực tiếp tham gia vào công việc quản lý nhà nước; tham gia thảo luận Hiến pháp và luật; trực tiếp bầu ra các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, giám sát hoạt động của các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân, bãi nhiệm các đại biểu này khi họ không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân; bỏ phiếu trưng cầu ý dân về những vấn đề quan trọng thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Nhà nước.

### **5.2. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội**

Điều 4 Hiến pháp năm 2013 khẳng định Đảng cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo đối với Nhà nước. Nội dung nguyên tắc thể hiện ở việc Đảng định hướng sự phát triển về tổ chức bộ máy nhà nước, giới thiệu, bồi dưỡng cán bộ ưu tú để Nhân dân lựa chọn bầu hoặc để các cơ quan nhà nước đề bạt bổ nhiệm giữ các vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước; Đảng vạch ra phương hướng xây dựng Nhà nước, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước; Đảng lãnh đạo

Nhà nước thông qua các đảng viên, các tổ chức Đảng trong các cơ quan nhà nước, thông qua công tác tuyên truyền, vận động quần chúng trong bộ máy nhà nước.

Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng mọi tổ chức của Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là một tất yếu khách quan, là sự bảo đảm cho nhà nước ta thực sự là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, Nhà nước của nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.

### ***5.3. Nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên tắc hoạt động chủ yếu của hệ thống chính trị, trong đó có Đảng và Nhà nước***

Khoản 1, Điều 8, Hiến pháp năm 2013 quy định “*Nhà nước tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ*”. Bản chất của nguyên tắc này thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa chế độ tập trung lợi ích của Nhà nước, sự trực thuộc, phục tùng

của các cơ quan nhà nước cấp dưới trước các cơ quan nhà nước cấp trên và chế độ dân chủ, tạo điều kiện cho việc phát triển sự sáng tạo, chủ động và quyền tự quản của các cơ quan nhà nước cấp dưới.

Tập trung và dân chủ là hai mặt của một thể thống nhất kết hợp hài hòa với nhau. Nếu chỉ chú trọng sự tập trung thì dễ dẫn đến chuyên quyền, độc đoán, mất dân chủ, nhưng nếu chỉ chú trọng phát triển dân chủ mà không bảo đảm sự tập trung thì dễ dẫn đến tình trạng vô chính phủ, cục bộ địa phương.

### ***5.4. Nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất có phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp***

Khoản 3, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định “*Quyền lực nhà nước là thống nhất trên cơ sở có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp*” trong đó Quốc hội được phân công thực hiện quyền lập pháp, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, Tòa án thực hiện quyền tư pháp.

### ***5.5. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách***

Thực hiện nguyên tắc này, các công việc của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị-xã hội đều phải được bàn bạc thống nhất nhằm phát huy dân chủ, tạo sự thống nhất. Mỗi lĩnh vực công tác do một cấp ủy viên phụ trách chỉ đạo, tham mưu, đề xuất với tập thể cấp ủy cho ý kiến, từ đó trở thành chủ trương của Đảng mới triển khai thực hiện. Nếu cấp ủy viên, thậm chí cả ủy viên ban thường vụ hay thường trực cấp ủy, tự tiện đưa ra chủ trương mà không được thảo luận trong tập thể là vi phạm nguyên tắc tập thể lãnh đạo. Mặt khác, mỗi cá nhân phải làm tốt trách nhiệm được phân công để lĩnh vực họ phụ trách được tốt, nên vai trò cá nhân phụ trách

cũng vô cùng quan trọng sau khi có nghị quyết về lĩnh vực họ phụ trách. Đồng thời mỗi cá nhân phải báo cáo kết quả công tác lĩnh vực mình phụ trách cho tập thể để mọi người tham gia ý kiến góp trí tuệ cho mình. Đây cũng là thực hiện tập thể lãnh đạo.

### **III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TIẾP TỤC ĐỔI MỚI, SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.**

- Nghị quyết số 18- NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII (lần thứ 6) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

#### **1. Quan điểm chỉ đạo:**

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội và quyền làm chủ của nhân dân; bám sát Cương lĩnh, Hiến pháp, Điều lệ và các văn kiện của Đảng trong việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Giữ vững các nguyên tắc tổ chức, hoạt động và đề cao kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nghiêm túc thực hiện nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo việc đổi mới, sắp xếp và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của hệ thống chính trị. Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung thống nhất của Trung ương, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của từng cấp, từng ngành, từng địa phương; xác định rõ trách nhiệm của tập thể và cá nhân, nhất là người đứng đầu.

- Bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; gắn đổi mới tổ chức bộ máy với đổi mới phương thức lãnh đạo, tinh giản biên chế và cải cách chế độ tiền lương; cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; thu hút người có đức, có tài; bố trí đủ nguồn lực cần thiết và có cơ chế, chính sách phù hợp đối với những người chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp.

- Có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, hiệu quả. Lãnh đạo tập trung, thống nhất; thực hiện thường xuyên, liên tục, tích cực, mạnh mẽ, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình, bước đi vững chắc, đáp ứng yêu cầu cả trước mắt và lâu dài. Những việc đã rõ, cần thực hiện thì thực hiện ngay; những việc mới, chưa được quy định, hoặc những việc đã có quy định nhưng không còn phù hợp thì mạnh dạn chỉ đạo thực hiện thí điểm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, từng bước hoàn thiện, mở rộng dần, không cầu toàn, không nóng vội; những việc chưa rõ, phức tạp, nhạy cảm, còn có ý kiến khác nhau thì tiếp tục nghiên cứu, tổng kết để có chủ trương, giải pháp phù hợp.

- Thực hiện nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc và một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Mô hình và quy mô tổ chức bộ máy phải phù hợp với tính chất, đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên về đổi mới, sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; tăng cường tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tạo sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, không để các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng xuyên tạc, chống phá, chia rẽ nội bộ.

## **2. Mục tiêu tổng quát:**

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phù hợp với thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

## **3. Nhiệm vụ, giải pháp chung đối với toàn bộ hệ thống chính trị:**

- Thực hiện Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của toàn hệ thống chính trị, ở Trung ương trực tiếp là Bộ Chính trị, ở địa phương trực tiếp là ban thường vụ cấp uỷ cấp tỉnh.

- Khẩn trương nghiên cứu, hoàn thiện và tổ chức thực hiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn, tinh gọn đầu mối bên trong các tổ chức của hệ thống chính trị gắn với tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất

lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kiên quyết giảm và không thành lập mới các tổ chức trung gian; giải thể hoặc sắp xếp lại các tổ chức hoạt động không hiệu quả. Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy không được tăng thêm đầu mối và biên chế; trường hợp đặc biệt cần tăng thêm đầu mối từ cấp vụ, cục hoặc tương đương trở lên phải có ý kiến của Bộ Chính trị.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo để một tổ chức, một người có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức, một người chủ trì và chịu trách nhiệm chính. Thực hiện tinh giản biên chế theo đúng mục tiêu đã đề ra. Quy định và quản lý chặt chẽ biên chế đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị trên cơ sở phân loại tổ chức, tiêu chuẩn chức danh cán bộ, công chức, viên chức và xác định vị trí việc làm một cách khoa học, sát thực tế. Quy định số lượng biên chế tối thiểu được thành lập tổ chức, số lượng lãnh đạo cấp phó tối đa của một tổ chức phù hợp với đặc điểm của từng cấp, từng ngành, từng địa phương. Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm phạm vi, đối tượng bổ nhiệm cấp "hàm"; giảm tỉ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tổ chức bộ máy của các cấp, các ngành, các địa phương, bảo đảm đồng bộ, thống nhất. Mạnh dạn thí điểm một số mô hình mới về thu gọn tổ chức bộ máy và kiêm nhiệm chức danh để tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; kịp thời sơ kết, tổng kết và mở rộng dần những mô hình phù hợp, hiệu quả.

- Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, công khai, minh bạch, dân chủ trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các tổ chức của hệ thống chính trị. Tiến hành sơ kết, tổng kết và đổi mới việc thi tuyển, bổ nhiệm, sử dụng, đánh giá và thực hiện chế độ, chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức, viên chức; đẩy mạnh cải cách tiền lương. Thực hiện nghiêm chế độ miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức, cho thôi việc hoặc thay thế kịp thời những người kém năng lực, phẩm chất đạo đức, không đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn của chức danh, không hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Khuyến khích sự năng

động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành, các địa phương trong việc xây dựng, kiện toàn tổ chức, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể, sát thực để tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức, cá nhân thực hiện có hiệu quả; xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định, không đạt mục tiêu tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để kiểm điểm, đánh giá, giới thiệu bầu cử, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ.

- Tiếp tục cải cách hành chính mạnh mẽ, ứng dụng sâu rộng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ thông tin; đẩy mạnh xây dựng chính phủ điện tử, đô thị thông minh; tổng kết, đánh giá để có giải pháp sử dụng hiệu quả hạ tầng công nghệ thông tin, chống lãng phí, góp phần tinh gọn bộ máy và tinh giản biên chế. Đầu tư thỏa đáng các nguồn lực cho công tác nghiên cứu khoa học về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ của hệ thống chính trị. Nghiên cứu sửa đổi quy định và thực hiện việc phân bổ ngân sách chi thường xuyên đối với các tổ chức, cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Bố trí đủ nguồn lực và có cơ chế, chính sách phù hợp đối với những cán bộ, công chức, viên chức chịu tác động trực tiếp trong quá trình sắp xếp, cơ cấu lại tổ chức bộ máy. Cảnh giác và chủ động có các giải pháp ngăn chặn các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch và phần tử xấu.

## **2. Những định hướng, nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo tinh thần Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng**

### ***Định hướng:***

Tiếp nối đường lối đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt về tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị qua các nhiệm kỳ, nhất là trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đại hội XIII tiếp tục khẳng định tinh thần đổi mới mạnh mẽ, quyết liệt hơn nữa, hướng tới xây dựng hệ thống chính trị thực sự tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Quan điểm tổng quát được xác định ngay tại mệnh đề đầu tiên của tiêu đề Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII: “*Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh*”, coi đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, xuyên suốt nhiệm kỳ và giữ vị trí, vai trò quyết định. Nội dung này được thể

hiện rõ tại quan điểm chỉ đạo thứ 5 của Báo cáo chính trị, yêu cầu nâng cao chất lượng toàn diện: *“xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện, xây dựng Nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; gắn với tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với Nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”*

- Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Đại hội XIII nhấn mạnh nhiệm vụ đổi mới tổ chức bộ máy các tổ chức thành viên của hệ thống chính trị: *“tiếp tục đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội”*; *“Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì Nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước”*; *“xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*.

#### **Nhiệm vụ, giải pháp:**

Đại hội XIII xác định các nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị với những định hướng, biện pháp: *“Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đồng bộ với đổi mới kinh tế, văn hóa, xã hội, con người..., đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức của hệ thống chính trị. Tổng kết các mô hình thí điểm về tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị, khắc phục sự chồng chéo và những bất hợp lý trong tổ chức của Đảng và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Đẩy mạnh thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm”*

- Đối với các cơ quan nhà nước, Đại hội định hướng việc tiếp tục phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực: *“Xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước”*

+ Đại hội định hướng tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu



quả hoạt động, phát huy dân chủ, pháp quyền, tăng tính chuyên nghiệp trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trong thực hiện chức năng lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao... Bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu, nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng hợp lý số lượng đại biểu hoạt động chuyên trách; giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tố tụng tư pháp.

+ Đối với chính quyền địa phương, Đại hội định hướng nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng phù hợp với đặc điểm địa bàn, loại bỏ cấp trung gian, xây dựng chính quyền điện tử: *“Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với địa bàn nông thôn, đô thị, hải đảo, đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt theo luật định; thực hiện và tổng kết việc thí điểm chính quyền đô thị nhằm xây dựng và vận hành các mô hình quản trị chính quyền đô thị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*; *“kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế. Thúc đẩy xây dựng chính quyền điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp”*.

+ Định hướng xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội gần dân, hướng về cơ sở và phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội: *“Đổi mới tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, hướng mạnh về cơ sở, địa bàn dân cư. Thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên, tích cực tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, tăng cường đối ngoại nhân dân. Xây*

*dựng thế trận lòng dân, phát huy sức mạnh đoàn kết, đồng thuận của Nhân dân trong và ngoài nước để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.*

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

2. Nghị quyết số 18- NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII (lần thứ 6) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Kết luận số 50-KL/TW ngày 28/02/2023 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18- NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3. Hiến pháp 2013.

4. Bộ Nội vụ, Tài liệu Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, 2022.

## **CHUYÊN ĐỀ 2**

### **CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC VÀ ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ**

#### **A. CÔNG VỤ, CÔNG CHỨC**

##### **I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG VỤ**

###### **1. Khái niệm công vụ**

Ở các quốc gia khác nhau, đặc điểm mỗi nền công vụ khác nhau dẫn đến cách tiếp cận về khái niệm công vụ cũng khác nhau. Tuy nhiên, các quan niệm về hoạt động công vụ đều chỉ ra rằng vai trò hoạt động công vụ chi phối và ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả, hiệu lực hoạt động quản lý của nhà nước.

Công vụ là một loại lao động mang tính quyền lực nhà nước - pháp lý được thực thi bởi đội ngũ cán bộ, công chức hoặc những tổ chức, cá nhân khi được Nhà nước trao quyền nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, phụng sự Tổ quốc, Nhà nước, phục vụ nhân dân, dân tộc.

Ở Việt Nam, Điều 2, Luật Cán bộ, công chức (CBCC) đưa ra quy định hoạt động công vụ của cán bộ, công chức là việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức theo quy định của Luật CBCC và các quy định khác có liên quan.

###### **2. Đặc trưng công vụ**

- Về mục tiêu hoạt động công vụ

Công vụ nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, phụng sự Tổ quốc, Nhà nước, phục vụ nhân dân, dân tộc; đáp ứng đòi hỏi chính đáng của nhân dân, của tổ chức.

Mục tiêu của công vụ xuất phát từ bản chất nhân dân của nhà nước ta. Với bản chất là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân nên công vụ nhà nước không có mục đích tự thân của nó, mục tiêu công vụ phải vì Tổ quốc, vì Nhân dân, phục vụ lợi ích chung của Tổ quốc, của Nhân dân. Mục tiêu bao quát này chi phối mọi hoạt động công vụ của CBCC trong bộ máy nhà nước, chi phối toàn bộ nền công vụ nhà nước.

Trong hoạt động công vụ, CBCC thực hiện các công việc quản lý nhà nước của hệ thống các cơ quan nhà nước nhằm đạt được mục tiêu của nhà nước đề ra. Cụ thể hóa mục tiêu chung này, CBCC phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu của ngành, lĩnh vực, của địa phương hoặc của từng loại cơ quan, tổ chức nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Về quyền lực và quyền hạn trong thực thi công vụ

Trong hoạt động công vụ, các cơ quan nhà nước, CBCC được sử dụng quyền lực nhà nước. Đây là loại quyền lực đặc biệt nhằm thực hiện hoạt động quản lý

nhà nước của tất cả các cơ quan nhà nước và là một dấu hiệu quan trọng để phân biệt loại hoạt động công vụ với các hoạt động khác. Quyền lực nhà nước có một số đặc trưng sau:

- + Quyền lực nhà nước khó có thể lượng hóa, được quy định trong pháp luật;
- + Quyền lực nhà nước trao cho từng tổ chức, cá nhân mang tính pháp lý;
- + Quyền lực nhà nước trao cho tổ chức được quy định trong các quyết định thành lập tổ chức;
- + Quyền lực nhà nước trao cho cá nhân trong quyết định cụ thể. Khi muốn thay đổi, bổ sung và rút bớt quyền lực đòi hỏi phải có quyết định mới thay thế cho quyết định đã có.

Quyền hạn được hiểu là giới hạn quyền lực pháp lý của nhà nước trao cho các tổ chức và cá nhân để thực thi công vụ. Quyền hạn luôn gắn liền với nhiệm vụ được trao. Nói cách khác, quyền hạn gắn liền với công việc được đảm nhận chứ không gắn liền với người. Trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, quyền hạn là yếu tố cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, nhưng quyền hạn được trao phải tương xứng với nhiệm vụ. Nếu nhiệm vụ được giao không kèm theo đầy đủ quyền hạn thì sẽ có không ít những nhiệm vụ không được thực hiện và như vậy mục tiêu chung của cơ quan nhà nước sẽ không đạt được; ngược lại khi có quá nhiều quyền hạn mà quá ít việc phải làm cũng có thể nảy sinh việc lạm dụng quyền hạn.

- Về nguồn lực để thực thi công vụ

Hoạt động công vụ được bảo đảm bằng ngân sách nhà nước. Một đặc trưng của nhà nước được thừa nhận chung là nhà nước đặt ra thuế và tiến hành thu thuế để nuôi dưỡng bộ máy nhà nước, bảo đảm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Vì vậy, toàn bộ kinh phí cho bộ máy nhà nước hoạt động, tiền lương của CBCC đều lấy từ ngân sách nhà nước.

Công vụ do CBCC là người làm trong các cơ quan nhà nước thực hiện. Ngoài ra, hoạt động công vụ còn được thực hiện bởi các cá nhân, tổ chức được nhà nước trao quyền. Trong xu thế hiện nay, sự tham gia của nhân dân vào hoạt động quản lý nhà nước ngày càng được quan tâm và khuyến khích. Do vậy, các hoạt động công vụ được thực thi bởi những người không phải là CBCC ngày càng gia tăng.

- Về quy trình thực thi công vụ

Do công vụ là một dạng hoạt động đặc biệt khác với các hoạt động thông thường khác nên quy trình thực thi công vụ có một số đặc trưng cơ bản sau đây:

- + Tính pháp lý: Hoạt động công vụ của các cơ quan nhà nước thực chất là hoạt động thực hiện các chức năng, nhiệm vụ do nhà nước giao thông qua văn bản pháp luật. Chính vì vậy, quá trình thực hiện hoạt động công vụ mang tính pháp lý cao.

+ Tuân thủ theo quy định: Cách thức thực thi công việc mang tính cứng nhắc, quy định thành quy tắc, thủ tục. Trong quá trình thực thi công vụ, CBCC phải tuân thủ chặt chẽ các quy tắc và thủ tục.

+ Công khai: Hoạt động công vụ phải được công khai trừ những trường hợp thuộc về bí mật nhà nước.

+ Bình đẳng: Hoạt động công vụ phải đảm bảo mọi người được cung cấp dịch vụ thông qua công vụ bình đẳng.

+ Có sự tham gia của các chủ thể có liên quan: Hoạt động công vụ không chỉ được thực thi bởi các cơ quan nhà nước mà còn có sự tham gia của Nhân dân, các chủ thể khác khi được Nhà nước trao quyền. Đặc biệt, xu hướng xã hội hóa một số dịch vụ công do Nhà nước đảm nhận trước đây làm cho vai trò của các chủ thể khác trong quá trình thực thi công vụ ngày càng gia tăng.

### **3. Các điều kiện để đảm bảo thực thi công vụ**

- Hệ thống pháp luật quy định hoạt động của các cơ quan thực thi công vụ, bao gồm: Hiến pháp, các đạo luật và các văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

- Hệ thống các quy tắc, luật lệ quy chế quy định cách thức tiến hành các hoạt động công vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành, tạo thành hệ thống thủ tục hành chính, quy tắc quy định các điều kiện tiến hành công vụ.

- Công chức, với tư cách là những chủ thể thực sự tiến hành các công vụ cụ thể. Đây là hạt nhân của nền công vụ và cũng chính là yếu tố bảo đảm cho nền công vụ hiệu lực, hiệu quả.

- Công sở là nơi tổ chức tiến hành các công vụ. Công sở cần phải bảo đảm các điều kiện cần thiết để Nhân dân được tiếp cận với công vụ thuận tiện khi tiến hành công vụ.

Ngoài ra Luật Cán bộ, công chức cũng quy định các điều kiện khác đảm bảo thi hành công vụ bao gồm: Nhà ở công vụ, trang thiết bị làm việc trong công sở, phương tiện đi lại để thi hành công vụ. (Điều 71 đến Điều 73, Luật CBCC)

### **4. Các nguyên tắc hoạt động công vụ**

Các nguyên tắc hoạt động công vụ là những quan điểm, tư tưởng chi phối toàn bộ hoạt động công vụ nhà nước, hoạt động công vụ của CBCC nhà nước. Đây là những quan điểm, tư tưởng có tính chất nền tảng, phản ánh bản chất của công vụ, quyết định định hướng của nền công vụ của quốc gia. Nền công vụ có thực sự mang tính phục vụ Nhân dân hay không tùy thuộc vào việc tôn trọng, thực hiện những nguyên tắc công vụ như thế nào.

Các quốc gia thường đưa ra những nguyên tắc công vụ bao gồm:

- Lấy lợi ích nhân dân làm mục tiêu hoạt động;

- CBCC thực hiện công vụ chịu sự giám sát của nhân dân, bị thay thế, bãi miễn khi không đủ năng lực và có hành vi vi phạm pháp luật;
- Mọi công dân đều bình đẳng trong việc đảm nhiệm công vụ;
- Quyền, nghĩa vụ của CBCC được quy định công khai trong văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;
- Nguyên tắc tuân thủ pháp luật (Hiến pháp, luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác, quy định,...);
- Đúng quyền hạn được trao;
- Chịu trách nhiệm với công vụ thực hiện;
- Thống nhất trong quá trình thực thi công vụ giữa các cấp, ngành, lãnh thổ;
- Nguyên tắc công khai;
- Nguyên tắc minh bạch.

Ngoài những nguyên tắc chung của nền công vụ các quốc gia thường đề cập tới thì trong Điều 3, Luật Cán bộ, công chức, quy định nguyên tắc thực thi công vụ cần tuân thủ bao gồm:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật;
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân;
- Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát;
- Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu quả;
- Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.

## II. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG CHỨC

### 1. Khái niệm công chức

Ngày 25/11/2019, Quốc hội thông qua Luật Sửa đổi, bổ sung Luật Cán bộ, công chức, tại Khoản 1, Điều 1 (sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 4 Luật Cán bộ, công chức 2008) quy định: *“Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.”*

Ngoài ra, theo Khoản 3, Điều 4, Luật CBCC còn có quy định về công chức cấp xã. Đó là công dân Việt Nam được tuyển dụng giữ một chức danh chuyên môn, nghiệp vụ thuộc UBND cấp xã, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

Căn cứ xác định công chức là:

- Là công dân Việt Nam;
- Được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh;
- Trong biên chế, hưởng lương từ ngân sách nhà nước;
- Làm việc trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an.

## **2. Phân loại công chức**

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Luật CBCC năm 2008 và Khoản 4, Điều 1 của Luật Cán bộ, công chức sửa đổi, bổ sung năm 2019 (sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Điều 34 Luật Cán bộ, công chức 2008), phân loại công chức như sau:

- Căn cứ vào hệ thống thứ bậc trong cơ cấu của hệ thống chính trị:
  - + Công chức làm việc ở cơ quan trung ương;
  - + Công chức làm việc ở cơ quan cấp tỉnh;
  - + Công chức làm việc ở cơ quan cấp huyện;
  - + Công chức làm việc ở cấp xã.
- Căn cứ vào tổ chức làm việc, công chức được phân loại:
  - + Công chức làm việc ở cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam
  - + Công chức làm việc ở cơ quan nhà nước;
  - + Công chức làm việc ở tổ chức chính trị - xã hội;
  - + Công chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân
  - + Công chức trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân
- Căn cứ vào lĩnh vực ngành, nghề, chuyên môn, nghiệp vụ, công chức được phân loại theo ngạch công chức tương ứng sau đây:
  - + Loại A gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên cao cấp hoặc tương đương;
  - + Loại B gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính hoặc tương đương;
  - + Loại C gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên hoặc tương đương;
  - + Loại D gồm những người được bổ nhiệm vào ngạch cán sự hoặc tương đương và ngạch nhân viên.
- Căn cứ vào vị trí công tác, công chức được phân loại:
  - + Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;
  - + Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Phân loại công chức có ý nghĩa rất quan trọng trong xây dựng và quản lý đội ngũ công chức có hiệu quả. Cụ thể:

- Là cơ sở để đề ra những tiêu chuẩn khách quan trong việc tuyển chọn người vào làm việc trong cơ quan nhà nước, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Giúp cho việc xác định tiền lương, các chế độ, chính sách một cách hợp lý, chính xác.

- Giúp cho việc tiêu chuẩn hóa và cụ thể hóa việc đánh giá công chức.

- Giúp cho việc xây dựng, quy hoạch đào tạo và bồi dưỡng công chức đúng đối tượng theo yêu cầu, nội dung công việc.

- Đưa ra các căn cứ cho việc xác định biên chế công chức một cách hợp lý.

### **3. Nghĩa vụ, quyền của công chức**

#### ***a. Nghĩa vụ của công chức***

Công chức thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Luật Cán bộ, công chức bao gồm:

- *Nghĩa vụ của công chức đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân*

- + Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia;

- + Tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân;

- + Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân;

- + Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- *Nghĩa vụ của công chức trong thi hành công vụ*

- + Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

- + Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước;

- + Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- + Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao;

- + Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình;



+ Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

- *Nghĩa vụ của công chức là người đứng đầu*

Ngoài việc thực hiện quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Cán bộ, công chức, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 10 của Luật này, cụ thể:

+ Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức;

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân;

+ Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức;

+ Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### ***b. Quyền của công chức***

Công chức thực hiện các quyền theo quy định từ Điều 11 đến Điều 14 của Luật Cán bộ, công chức bao gồm:

- *Quyền được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ*

+ Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ;

+ Được bảo đảm trang thiết bị và các điều kiện làm việc khác theo quy định của pháp luật;

+ Được cung cấp thông tin liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

+ Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ;

+ Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ.

- *Quyền về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương*

+ Được Nhà nước bảo đảm tiền lương tương xứng với nhiệm vụ, quyền hạn được giao, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước. Công chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc trong các ngành, nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật;

+ Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật.

*- Quyền về nghỉ ngơi*

Công chức được nghỉ hàng năm, nghỉ lễ, nghỉ để giải quyết việc riêng theo quy định của pháp luật về lao động. Trường hợp do yêu cầu nhiệm vụ, công chức không sử dụng hoặc sử dụng không hết số ngày nghỉ hàng năm thì ngoài tiền lương còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền lương cho những ngày không nghỉ.

*- Các quyền khác*

Công chức được bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội; được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật; nếu bị thương hoặc hy sinh trong khi thi hành công vụ thì được xem xét hưởng chế độ, chính sách như thương binh hoặc được xem xét để công nhận là liệt sĩ và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

***c. Những việc công chức không được làm***

Những điều công chức không được làm quy định tại Điều 18, Điều 19 và Điều 20 của Luật Cán bộ, công chức bao gồm:

*- Những việc công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ (Điều 18)*

+ Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công;

+ Sử dụng tài sản của Nhà nước và của Nhân dân trái pháp luật;

+ Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi;

+ Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức.

*- Những việc công chức không được làm liên quan đến bí mật nhà nước (Điều 19)*

+ Công chức không được tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi hình thức;

+ Công chức làm việc ở ngành, nghề có liên quan đến bí mật nhà nước thì trong thời hạn ít nhất là 05 năm, kể từ khi có quyết định nghỉ hưu, thôi việc, không được làm công việc có liên quan đến ngành, nghề mà trước đây mình đã đảm nhiệm cho tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài.

*- Những việc khác công chức không được làm (Điều 20)*

Ngoài những việc không được làm quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Luật này, công chức còn không được làm những việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, công tác nhân sự quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và những việc khác theo quy định của pháp luật và của cơ quan có thẩm quyền.

#### **4. Đánh giá công chức**

Mục đích của đánh giá công chức là để làm rõ phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. Đánh giá công chức là một khâu trong công tác tổ chức, kết quả đánh giá là căn cứ để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với công chức.

Công chức được đánh giá theo các nội dung sau đây:

- Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị;
- Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc;
- Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;
- Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; tiến độ và chất lượng thực hiện nhiệm vụ. Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phải gắn với vị trí việc làm, thể hiện thông qua công việc, sản phẩm cụ thể;
- Tinh thần trách nhiệm và phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ;
- Thái độ phục vụ Nhân dân, doanh nghiệp đối với những vị trí tiếp xúc trực tiếp hoặc trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, ngoài các nội dung nêu trên còn được đánh giá theo các nội dung sau đây:

- Kế hoạch làm việc và kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao lãnh đạo, quản lý; việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân phải gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách. Mức xếp loại chất lượng của cá nhân không cao hơn mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp phụ trách;
- Tiến độ, chất lượng các công việc được giao
- Năng lực lãnh đạo, quản lý;
- Năng lực tập hợp, đoàn kết công chức.

Thời điểm đánh giá công chức được thực hiện như sau:

- Đánh giá hàng năm; đánh giá trước khi thực hiện xét nâng ngạch, nâng lương trước thời hạn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, quy hoạch, điều động; đánh giá trước khi kết thúc thời gian luân chuyển, biệt phái;

- Căn cứ vào yêu cầu quản lý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức quy định đánh giá công chức theo quý, tháng hoặc tuần phù hợp với đặc thù công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình, bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan, định lượng bằng kết quả, sản phẩm cụ thể; kết quả đánh giá là căn cứ để thực hiện đánh giá công chức.

Đối với đánh giá hàng năm, Nghị định 90/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức quy định tiêu chí đánh giá chung như sau:

- *Về chính trị tư tưởng*

+ Chấp hành chủ trương, đường lối, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức, kỷ luật của Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình;

+ Có quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng; kiên định lập trường; không dao động trước mọi khó khăn, thách thức;

+ Đặt lợi ích của Đảng, quốc gia - dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân;

+ Có ý thức nghiên cứu, học tập, vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nghị quyết, chỉ thị, quyết định và các văn bản của Đảng.

- *Đạo đức, lối sống*

+ Không tham ô, tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, cơ hội, vụ lợi, hách dịch, cửa quyền; không có biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa;

+ Có lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, trong sáng, giản dị;

+ Có tinh thần đoàn kết, xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị trong sạch, vững mạnh;

+ Không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi.

- *Về tác phong, lề lối làm việc*

+ Có trách nhiệm với công việc; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, linh hoạt trong thực hiện nhiệm vụ;

+ Phương pháp làm việc khoa học, dân chủ, đúng nguyên tắc;

+ Có tinh thần trách nhiệm và phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ;

+ Có thái độ đúng mực và phong cách ứng xử, lề lối làm việc chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu của văn hóa công vụ.

- *Về ý thức tổ chức kỷ luật*

+ Chấp hành sự phân công của tổ chức;

+ Thực hiện các quy định, quy chế, nội quy của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác;

+ Thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo quy định;

+ Báo cáo đầy đủ, trung thực, cung cấp thông tin chính xác, khách quan về những nội dung liên quan đến việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị với cấp trên khi được yêu cầu.

- Về kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao

+ Đối với cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý:

Quán triệt, thể chế hóa và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Duy trì kỷ luật, kỷ cương trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; không để xảy ra các vụ, việc vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật phải xử lý, tình trạng khiếu nại, tố cáo kéo dài; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong phạm vi cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra, giám sát, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền; chỉ đạo, thực hiện công tác cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức tại cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, phụ trách, trong đó xác định rõ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, lượng hóa bằng sản phẩm cụ thể.

+ Đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, theo kế hoạch đề ra hoặc theo công việc cụ thể được giao; khối lượng, tiến độ, chất lượng thực hiện nhiệm vụ;

Thái độ phục vụ nhân dân, doanh nghiệp đối với những vị trí tiếp xúc trực tiếp hoặc trực tiếp giải quyết công việc của người dân và doanh nghiệp.

Căn cứ vào kết quả đánh giá, công chức được xếp loại chất lượng theo các mức như sau:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ;

- Hoàn thành nhiệm vụ;

- Không hoàn thành nhiệm vụ.

Trường hợp công chức không hoàn thành nhiệm vụ, pháp luật quy định việc xử lý như sau:

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền cho thôi việc đối với công chức có 02 năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;

- Công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có 02 năm không liên tiếp trong thời hạn bổ nhiệm được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ thì bố trí công tác khác hoặc không bổ nhiệm lại;

- Công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong 03 năm có 02 năm không liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ ở vị trí việc làm đang đảm nhận thì bố trí vào vị trí việc làm có yêu cầu thấp hơn.

### **5. Khen thưởng và kỷ luật công chức**

Khen thưởng và kỷ luật là những công cụ, biện pháp quản lý trong quá trình xây dựng, phát triển và sử dụng công chức. Thông qua khen thưởng và kỷ luật để động viên, cổ vũ những điển hình, những gương tốt, phê phán, uốn nắn và phòng ngừa những hành vi vi phạm kỷ luật, vi phạm pháp luật của công chức. Sự kết hợp giữa khen thưởng và kỷ luật một cách chặt chẽ, công bằng, vô tư sẽ tạo động lực lớn trong thực hiện nền công vụ, là điều kiện để xây dựng một đội ngũ công chức có phẩm chất và thực thi tốt công vụ.

#### **a. Khen thưởng công chức**

Công chức có thành tích trong công vụ được khen thưởng theo quy định của pháp luật về khen thưởng. Công chức được khen thưởng do thành tích xuất sắc hoặc công trạng thì được nâng lương trước thời hạn, được ưu tiên khi xem xét bổ nhiệm chức vụ cao hơn nếu cơ quan, tổ chức, đơn vị có yêu cầu.

Trong khen thưởng phải đảm bảo các yêu cầu có tính nguyên tắc theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Điều 5 của Luật Thi đua khen thưởng năm 2022 như sau:

- Chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời;
  - Bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được;
  - Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó;
  - Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
  - Bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng
- Các hình thức khen thưởng như sau:
- Huân chương;
  - Huy chương;
  - Danh hiệu vinh dự nhà nước;
  - “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”;

- Kỷ niệm chương, Huy hiệu;
- Bằng khen;
- Giấy khen.

### ***b. Kỷ luật công chức***

Công chức có hành vi vi phạm các quy định về nghĩa vụ của công chức; những việc công chức không được làm; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; vi phạm đạo đức, lối sống hoặc vi phạm pháp luật khác khi thi hành công vụ thì bị xem xét xử lý kỷ luật.

- *Nguyên tắc xử lý kỷ luật*

+ Bảo đảm khách quan, công bằng; công khai, nghiêm minh; chính xác, kịp thời; đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

+ Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu công chức có từ 02 hành vi vi phạm trở lên thì xem xét, kết luận về từng hành vi vi phạm và quyết định chung bằng một hình thức cao nhất tương ứng với hành vi vi phạm.

+ Trường hợp công chức đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

➤ Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

➤ Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm mới.

+ Khi xem xét xử lý kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, động cơ, tính chất, mức độ, hậu quả, nguyên nhân vi phạm, hoàn cảnh cụ thể; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; thái độ tiếp thu và sửa chữa; việc khắc phục khuyết điểm, vi phạm, hậu quả; các trường hợp khác theo quy định của Đảng và của pháp luật được tính là căn cứ để xem xét miễn kỷ luật hoặc giảm nhẹ trách nhiệm.

+ Không áp dụng hình thức xử phạt hành chính hoặc hình thức kỷ luật đảng thay cho hình thức kỷ luật hành chính; xử lý kỷ luật hành chính không thay cho truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm đến mức bị xử lý hình sự.

+ Công chức bị xử lý kỷ luật về đảng thì trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị phải thực hiện quy trình xử lý kỷ luật hành chính (nếu có).

➤ Hình thức kỷ luật hành chính phải bảo đảm tương xứng với kỷ luật về đảng.

➤ Trường hợp còn có ý kiến khác nhau về việc xác định hình thức kỷ luật hành chính tương xứng với hình thức xử lý kỷ luật về đảng cao nhất thì cấp có

thẩm quyền quyết định việc thành lập Hội đồng xử lý kỷ luật để tham mưu; tham khảo ý kiến bằng văn bản của tổ chức Đảng ra quyết định xử lý kỷ luật đảng viên trước khi quyết định.

➤ Trường hợp có thay đổi về hình thức xử lý kỷ luật về đảng thì phải thay đổi hình thức xử lý kỷ luật hành chính tương xứng.

➤ Trường hợp cấp có thẩm quyền của Đảng quyết định xóa bỏ quyết định xử lý kỷ luật về đảng thì cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật hành chính phải ban hành quyết định hủy bỏ quyết định xử lý kỷ luật hành chính.

+ Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm trong quá trình xử lý kỷ luật.

+ Công chức có hành vi vi phạm lần đầu đã bị xử lý kỷ luật mà trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử lý kỷ luật có hiệu lực có cùng hành vi vi phạm thì bị coi là tái phạm; ngoài thời hạn 24 tháng thì hành vi vi phạm đó được coi là vi phạm lần đầu nhưng được tính là tình tiết tăng nặng khi xem xét xử lý kỷ luật.

+ Quyết định xử lý kỷ luật công chức có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày có hiệu lực thi hành; đối với trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách, cảnh cáo, giáng chức, cách chức thì việc quy hoạch, bổ nhiệm ứng cử vào chức vụ cao hơn, bố trí công tác cán bộ áp dụng hiệu lực theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

➤ Trường hợp đã có quyết định kỷ luật về đảng thì hiệu lực của quyết định xử lý kỷ luật hành chính tính từ ngày quyết định kỷ luật về đảng có hiệu lực. Trong thời gian này, nếu không tiếp tục có hành vi vi phạm pháp luật đến mức phải xử lý kỷ luật thì quyết định xử lý kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực mà không cần phải có văn bản về việc chấm dứt hiệu lực.

➤ Trường hợp công chức tiếp tục có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật trong thời gian đang thi hành quyết định xử lý kỷ luật thì xử lý theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 Nghị định 112/2020/NĐ-CP. Quyết định kỷ luật đang thi hành chấm dứt hiệu lực kể từ thời điểm quyết định kỷ luật đối với hành vi vi phạm pháp luật mới có hiệu lực. Các tài liệu liên quan đến việc xử lý kỷ luật và quyết định kỷ luật phải được lưu giữ trong hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức. Hình thức kỷ luật phải ghi vào lý lịch của cán bộ, công chức, viên chức.

+ Công chức có hành vi vi phạm trong thời gian công tác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ đến khi chuyển sang cơ quan, tổ chức, đơn vị mới mới phát hiện hành vi vi phạm đó và vẫn còn trong thời hiệu xử lý kỷ luật thì cấp có thẩm quyền của cơ quan, tổ chức, đơn vị mới thực hiện việc xem xét xử lý kỷ luật và áp dụng hình thức kỷ luật theo quy định pháp luật tương ứng với vị trí công chức hiện đang đảm nhiệm. Đối với trường hợp này, cơ quan, tổ chức, đơn vị cũ có trách nhiệm



cung cấp toàn bộ hồ sơ liên quan đến hành vi vi phạm và cử người phối hợp trong quá trình xem xét, xử lý kỷ luật. Các quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng và các quy định khác có liên quan được tính ở đơn vị cũ.

+ Không được cử vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột hoặc người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến hành vi vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật là thành viên Hội đồng kỷ luật hoặc là người chủ trì cuộc họp kiểm điểm.

- *Các hình thức kỷ luật đối với công chức*

+ Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Hạ bậc lương;
- Buộc thôi việc.

+ Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý:

- Khiển trách;
- Cảnh cáo;
- Giáng chức;
- Cách chức;
- Buộc thôi việc.

- *Thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật*

+ Thời hiệu xử lý kỷ luật là thời hạn mà khi hết thời hạn đó thì công chức người đã nghỉ việc, nghỉ hưu có hành vi vi phạm không bị xử lý kỷ luật. Thời hiệu xử lý kỷ luật được tính từ thời điểm có hành vi vi phạm. Trường hợp có hành vi vi phạm mới trong thời hạn để tính thời hiệu xử lý kỷ luật theo quy định thì thời hiệu xử lý kỷ luật đối với hành vi vi phạm cũ được tính lại kể từ thời điểm xảy ra hành vi vi phạm mới.

Thời hiệu xử lý kỷ luật được quy định như sau:

➤ 05 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách;

➤ 10 năm đối với hành vi vi phạm không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.

➤ Đối với các hành vi vi phạm sau đây thì không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật:

➤ Công chức là đảng viên có hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khai trừ;

➤ Có hành vi vi phạm quy định về công tác bảo vệ chính trị nội bộ;

➤ Có hành vi xâm hại đến lợi ích quốc gia trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại;

➤ Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp.

+ Thời hạn xử lý kỷ luật đối với công chức là khoảng thời gian từ khi phát hiện hành vi vi phạm của công chức hoặc từ khi cấp có thẩm quyền kết luận công chức có hành vi vi phạm đến khi có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền.

Thời hạn xử lý kỷ luật không quá 90 ngày; trường hợp vụ việc có tình tiết phức tạp cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn xử lý kỷ luật có thể kéo dài nhưng không quá 150 ngày.

Cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật phải bảo đảm xử lý kỷ luật trong thời hạn theo quy định. Nếu hết thời hạn xử lý kỷ luật mà chưa ban hành quyết định xử lý kỷ luật thì chịu trách nhiệm về việc chậm ban hành và phải ban hành quyết định xử lý kỷ luật nếu hành vi vi phạm còn trong thời hiệu.

Không tính vào thời hiệu, thời hạn xử lý kỷ luật đối với: Thời gian chưa xem xét xử lý kỷ luật; Thời gian điều tra, truy tố, xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự (nếu có); Thời gian thực hiện khiếu nại hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án về quyết định xử lý kỷ luật cho đến khi ra quyết định xử lý kỷ luật thay thế.

- *Thẩm quyền xử lý kỷ luật đối với công chức*

+ Đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc được phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.

+ Đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, người đứng đầu cơ quan quản lý hoặc người đứng đầu cơ quan được phân cấp thẩm quyền quản lý công chức tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật.

Đối với công chức cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý kỷ luật và quyết định hình thức kỷ luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trước khi chủ trì tổ chức họp kiểm điểm.

+ Đối với công chức biệt phái, người đứng đầu cơ quan nơi công chức được cử đến biệt phái tiến hành xử lý kỷ luật, thống nhất hình thức kỷ luật với cơ quan cử biệt phái trước khi quyết định hình thức kỷ luật. Trường hợp kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc thì căn cứ vào đề xuất của Hội đồng xử lý kỷ luật, cơ quan cử biệt phái ra quyết định buộc thôi việc.

+ Hồ sơ, quyết định kỷ luật công chức biệt phái phải được gửi về cơ quan quản lý công chức biệt phái.

+ Đối với công chức làm việc trong Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân thì thẩm quyền xử lý kỷ luật được thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý công chức.

- *Trình tự, thủ tục xử lý kỷ luật đối với công chức*

Việc xử lý kỷ luật đối với công chức được thực hiện theo các bước sau đây:

- + Tổ chức họp kiểm điểm;
- + Thành lập Hội đồng kỷ luật;
- + Cấp có thẩm quyền ra quyết định xử lý kỷ luật.

## **B. ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ**

### **I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ**

#### **1. Khái niệm, nguyên tắc đạo đức công vụ**

##### **1.1 Khái niệm đạo đức công vụ**

Xã hội loài người đã tạo ra nhiều phương thức điều chỉnh hành vi của con người như phong tục, tập quán, pháp luật,... và đạo đức cũng là một phương thức điều chỉnh như vậy. Đạo đức đánh giá hành vi con người dưới góc độ về chuẩn mực, về thiện, ác, nghĩa vụ, danh dự, lương tâm, hạnh phúc, chế độ,... Do vậy, mỗi cá nhân con người sống trong xã hội cụ thể, luôn phải có trách nhiệm chuyển những đòi hỏi của xã hội thành nhu cầu, mục đích và hứng thú trong mọi hoạt động của mình. Sự chuyển biến từ yêu cầu của xã hội thành hành vi đạo đức của mỗi cá nhân là việc tuân thủ những nguyên tắc, chuẩn mực mà xã hội ngăn cấm và tích cực hoạt động theo những gì được dư luận xã hội khuyến khích. Yêu cầu của xã hội dần dần thay đổi thì quan hệ và hành vi đạo đức cũng có sự thay đổi tương ứng. Xã hội phát triển thì ý thức, hành vi và quan hệ đạo đức cũng vận động theo xu hướng tích cực, tiến bộ và ngày càng giàu ý nghĩa nhân văn hơn. Hệ thống các giá trị đạo đức hình thành, phát triển và hoàn thiện gắn liền với sự phát triển và hoàn thiện của ý thức đạo đức. Trong đó, lý tưởng và tấm gương đạo đức của các vĩ nhân ở mỗi thời kỳ đóng vai trò định hướng. Hệ thống giá trị đạo đức mang tính chất tích cực tiến bộ khi nó phù hợp với sự phát triển tiến bộ xã hội, thúc đẩy sự phát triển đi lên của xã hội.

Đạo đức bao gồm ý thức đạo đức và thực tiễn đạo đức. Ý thức đạo đức là sự thể hiện thái độ nhận thức của con người trước hành vi của mình trong sự đối chiếu với hệ thống chuẩn mực và những quy tắc đạo đức do xã hội đặt ra, giúp con người tự giác điều chỉnh hành vi và hoàn thành nghĩa vụ đạo đức một cách tự nguyện. Ý thức đạo đức bao gồm cả tri thức và tình cảm đạo đức. Trong đó, tình cảm đạo đức là yếu tố quan trọng góp phần chuyển hóa tri thức thành hành vi đạo đức đúng đắn.

Như vậy, đạo đức là tổng hợp những nguyên tắc, quy tắc, chuẩn mực xã hội nhằm điều chỉnh các hành vi của con người trong quan hệ với nhau và quan hệ với xã hội, được thực hiện bởi niềm tin cá nhân, sức mạnh truyền thống và sức mạnh của dư luận xã hội.

Hoạt động công vụ do công chức nhân danh nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật, được pháp luật bảo vệ nhằm phục vụ lợi ích của công dân và xã hội. Hoạt động công vụ là hoạt động công quyền có tính chuyên nghiệp được tiến hành theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của nhà nước và tuân thủ pháp luật. Nội dung của hoạt động công vụ gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của nhà nước, nhất là chức năng xã hội nhằm phục vụ các nhu cầu chung của xã hội không vì mục đích lợi nhuận.

Đạo đức công vụ của người cán bộ, công chức gắn liền với đạo đức xã hội là một loại đạo đức nghề nghiệp đặc biệt. Đạo đức công vụ bao gồm: các quy định về những điều cán bộ, công chức không được làm, cách ứng xử của cán bộ, công chức khi thi hành công vụ. Như vậy, để hình thành đạo đức công vụ, cơ quan nhà nước cần đưa ra các quy định về chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức và cố gắng biến những quy định pháp luật đối với cán bộ, công chức thành những chuẩn mực đạo đức công vụ, nêu cao tính tự giác, trách nhiệm phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức.

Đạo đức công vụ được hiểu là đạo đức thực thi công vụ của cán bộ, công chức; là những giá trị và chuẩn mực đạo đức được áp dụng cho một nhóm người trong xã hội - cán bộ, công chức trong quá trình thực thi công vụ. Đó là hệ thống các chuẩn mực quy định nhận thức và hành động được xem là tốt hay xấu, là nên hay không nên làm cho hoạt động công vụ của người cán bộ, công chức nhằm xây dựng một nền công vụ chuyên nghiệp, trong sạch, tận tụy và công tâm. Đạo đức công vụ đề cập đến những người thực thi công vụ và những yêu cầu mang tính nguyên tắc trong thực thi công vụ hướng đến phục vụ nhân dân.

Tóm lại, đạo đức công vụ bao gồm hệ thống các nguyên tắc, quy tắc hành vi, ứng xử trong công vụ, nhằm điều chỉnh thái độ, hành vi, cách ứng xử, chức trách, bổn phận, nghĩa vụ của CBCC trong hoạt động công vụ và những người được ủy quyền thực thi công vụ, thể hiện ở lương tâm và trách nhiệm vì lợi ích chung, ý thức việc cần phải làm và mong muốn được làm vì lợi ích chung đó.

Các yếu tố tạo nên cấu trúc của đạo đức công vụ bao gồm: ý thức đạo đức công vụ, thực tiễn đạo đức công vụ và quan hệ đạo đức công vụ. Mỗi yếu tố không tồn tại độc lập, mà liên hệ tác động nhau, tạo nên sự vận động, phát triển và chuyển hóa bên trong của hệ thống đạo đức công vụ.

### **1.2 Nguyên tắc đạo đức công vụ**

Đạo đức công vụ cần tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

*Thứ nhất*, đạo đức công vụ thể hiện, phản ánh những yêu cầu, nội dung trong khuôn khổ pháp luật. Đạo đức công vụ phản ánh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước trong thực thi công vụ.

*Thứ hai*, hệ thống các tiêu chuẩn đạo đức công vụ phản ánh hệ thống các giá trị xã hội, vừa đảm bảo duy trì, phát huy các giá trị truyền thống, vừa đảm bảo tính hiện đại, văn minh, tiến bộ, hội nhập. Hệ thống các tiêu chuẩn đạo đức công vụ phải rõ ràng, không phức tạp, khó khăn trong thực hiện.

*Thứ ba*, các yêu cầu, quy trình thực thi công vụ, cũng như quá trình ra quyết định cần phải rõ ràng, công khai. Các quy trình càng rõ ràng, công khai thì quá trình giám sát của các chủ thể liên quan càng hiệu quả và việc thực thi công vụ càng chất lượng, đồng thời giảm được những hành vi lợi dụng, nhũng nhiễu, lạm quyền trong thực thi công vụ.

*Thứ tư*, đảm bảo cơ chế trách nhiệm đầy đủ và gắn trách nhiệm với quyền lợi. Trong thực thi công vụ, trách nhiệm thể hiện đạo đức công vụ của công chức đối với kết quả thực hiện, quá trình thực hiện cũng như chất lượng, hiệu quả, đồng thời thể hiện trách nhiệm của cá nhân đối với công việc, với tổ chức và xã hội.

## **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức công chức**

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng đạo đức cách mạng là “cái gốc” của cán bộ, công chức. Người viết: “Cũng như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân”.

Theo chủ tịch Hồ Chí Minh: “Cán bộ, công chức, muốn giúp công việc Chính phủ một cách đắc lực, nâng cao tinh thần kháng chiến, phải có bốn đức tính là: cần, kiệm, liêm, chính”.

Một trong những đặc điểm nổi bật của hoạt động công vụ của những công chức chính là ở chỗ “những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hành. Nếu không giữ đúng Cần, Kiệm, Liêm, Chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân”. Vì vậy, người cán bộ, công chức phải luôn luôn thực hiện cho được các đức tính: Cần, Kiệm, Liêm, Chính, Chí công vô tư.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh: Cần là người công chức phải làm việc đúng giờ, chớ đến trễ, về sớm. Việc ngày nào nên làm xong ngày ấy, chớ để ngày mai. Kiệm là tiết kiệm. Tiết kiệm thời gian, tiết kiệm tiền bạc, “vật liệu”, công sức. Liêm là liêm khiết, không đục khoét Nhân dân. Người căn dặn: “những người trong công sở phải lấy chữ Liêm làm đầu”. Chính là “công tâm, công đức. Chớ đem người công làm việc tư. Việc gì cũng phải công bình, chính trực... Phải trung

thành với Chính phủ, với đồng bào. Chớ lên mặt làm quan cách mạng”. Có như vậy công chức của chúng ta mới trở thành: “những người tôi chung của Nhân dân, con hiếu của Tổ quốc”. “Chí công vô tư” có nghĩa là hết sức lo cho công việc chung, không màng tư lợi. Hết sức công bằng, biết đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của Nhân dân, của Tổ quốc, của tập thể lên trước lợi ích của riêng tư. Thực hiện được đạo đức này, cũng có nghĩa là thực hiện được trách nhiệm mình vì mọi người, mọi người vì mình.

Hồ Chí Minh khi bàn về vấn đề đạo đức của đảng viên, cán bộ công chức thường sử dụng các phạm trù “Đức” và “Tài”. Công chức phải có đức, có tài. Người viết rằng: *“Cũng như sông phải có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được Nhân dân.”* Khi nói người cán bộ công chức có đức, có tài là muốn đề cập đến những khía cạnh hết sức cụ thể chẳng hạn: phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ học vấn chuyên môn, năng lực quản lý điều hành. Hơn bao giờ hết, đạo đức cán bộ công chức phải thể hiện thống nhất giữa đức và tài, trong đó đức là gốc.

Để hoàn thành nhiệm vụ của mình, để người công chức thực sự là “công bộc”, là “đầy tớ trung thành” của Nhân dân, ngoài việc phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, năng lực hoạt động thực tiễn, người công chức còn phải nâng cao bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức công vụ, đảm bảo đủ đức đủ tài, vừa “hồng”, vừa “chuyên” như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu. Người thường xuyên nhắc nhở công chức nhà nước phải thấm nhuần và thực hiện đồng thời hai việc: Tuân thủ pháp luật nhà nước, kỷ luật của tổ chức và giữ gìn đạo đức cách mạng. Đó là hai việc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Đạo đức cách mạng đòi hỏi người công chức nhà nước bất kỳ ở lĩnh vực công tác nào, trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được vi phạm pháp luật và coi thường kỷ luật của cơ quan. Trong quá trình thực thi công vụ, cán bộ công chức phải tuân thủ những chuẩn mực nhất định. Đó là:

*Thứ nhất*, công chức phải tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng. Công chức là những người làm công ăn lương của nhà nước, làm việc trong bộ máy nhà nước, mà nhà nước ta là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; vì thế trung thành với sự nghiệp cách mạng là phẩm chất đạo đức đầu tiên cần phải có ở công chức.

*Thứ hai*, công chức phải có ý thức rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ. Năng lực chuyên môn nghiệp vụ là phẩm chất thuộc về tài còn ý thức rèn luyện về chuyên môn nghiệp vụ là phẩm chất thuộc về đức. Bất kỳ ai, trong bất cứ việc gì và bất cứ ở đâu mà không thành thạo chuyên môn nghiệp vụ thì đều có thể gây

tác hại lớn cho xã hội. Đặc biệt, đối với công chức, những người hoạt động trong bộ máy nhà nước, liên quan đến toàn bộ đời sống xã hội, sự không thạo việc của họ sẽ dẫn đến tác hại khôn lường.

*Thứ ba*, công chức phải có mối quan hệ mật thiết với Nhân dân. Đây là yêu cầu tất yếu đối với công chức vì nhà nước ta là nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Hồ Chí Minh viết: “Đạo đức cách mạng là hòa mình với quần chúng thành một khối, tin quần chúng, hiểu quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng. Do đó, lời nói và việc làm của đảng viên, đoàn viên, cán bộ phải làm cho dân tin, dân phục, dân yêu”.

*Thứ tư*, công chức phải dám quyết đoán, dám chịu trách nhiệm, không hoang mang khi thất bại, không kêu ngạo khi thắng lợi. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Cán bộ và đảng viên cần nâng cao tinh thần phụ trách trước đảng và trước quần chúng, hết lòng hết sức phục vụ Nhân dân... phải chí công vô tư và có tinh thần lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”.

*Thứ năm*, công chức phải trung thực có chí tiến thủ, luôn tự phê bình và phê bình, không thành kiến, không giấu khuyết điểm, phải là một tấm gương mẫu mực về đạo đức cách mạng, phải vì dân vì nước. Đạo đức của người cách mạng không phải là những giáo điều nói suông mà phải là đạo đức của hành động.

*Thứ sáu*, công chức phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, từ sự đóng góp của Nhân dân, Nhân dân trả công cho cán bộ công chức phục vụ họ thì những người này phải cố gắng làm để phục vụ ngày càng tốt hơn cho Nhân dân, đó là cần. Sở dĩ có nạn tham nhũng và lãng phí là do bệnh quan liêu. Vì mắc bệnh quan liêu thành thử có mắt mà không thấy suốt, có tai mà không nghe thấu, có chế độ mà không giữ đúng, có kỷ luật mà không nắm vững, đó là không liêm, không chính. Công chức làm việc công, tiêu tiền công, lại có ít nhiều quyền hành nếu không có ý thức, tinh thần cao thì rất dễ hủ bại, đó là thiếu chí công vô tư.

*Thứ bảy*, công chức phải có tinh thần trách nhiệm cao với công việc không nên so bì xem công việc của mình có quan trọng hay không, công việc nào cũng cần thiết đối với sự nghiệp cách mạng; khi đã làm việc gì dù gặp khó khăn, trở ngại cũng phải quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

*Thứ tám*, công chức phải chấp hành nghiêm kỷ luật và có tinh thần sáng tạo trong thi hành công vụ, có ý chí cầu tiến bộ, luôn luôn phấn đấu trong công việc. Cán bộ công chức phải luôn có chí tiến thủ, tinh thần cầu tiến bộ. Mỗi cán bộ, công chức khi thi hành công vụ cần phải gương mẫu về đạo đức, tự giác tuân thủ kỷ luật của cơ quan, giữ vững nề nếp công tác, tránh được những cám dỗ; cán bộ

phụ trách phải theo đường lối chung nhưng cũng phải suy nghĩ tìm tòi, có những sáng kiến riêng của mình.

*Thứ chín*, công chức phải có tinh thần thân ái, hợp tác với đồng nghiệp trong thực hiện công việc. Mọi người cần đoàn kết thân mật, hợp tác chặt chẽ với nhau thì công việc mới hoàn thành được; thân ái hợp tác ở đây không phải là bao che khuyết điểm cho đồng nghiệp mà là để giúp nhau cùng tiến bộ và kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những hành vi vi phạm kỷ luật trong thi hành công vụ và trong cuộc sống.

## **II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ**

Nội dung của đạo đức công vụ thể hiện ở các chuẩn mực đạo đức công vụ và chuẩn mực pháp lý của đạo đức công vụ.

### **1. Các chuẩn mực đạo đức công vụ**

Thứ nhất, sự trung thành của người thực thi công vụ với nhân dân, nhà nước, chính thể, tổ chức: Công chức làm việc trong bộ máy nhà nước, phục vụ nhân dân; vì thế sự trung thành của người thực thi công vụ với nhà nước, với tổ chức, trung thành với sự nghiệp cách mạng phục vụ nhân dân, là phẩm chất đạo đức đầu tiên cần phải có.

Thứ hai, chấp hành Hiến pháp, pháp luật và các quy định, quy chế làm việc trong thi hành công vụ: Việc chấp hành Hiến pháp, pháp luật là tiêu chí không thể thiếu để đánh giá đạo đức của CBCS trong hoạt động công vụ và cả trong cuộc sống. Hiến pháp và pháp luật là khuôn mẫu về hành vi, xử sự được Nhà nước thauwf nhận, không đối lập với đạo đức, chấp hành Hiến pháp và pháp luật cũng là chấp hành các giá trị đạo đức đã được pháp luật hóa.

Bên cạnh Hiến pháp và pháp luật, các quy định, quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị là những chuẩn mực cụ thể, có vai trò quan trọng trong củng cố pháp chế và kỷ luật, điều chỉnh nhiều quan hệ trực tiếp liên quan tới quan hệ công vụ của công chức.

Thứ ba, hiệu quả hoạt động công vụ: Chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ, việc hoàn thành nghĩa vụ, nhiệm vụ công vụ của công chức là thước đo đánh giá sự phục vụ, cống hiến của họ đối với nhà nước, xã hội. Vì vậy, hiệu quả hoạt động công vụ là một trong những nội dung cơ bản của đạo đức công vụ.

Thứ tư, tính trung thực, không thiên vị, vụ lợi trong hoạt động công vụ. Tính trung thực quyết định sự đúng đắn, khách quan khi thực thi công vụ. Khi không trung thực trong cuộc sống cũng như hoạt động công vụ sẽ dẫn đến những quyết định gây tổn hại cho nhà nước, xã hội, cá nhân, tổ chức. Không trung thực, thiên vị, vụ lợi của công chức sẽ dẫn họ tới những vi phạm pháp luật trong công vụ.



Thứ năm, tận tụy, tự giác thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm, bổn phận công vụ. Đạo đức công vụ không phải là những giáo điều hình thức mà phải là đạo đức gắn với hành động thực tiễn. Mục tiêu của hoạt động công vụ là phục vụ nhà nước, xã hội và công dân, do đó trong quá trình hoạt động công vụ, công chức phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến nhân dân, đặt mình vào vị trí của nhân dân để giải quyết các công việc; có thái độ lịch sự, công bằng, giải quyết công việc đúng pháp luật, không gây phiền hà, sách nhiễu, không vụ lợi, hết lòng phục vụ và lắng nghe góp ý của nhân dân.

Thái độ thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm công vụ là một tiêu chí đánh giá đạo đức công vụ.

Thứ sáu, quan hệ với đồng nghiệp: Người có đạo đức công vụ tốt là người biết thiết lập quan hệ với đồng nghiệp trong công vụ, biết chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác, không chỉ biết hoàn thành nghĩa vụ công việc của mình mà còn biết giúp đỡ đồng nghiệp hoàn thành nhiệm vụ; có thái độ cầu thị, thân ái, biết giúp nhau cùng phát triển, hoàn thiện để hoàn thành nhiệm vụ chung. Thân ái, hợp tác không phải là bao che khuyết điểm mà để giúp nhau cùng tiến bộ và ngăn chặn những hành vi vi phạm kỷ luật trong công vụ và cả trong cuộc sống.

## **2. Các chuẩn mực pháp lý của đạo đức công vụ**

Từ những chuẩn mực chung của đạo đức công vụ, Nhà nước thể chế hóa thành các quy phạm pháp luật – quy định các chuẩn mực pháp lý bắt buộc CBCC phải tuân thủ trong quá trình thực thi công vụ.

Chúng ta chưa có một văn bản luật cụ thể quy định về đạo đức công vụ, cụ thể hóa những chuẩn mực đạo đức của cán bộ công chức trong quá trình thi hành công vụ ở Việt Nam. Tuy nhiên, nội dung về đạo đức công vụ được quy định chi tiết trong rất nhiều văn bản pháp luật của Việt Nam hiện nay. Cụ thể:

- Điều 8, Hiến pháp năm 2013 yêu cầu về đạo đức công vụ như sau: *“Các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân, liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí và mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền”*.

- Luật Cán bộ, công chức 2008 xác định đạo đức công vụ là một trong những phẩm chất quan trọng bậc nhất mà cán bộ, công chức phải có.

Điều 3, Luật Cán bộ, công chức 2008 quy định những nguyên tắc có tính định hướng cần quan tâm khi thi hành công vụ, cụ thể:

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
- Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân.

- Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát.
- Bảo đảm tính hệ thống, thống nhất, liên tục, thông suốt và hiệu.
- Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ.

Điều 15, Luật Cán bộ, công chức 2008 quy định: “ Cán bộ, công chức phải thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư trong hoạt động công vụ”

Luật Cán bộ, công chức 2008 quy định những nghĩa vụ cụ thể mà cán bộ, công chức phải làm:

- Nghĩa vụ đối với Đảng, Nhà nước và Nhân dân:

*“Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia. Tôn trọng Nhân dân, tận tụy phục vụ Nhân dân. Liên hệ chặt chẽ với Nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của Nhân dân. Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước”.*

- Nghĩa vụ trong thi hành công vụ: *“Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Có ý thức tổ chức kỷ luật; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị; báo cáo người có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; bảo vệ bí mật nhà nước. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ; giữ gìn đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản nhà nước được giao. Chấp hành quyết định của cấp trên. Khi có căn cứ cho rằng quyết định đó là trái pháp luật thì phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với người ra quyết định; trường hợp người ra quyết định vẫn quyết định việc thi hành thì phải có văn bản và người thi hành phải chấp hành nhưng không chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành, đồng thời báo cáo cấp trên trực tiếp của người ra quyết định. Người ra quyết định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật”.*

Đồng thời, Điều 18, 19, 20 Luật Cán bộ, công chức 2008 cũng quy định những việc công chức không được làm như: bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc hoặc tham gia đình công; sử dụng tài sản của Nhà nước và của Nhân dân trái pháp luật; lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi; phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức..v.v...

Ngoài ra, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị còn phải thực hiện các nghĩa vụ: Chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của cán bộ, công chức; tổ chức thực hiện các

biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;...

- Luật Phòng, chống tham nhũng cũng đề cập đến chuẩn mực đạo đức công vụ. Luật quy định: Quy tắc đạo đức nghề nghiệp là chuẩn mực xử sự phù hợp với đặc thù của từng nghề bảo đảm sự liêm chính, trung thực và trách nhiệm trong việc hành nghề. Đây là hệ thống những chuẩn mực của hoạt động công vụ, trong đó tính liêm chính được đề cao.

- Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí quy định về yêu cầu đạo đức đối với công chức trong việc sử dụng, quản lý tài sản công. Theo tinh thần của luật, ý thức bảo vệ của công, sử dụng có hiệu quả tài sản và thực hiện nghiêm chỉnh việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một trong những tiêu chuẩn đạo đức công vụ đối với cán bộ, công chức.

- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước quy định về trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại có nghĩa vụ bồi thường cụ thể.

- Bộ Luật hình sự năm 2015 cũng có quy định về mức xử lý cụ thể đối với người có chức vụ, quyền hạn vì thiếu trách nhiệm mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao.

- Quyết định 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 phê duyệt đề án văn hóa công vụ đưa ra 4 nội dung văn hóa công vụ mà cán bộ, công chức, viên chức phải thực hiện gồm: *Một là*: tinh thần, thái độ làm việc của cán bộ, công chức, viên chức; *hai là*, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; *ba là*, chuẩn mực về đạo đức, lối sống của cán bộ, công chức, viên chức; *bốn là*, trang phục của cán bộ, công chức, viên chức.

Trong đó quy định cụ thể về tinh thần thái độ làm việc như sau:

*“Cán bộ, công chức, viên chức phải trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia; tôn trọng và tận tụy phục vụ Nhân dân. Khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ, cán bộ, công chức, viên chức phải ý thức rõ về chức trách, bổn phận của bản thân, bao gồm:*

Phải sẵn sàng nhận và nỗ lực hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; không kén chọn vị trí công tác, chọn việc dễ, bỏ việc khó. Tâm huyết, tận tụy, gương mẫu làm tròn chức trách, nhiệm vụ được giao; không vướng vào “tư duy nhiệm kỳ”. Phải có ý thức tổ chức kỷ luật; sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc; tránh hiện tượng trung bình chủ nghĩa, làm việc qua loa, đại khái, kém hiệu quả; nghiêm chỉnh chấp hành nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức; chủ động phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Không được gây khó khăn, phiền hà, vùi vĩnh, kéo dài thời gian xử lý công việc của cơ quan, tổ chức và người dân; không thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm trước những khó khăn, bức xúc của người dân. Cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo phải công tâm, khách quan trong sử dụng, đánh giá cán bộ thuộc quyền quản lý; không lợi dụng vị trí công tác để bỏ nhiệm người thân quen; chủ động xin thôi giữ chức vụ khi nhận thấy bản thân còn hạn chế về năng lực và uy tín”.

Như vậy, có thể nói, các quy định của pháp luật về trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức khá đầy đủ, rõ ràng. Tuy nhiên đối với cán bộ, công chức làm việc đúng, nhưng chưa đủ để tạo ra kết quả theo yêu cầu, hoặc làm việc một cách cầm chừng, làm vừa đủ bản phận, sao cho không phạm phải khuyết điểm hay bệnh “vô cảm” của cán bộ, công chức – đáng tiếc là đang khá phổ biến hiện nay, tức là chưa hoàn thành trách nhiệm công vụ, thì chưa có quy định cụ thể và chế tài xử lý.

### **III. VAI TRÒ CỦA ĐẠO ĐỨC CÔNG VỤ TRONG THI HÀNH CÔNG VỤ**

#### **1. Đạo đức công vụ là giá trị xã hội**

Hầu hết các quốc gia trên thế giới đều cho rằng xây dựng đạo đức công vụ, công chức là định hướng xây dựng hành vi đạo đức của công chức tuân theo những giá trị đạo đức tích cực. Những giá trị mà các công chức cần phải có như lòng trung thành, đáng tin cậy, có trách nhiệm, trung thực, tận tụy, khiêm tốn, tích cực, tư cách trong sạch, hợp tác, trọng danh dự,...

*Thứ nhất*, nói về sự trung thành tin cậy, chưa có một Chính phủ nào không đề ra yêu cầu này và họ đều nhấn mạnh đây là một trong những phẩm chất đạo đức cơ bản của cán bộ, công chức. Tổ quốc tồn tại thì cá nhân tồn tại, chân lý đó trở thành tiềm thức trong mỗi con người. Dù chế độ chính trị nào, giai cấp cầm quyền đều yêu cầu về mặt đạo đức phải trung thành đáng tin cậy.

*Thứ hai*, đạo đức công vụ phải góp phần củng cố và đóng góp tích cực cho sự đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết dân tộc là sức mạnh, là tiền đề cho nhà nước phát triển thịnh vượng và Nhân dân an cư lạc nghiệp. Đoàn kết dân tộc tạo nên mối liên hệ chặt chẽ và bền vững giữa các thành viên trong tổ chức. Đoàn kết, tài năng cá nhân được bộc lộ và phát triển lành mạnh, khắc phục tính ích kỷ, đố kỵ nhỏ nhen, chia rẽ, bè phái. Do đó, đoàn kết và góp phần tăng cường tính đoàn kết dân tộc là giá trị đạo đức công vụ đặt ra với tất cả các nước.

*Thứ ba*, có lòng tự trọng, có trách nhiệm với cương vị công tác và nhiệm vụ được giao. Trong hệ thống, mỗi công chức giữ một cương vị nhất định và đảm trách những nhiệm vụ cụ thể đảm bảo sự vận hành của cả hệ thống, hoàn thành tốt nhất mục tiêu của nền hành chính quốc gia. Vì vậy, mỗi người dù cương vị nào cũng làm và hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình là đóng góp vào sự nghiệp

chung, giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy sự phát triển phồn vinh của dân tộc. Hoàn thành nhiệm vụ với trách nhiệm cao là nghĩa vụ, là danh dự của người công chức, viên chức. Nhận thức rõ điều đó, làm cho điều đó trở thành giá trị chuẩn mực, xem xét, đánh giá điều chỉnh hành vi cá nhân. Đó chính là lương tâm của công chức. Người có lương tâm, là người có lòng tự trọng trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức.

*Thứ tư*, thái độ và hành vi ứng xử tích cực của mỗi công chức tạo ra môi trường xã hội lành mạnh mang những giá trị nhân văn. Hành vi đạo đức của công chức được dẫn dắt bởi những quan điểm, tư tưởng pháp luật và những văn bản mang tính chất pháp lý khác như Luật Cán bộ công chức, Quy chế văn hóa,... và được kiểm soát bởi dư luận xã hội và tự vấn lương tâm.

## **2. Xây dựng đạo đức công vụ là nâng cao đạo đức nghề nghiệp và góp phần hoàn thiện nhân cách của cán bộ công chức**

Đạo đức công vụ là một dạng của đạo đức xã hội, biểu hiện qua đạo đức của mỗi cán bộ, công chức khi thực thi công vụ. Đồng thời, đó cũng là đạo đức nghề nghiệp của mỗi cá nhân, góp phần hoàn thiện năng lực, phẩm chất của một con người cụ thể. Đạo đức nghề nghiệp tồi thì không thể có một người có nhân cách tốt. Do đó, xây dựng đạo đức công vụ là góp phần nâng cao và hoàn thiện đạo đức nghề nghiệp của cá nhân, xây dựng và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân cán bộ, công chức.

Các tiêu chuẩn và các giá trị đạo đức giữ một vai trò hết sức quan trọng trong việc rèn luyện đạo đức kỷ luật và hạnh kiểm của mỗi công chức để họ trở nên hữu hiệu hơn, có năng suất công tác và tính trách nhiệm cao hơn, có khả năng đáp ứng, đổi mới sáng tạo, chân thực và ý thức trách nhiệm với việc làm cao hơn.

Đạo đức là phẩm chất quan trọng của nhân cách, là nền tảng để xây dựng thế giới tâm hồn của mỗi con người. Dù ở thời đại nào, quốc gia nào cũng vậy, việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho công chức là trung tâm chú ý của các nhà lãnh đạo và Chính phủ. Nghĩa vụ đạo đức không chỉ là sự đòi hỏi, yêu cầu đối với cá nhân mà còn là nhu cầu của sự tiến bộ, sự hoàn thiện đối với bản thân mỗi người. Nghĩa vụ đạo đức không phải là sự ép buộc từ bên ngoài mà nó là sự gắn bó chặt chẽ với ý thức về lý tưởng và triết lý sống phục vụ tận tụy của mỗi người. Trong lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp của công chức, nghĩa vụ đạo đức đòi hỏi mỗi cá nhân phải giải quyết một cách hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích xã hội. Mỗi bước tiến bộ nghề nghiệp của cá nhân đều gắn liền với niềm tin của dân chúng vào bộ máy công quyền, sự tiến bộ của xã hội và sự trưởng thành về mặt nhân cách của họ.

### **3. Đạo đức công vụ góp phần khai thác tối đa tiềm năng con người trong nền công vụ**

Trong xã hội hiện đại, đạo đức công vụ có vai trò xã hội to lớn, không chỉ là một nhánh của hệ thống đạo đức xã hội mà còn là một cấp độ phát triển đạo đức tiêu biểu, một đạo đức đã được thực tiễn hóa. Trong cuộc đời của một công chức, những thành công chủ yếu từ hoạt động nghề nghiệp mà ra. Vinh quang và cay đắng, danh dự và tủi nhục trong cuộc đời công chức ít nhiều liên quan đến vấn đề đạo đức thực hiện chức nghiệp của mỗi con người. Khi mỗi chủ thể đạo đức nhận thức một cách sâu sắc sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội, giữ được sự hài hòa, hạnh phúc của bản thân với hạnh phúc của mọi người trong xã hội mà mình phụng sự. Đó cũng là lý do làm cho ý thức về nghĩa vụ đạo đức được nuôi dưỡng, củng cố và phát triển trong môi trường xã hội lành mạnh, mỗi cá nhân đều cảm thấy yêu cuộc sống, yêu chuyên môn nghiệp vụ và cương vị công tác của mình. Nếu mất đi ý thức về nghĩa vụ đạo đức cũng có nghĩa là đánh mất ý thức về bản thân mình, mất đi ý nghĩa làm người và hoạt động chuyên môn nghề nghiệp cũng không còn động lực xã hội cao đẹp. Cũng chính vì lý do như vậy, mà ý thức về nghĩa vụ đạo đức của cán bộ, công chức được tất cả các thế hệ vun đắp, gìn giữ, phát triển và ngày càng được bổ sung, hoàn thiện, nó trở thành di sản quý báu đối với các thế hệ kế tiếp.

Xã hội càng dân chủ càng đòi hỏi đạo đức cá nhân của người công chức phải được hoàn thiện, mẫu mực vì chính họ là những người đứng đầu giải quyết quyền lợi, nghĩa vụ của công dân, giữ gìn kỷ cương, phép nước. Địa vị pháp lý của công chức buộc họ phải luôn tự rèn luyện, nâng cao phẩm chất đạo đức, tu dưỡng bản thân để không mắc phải các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Đạo đức nghề nghiệp của người công chức thể hiện trước hết ở lòng say mê, cần mẫn, tinh thần trách nhiệm và đề cao kỷ luật trong thi hành công vụ. Đó là ý thức luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ, công vụ được giao, kể cả khi gặp khó khăn, phức tạp. Nhờ đó mà cán bộ, công chức hành chính luôn cố gắng tìm kiếm những phương tiện, giải pháp, sáng kiến khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ, công vụ. Đạo đức nghề nghiệp đòi hỏi người công chức phải biết tiết kiệm, không chỉ cho bản thân mình mà quan trọng hơn là tiết kiệm thời gian, tiền của của Nhân dân, tiết kiệm công sản, công quỹ, tiết kiệm tài nguyên của đất nước, chống lãng phí trong cơ quan nhà nước.

#### **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Nội vụ, Tài liệu Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, 2022;
2. Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức 2019;

3. Luật số 06/2022/QH15 ngày 15/6/2022 về Thi đua, khen thưởng;
4. Học viện Hành chính quốc gia: Quản lý công vụ, công chức. Nxb.Bách khoa Hà Nội, 2021;
5. Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
6. Nghị định 48/2023/NĐ-CP ngày 17/7/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;
7. Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.
8. Nghị định 71/2023/NĐ-CP ngày 20/9/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 112/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.
9. Quyết định 1847/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án văn hóa công vụ
10. Nghị định 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

## CHUYÊN ĐỀ 3

### NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

#### I. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

##### 1. Khái niệm quản lý hành chính nhà nước

Quản lý nhà nước là hoạt động thực thi quyền lực nhà nước do các cơ quan nhà nước tiến hành đối với tất cả các mặt của đời sống xã hội bằng cách sử dụng quyền lực nhà nước có tính cưỡng chế đơn phương nhằm mục tiêu phục vụ lợi ích chung của cả cộng đồng, duy trì ổn định, an ninh trật tự và thúc đẩy xã hội phát triển theo một định hướng thống nhất của nhà nước.

Quản lý nhà nước được thực hiện trong lĩnh vực hành pháp được gọi là quản lý hành chính nhà nước. Quản lý hành chính nhà nước được thực hiện trước hết và chủ yếu bởi các cơ quan hành chính nhà nước, có nội dung là bảo đảm sự chấp hành luật, pháp lệnh, nghị quyết của các cơ quan quyền lực nhà nước, nhằm tổ chức và chỉ đạo một cách trực tiếp và thường xuyên công cuộc xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội, hành chính và chính trị.

*Khái niệm: Quản lý hành chính nhà nước là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của công dân, do các cơ quan trong hệ thống hành pháp từ Trung ương đến cơ sở tiến hành để thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội, duy trì trật tự, an ninh, thỏa mãn các nhu cầu hợp pháp của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.*

##### 2. Đặc điểm của quản lý hành chính nhà nước

###### 2.1. Quản lý hành chính nhà nước mang tính quyền lực nhà nước

Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động mang tính quyền lực nhà nước. Điều này được biểu hiện bằng việc trong quá trình điều hành, các cơ quan hành chính nhà nước ban hành ra các văn bản quy phạm pháp luật hành chính để đặt ra các quy định hay các mệnh lệnh cụ thể buộc các đối tượng quản lý có liên quan phải thực hiện.

Tính quyền lực nhà nước là đặc điểm cơ bản nhất để thông qua đó phân biệt được hoạt động quản lý hành chính nhà nước với hoạt động quản lý mang tính xã hội khác. Quyền lực nhà nước trong quản lý hành chính nhà nước trước hết thể hiện ở việc các chủ thể có thẩm quyền thể hiện ý chí nhà nước thông qua phương tiện nhất định.

Tính quyền lực trong quản lý hành chính nhà nước còn thể hiện trong việc các cơ quan tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chịu trách nhiệm bảo đảm cho hoạt



động quản lý hành chính nhà nước được thực hiện một cách triệt để thông qua những biện pháp về tổ chức, kinh tế, các hình thức như tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục và cao nhất là cưỡng chế nhà nước.

### ***2.2. Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động chấp hành – điều hành của nhà nước***

Tính chấp hành thể hiện ngay từ mục đích của quá trình quản lý hành chính nhà nước đó là đảm bảo cho các văn bản pháp luật do cơ quan quyền lực nhà nước ban hành được thực hiện trên thực tế. Điều này được thể hiện trong việc mọi hoạt động quản lý hành chính nhà nước đều phải được tiến hành trên cơ sở pháp luật và để thực hiện pháp luật.

Tính điều hành của hoạt động quản lý hành chính nhà nước thể hiện trong việc chủ thể có thẩm quyền tổ chức thực hiện pháp luật trong đời sống xã hội. Trong quá trình đó, các chủ thể này, không chỉ tự mình thực hiện pháp luật mà quan trọng hơn cả chúng đảm nhận chức năng chỉ đạo nhằm vận hành hoạt động của các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo một quy trình thống nhất; tổ chức để mọi đối tượng có liên quan thực hiện pháp luật nhằm hiện thực hóa các quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ quản lý.

### ***2.3. Chủ thể có quyền hành pháp là chủ thể thực hiện hoạt động quản lý hành chính nhà nước***

Hành pháp là một trong ba quyền của quyền lực nhà nước thống nhất mang tính quyền lực chính trị. Chính phủ với tư cách là cơ quan hành pháp cao nhất (cơ quan chấp hành của Quốc hội) thực hiện quyền hành pháp cao nhất đối với toàn dân, toàn xã hội. Nhưng chính phủ thực hiện chức năng của mình thông qua hệ thống thể chế hành chính của nền hành chính nhà nước cao nhất.

Các chủ thể thực hiện quản lý hành chính nhà nước bao gồm: các cơ quan hành chính nhà nước và công chức của các cơ quan này; thủ trưởng của các cơ quan hành chính nhà nước; các công chức nhà nước; cá nhân hoặc tổ chức được nhà nước ủy quyền ở một số loại việc nhất định.

### ***2.4. Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động mang tính chủ động, sáng tạo***

Đặc điểm này xuất phát từ chính đối tượng quản lý hành chính nhà nước luôn có sự đa dạng, phức tạp và biến đổi không ngừng trong điều kiện các yếu tố tác động cũng luôn có sự biến động.

Căn cứ vào tình hình, đặc điểm của từng đối tượng quản lý cũng như điều kiện, các yếu tố xoay quanh từng trường hợp cụ thể mà các chủ thể quản lý hành chính nhà nước có thể đề ra các chủ trương, biện pháp quản lý thích hợp. Tuy nhiên, chủ động và sáng tạo không vượt ra ngoài phạm vi pháp luật quy định.

Điều này đòi hỏi các cơ quan quản lý hành chính nhà nước cần có năng lực quản lý sự thay đổi. Sự thích ứng linh hoạt của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước trong bối cảnh hiện tại đòi hỏi phải áp dụng cơ chế thị trường và các phương pháp quản lý hiện đại của khu vực tư nhân như: cạnh tranh, đấu thầu, so sánh chi phí và lợi ích, quản lý theo kết quả...

Tính chủ động, sáng tạo còn đòi hỏi cơ chế hoạt động của các chủ thể quản lý nhà nước mềm dẻo hơn để thích nghi nhanh chóng với tình hình kinh tế, chính trị, xã hội luôn thay đổi. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước, xây dựng chính phủ điện tử là những yêu cầu quan trọng để đảm bảo sự vận hành nhanh chóng của hành chính nhà nước trong cung ứng dịch vụ công cho xã hội.

### ***2.5. Quản lý hành chính nhà nước có tính liên tục, ổn định lâu dài***

Quản lý hành chính nhà nước luôn cần có tính liên tục, kịp thời và linh hoạt để đáp ứng sự vận động không ngừng của đời sống xã hội. Chính điểm đặc thù này được coi là một cơ sở quan trọng trong việc xác lập quy định về tổ chức và hoạt động, quy chế công chức, công vụ của bộ máy hành chính nhà nước; tạo ra bộ máy hành chính gọn nhẹ, có sự linh hoạt trong tổ chức, có đội ngũ công chức năng động sáng tạo, quyết đoán và chịu sự ràng buộc trách nhiệm đối với hoạt động của mình.

Tính liên tục và ổn định của hoạt động quản lý hành chính nhà nước xuất phát từ hai lý do cơ bản:

+ Xuất phát từ quan điểm phát triển. Muốn phát triển phải ổn định, ổn định làm nền tảng cho phát triển, vì vậy chủ thể quản lý hành chính nhà nước phải biết kế thừa giữ cho các đối tượng vận động liên tục, không được ngăn cản hay tùy tiện thay đổi trạng thái tác động.

+ Xuất phát từ nhu cầu của đời sống Nhân dân. Người dân luôn luôn mong muốn được sống trong một xã hội ổn định, được đảm bảo những giá trị văn hóa trong phát triển. Điều đó tạo nên niềm tin của họ vào nhà nước.

Tính liên tục và ổn định không loại trừ thích ứng, bởi vậy ổn định ở đây chỉ mang tính tương đối, không phải là cố định bất biến. Nhà nước là một sản phẩm của xã hội, trong khi đời sống kinh tế - xã hội luôn vận động biến đổi, nên hành chính nhà nước cũng phải thích nghi với hoàn cảnh thực tế để đáp ứng yêu cầu phát triển.

## **II. CÁC YẾU TỐ CỦA QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

### **1. Chủ thể của quản lý hành chính nhà nước**

Chủ thể của quản lý hành chính nhà nước là các tổ chức hay cá nhân có thẩm quyền hoặc nhà nước trao quyền quản lý hành chính trong những trường hợp cụ thể.

Chủ thể quản lý hành chính nhà nước Việt Nam bao gồm:

- Các cơ quan hành chính nhà nước và người có thẩm quyền trong các cơ quan này.

- Các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước thực hiện quản lý hành chính nhà nước trong xây dựng chế độ ổn định công tác nội bộ.

- Các cán bộ, công chức nhà nước có thẩm quyền.

- Các tổ chức, cá nhân được nhà nước trao quyền quản lý hành chính trong một số trường hợp cụ thể.

Những chủ thể này khi tham gia vào các quan hệ quản lý hành chính có quyền sử dụng quyền lực nhà nước để chỉ đạo các đối tượng quản lý thuộc quyền nhằm thực hiện nhiệm vụ quản lý đồng thời bảo đảm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia quan hệ quản lý hành chính nhà nước. Tuy nhiên trong số các chủ thể quản lý hành chính nhà nước thì cơ quan hành chính nhà nước được coi là chủ thể quan trọng nhất.

Các cơ quan hành chính nhà nước chia làm 2 bộ phận: tổ chức hành chính Trung ương và tổ chức hành chính địa phương.

***Nhóm cơ quan thực thi chức năng quản lý hành chính nhà nước trên phạm vi cả nước được gọi là cơ quan hành chính Trung ương.***

Tổ chức hành chính nhà nước Trung ương phân thành cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chung và cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền riêng.

Chính phủ thực hiện quản lý hành chính nhà nước trên tất cả các mặt của đời sống xã hội gọi là cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chung ở Trung ương. Chính phủ gồm có Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

Các bộ và cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý hành chính nhà nước theo từng lĩnh vực gọi là cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền riêng. Trong đó cơ cấu tổ chức của Bộ bao gồm:

- + Các tổ chức giúp Bộ quản lý nhà nước: Vụ, Văn phòng Bộ, Thanh tra Bộ, Cục, Tổng cục và tổ chức tương đương.

- + Các đơn vị sự nghiệp công lập được quy định tại nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng bộ: các đơn vị nghiên cứu chiến lược, chính sách về ngành, lĩnh vực; báo, tạp chí, trung tâm thông tin hoặc

tin học; trường hoặc trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, học viện thuộc bộ.

***Nhóm cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên từng địa bàn lãnh thổ hành chính địa phương cụ thể, được xác định bởi địa giới hành chính gọi là cơ quan hành chính địa phương.***

Tổ chức hành chính địa phương có 03 cấp: cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

+ Cấp tỉnh: tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Cấp huyện: huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh. Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 bổ sung thêm: Thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương.

+ Cấp xã: xã, phường, thị trấn.

Luật Tổ chức Chính quyền địa phương 2015, có quy định thêm một cấp đơn vị hành chính của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đó là: đơn vị hành chính kinh tế đặc biệt (Điều 2). Đồng thời tại Điều 4 cũng đã phân chia thành chính quyền địa phương nông thôn và chính quyền địa phương đô thị.

Cũng như tổ chức hành chính Trung ương, tổ chức hành chính địa phương cũng phân thành cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chung và cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền riêng.

- Cấp tỉnh (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương):

+ Cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chung: UBND cấp tỉnh.

+ Cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền riêng: các sở thuộc UBND cấp tỉnh.

- Cấp huyện (huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương):

+ Cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chung: UBND cấp huyện.

+ Cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền riêng: các phòng thuộc UBND cấp huyện.

- Cấp xã (xã, phường, thị trấn):

+ Cơ quan quản lý hành chính nhà nước thẩm quyền chung: UBND cấp xã.

Giúp việc cho UBND cấp xã là các công chức chuyên môn thuộc UBND cấp xã.

## **2. Đối tượng của quản lý hành chính nhà nước**

Đối tượng quản lý là tiếp nhận sự tác động của chủ thể quản lý. Tùy theo từng loại đối tượng khác nhau mà có thể chia thành các dạng quản lý khác nhau.

Đối tượng quản lý nhà nước bao gồm tất cả các cá nhân, tổ chức sinh sống, sản xuất, kinh doanh trong phạm vi lãnh thổ quốc gia.

Quản lý hành chính nhà nước là hoạt động thực thi quyền hành pháp, thực hiện quản lý đối với tất cả các mặt của đời sống xã hội.

Vì vậy, đối tượng của quản lý hành chính nhà nước là các quan hệ xã hội phát sinh trên mọi lĩnh vực, thuộc đời sống dân cư, đời sống pháp luật và trong nội bộ của các cơ quan nhà nước.

### **3. Mục tiêu của quản lý hành chính nhà nước**

Mục tiêu chính là điều hướng tới, mong muốn đạt được của một cá nhân hay tổ chức nào đó trong tương lai. Mục tiêu thường gắn liền với các kế hoạch, dự án,... và được triển khai theo từng giai đoạn, có sự đánh giá và kiểm soát thường xuyên.

Mục tiêu của quản lý hành chính nhà nước là thực hiện những chức năng và nhiệm vụ của nhà nước, phát triển các mối quan hệ xã hội, duy trì trật tự, an ninh, thỏa mãn các nhu cầu hợp pháp của công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

## **III. NỘI DUNG QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

### **1. Hoạt động lập quy hành chính**

Hoạt động lập quy hành chính là hoạt động ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm để cụ thể hóa các quy định pháp luật do cơ quan thực hiện quyền lập pháp ban hành. Tạo ra cơ sở pháp lý cho hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

Các cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để cụ thể hóa các quy định pháp luật do cơ quan lập pháp ban hành. Cụ thể:

- Chính phủ có thẩm quyền ban hành nghị định; nghị quyết liên tịch.
- Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền ban hành quyết định.
- Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ có thẩm quyền ban hành thông tư; thông tư liên tịch.
- Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền ban hành quyết định.

### **2. Hoạt động ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định hành chính**

Hoạt động ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định hành chính bao gồm: quyết định hành chính, chỉ thị hành chính và nghị quyết điều hành. Các văn bản này được ban hành dựa trên cơ sở các văn bản lập quy. Mục đích:

- Để quản lý, điều hành nội bộ và ngoài xã hội;
- Giúp hệ thống hành chính vận động và phát triển theo yêu cầu chung;
- Duy trì sự vận động và phát triển của các đối tượng tham gia.

### **3. Hoạt động kiểm tra, đánh giá**

Trong quá trình quản lý điều hành, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước luôn luôn thực hiện kiểm tra và đánh giá hiệu quả hoạt động của các đối tượng quản lý. Kiểm tra đánh giá là biện pháp thực hiện chức năng quản lý, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đối tượng quản lý, phải được tiến hành thường xuyên trên các mặt hoạt động của đối tượng quản lý. Hoạt động kiểm tra, đánh giá gồm có:

- Kiểm tra hành chính;
- Thanh tra hành chính;
- Thanh tra ngành.

Thực hiện tốt hoạt động này đảm bảo cho đối tượng quản lý được thực hiện theo đúng quy định, đồng thời phát hiện kịp thời những sai lệch, vi phạm để có biện pháp xử lý và khắc phục hậu quả, góp phần vào ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

#### **4. Hoạt động cưỡng chế hành chính**

Hoạt động cưỡng chế hành chính: là việc áp dụng một loại chế tài hành chính lên các quan hệ hoặc hành vi vi phạm hành chính nhằm phòng ngừa, ngăn chặn hoặc xử phạt vi phạm có tính giáo dục răn đe hoặc trừng phạt thông qua đó lập lại trật tự kỷ cương pháp chế trong quản lý hành chính.

Cưỡng chế hành chính bao gồm: xử phạt hành chính, ngăn chặn vi phạm hành chính... Cưỡng chế hành chính được áp dụng khi cần thiết và phải áp dụng biện pháp có hiệu quả nhất.

Thực hiện cưỡng chế hành chính góp phần thực hiện hiệu quả các chức năng hành chính khác. Trong quá trình điều hành, trong nhiều trường hợp để các đối tượng quản lý chấp hành các quy định của pháp luật, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước phải tiến hành cưỡng chế hành chính.

### **IV. VAI TRÒ CỦA QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

#### **1. Góp phần quan trọng trong việc hiện thực hóa chủ trương, đường lối chính trị**

Đảng ban hành các quyết sách chính trị và tìm cách đưa các quyết sách chính trị của đảng vào chính sách công. Các chính sách này được thể chế hóa thành luật và các văn bản pháp quy của nhà nước. Như vậy, quyết sách chính trị của đảng cầm quyền tạo nên cơ sở chính trị của các chính sách, pháp luật của nhà nước và được nhà nước sử dụng quyền lực công để tổ chức thực thi trên thực tế. Sau khi đề ra một quyết sách chính trị, đảng cầm quyền quan tâm và giám sát việc quyết sách đó được thể chế hóa thành chính sách, pháp luật như thế nào và tổ chức thực hiện ra sao.

Đường lối chính trị của Đảng được thể chế hóa vào trong các văn bản pháp luật, chính sách của nhà nước. Chính sách, pháp luật của nhà nước là các quy định cụ thể, là cơ sở để triển khai quan điểm, đường lối của đảng vào thực tiễn cuộc sống. Thông qua việc sử dụng chính sách, pháp luật để tổ chức triển khai các hoạt động quản lý đối với xã hội, quản lý hành chính nhà nước góp phần hiện thực hóa quan điểm, đường lối của Đảng.

## **2. Định hướng, dẫn dắt sự phát triển kinh tế - xã hội thông qua hệ thống pháp luật và chính sách của nhà nước**

Để cho hoạt động kinh tế - xã hội phát triển theo đúng mục tiêu, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước quản lý vĩ mô đối với các đơn vị, tổ chức. Những định hướng lớn, mục tiêu phát triển của đất nước trong mỗi giai đoạn phát triển sẽ được thể hiện trong các chính sách, pháp luật của nhà nước.

Thông qua các công cụ tác động như pháp luật, kế hoạch, chính sách lên các quan hệ xã hội, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước chủ động dự kiến những mục tiêu và phương hướng thực hiện mục tiêu phát triển của đất nước. Làm như vậy sẽ hướng các hoạt động kinh tế - xã hội vận hành đạt các mục tiêu phát triển mà nhà nước đề ra.

## **3. Điều hành xã hội, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội**

Nhà nước sử dụng các quy định pháp luật để điều chỉnh quan hệ xã hội. Lấy pháp luật là thước đo các hành vi trong xã hội, những hành vi lệch chuẩn đều bị xử lý theo quy định của pháp luật. Thông qua pháp luật, nhà nước điều hành xã hội phát triển theo ý chí của mình.

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật bằng việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định về các vấn đề trong xã hội, ví dụ: Khiếu nại các quyết định hành chính, giao thông đường bộ, giáo dục,... Nhờ đó các vấn đề này được giải quyết thống nhất, theo quy định của pháp luật.

Trong hoạt động quản lý nhà nước đối với xã hội, vai trò tổ chức, điều hành xã hội thuộc quyền hành pháp do các cơ quan quản lý hành chính nhà nước thực hiện. Hoạt động quản lý hành chính nhà nước có vai trò điều hành các quá trình kinh tế - xã hội, điều chỉnh, điều hòa các quan hệ xã hội nhằm hướng tới sự phát triển ổn định, hài hòa của xã hội.

## **4. Hỗ trợ, duy trì và thúc đẩy sự phát triển của xã hội**

Trong quá trình tham gia hoạt động kinh tế - xã hội, các chủ thể có năng lực và điều kiện khác nhau nên hiệu quả hoạt động thu được khác nhau. Thông qua các chính sách ưu tiên phát triển trong một số lĩnh vực, đối với một số đối tượng, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước hỗ trợ kinh tế - xã hội phát triển hài hòa.

Hoạt động quản lý hành chính nhà nước còn có vai trò duy trì sự phát triển của xã hội thông qua việc tạo môi trường phát triển cho các hoạt động kinh tế - xã hội. Môi trường chính trị ổn định giúp các cá nhân, tổ chức trong xã hội có nhiều cơ hội tham gia vào các quan hệ kinh tế - xã hội. Môi trường pháp lý thuận lợi sẽ giúp cho các chủ thể kinh tế - xã hội chủ động lựa chọn công việc hợp pháp theo năng lực, sở trường của mình. Đồng thời, nó cũng tạo nên sự minh bạch, công khai giữa các chủ thể với nhau và với nhà nước. Môi trường kinh tế thích ứng không làm biến dạng các quy luật của nền kinh tế thị trường, tạo điều kiện cho các chủ thể trong xã hội hoạt động. Môi trường văn hóa lành mạnh sẽ tạo sự đồng thuận cao trong tư duy về những giá trị chung của xã hội, từ đó giúp họ có hành động đúng để đạt được mục tiêu.

Thông qua hoạt động quản lý hành chính, nhà nước tạo động lực thúc đẩy hoạt động kinh tế - xã hội có hiệu quả của các chủ thể. Nhà nước khuyến khích các chủ thể bằng những lợi ích vật chất và tinh thần thông qua các chính sách kinh tế - xã hội như chính sách cho thuê mặt bằng với giá ưu đãi để khuyến khích phát triển các làng nghề, chính sách khuyến khích mở rộng thị trường, điều tiết tiêu dùng sản phẩm và dịch vụ một cách hợp lý.

### **5. Giải quyết các mâu thuẫn thuộc thẩm quyền**

Trong quá trình tham gia vào các hoạt động kinh tế - xã hội, các chủ thể có thể có những mâu thuẫn không thể tự điều hòa được, như là các tranh chấp trong thực hiện các hợp đồng kinh tế - xã hội; vì lợi nhuận vi phạm các quy định trong các hợp đồng kinh tế - xã hội. Trong những trường hợp như vậy, các cơ quan quản lý hành chính nhà nước có thẩm quyền sử dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể.

Các cơ quan hành chính nhà nước theo thẩm quyền giải quyết mâu thuẫn thông qua các hoạt động như: Hòa giải, giải quyết khiếu nại tố cáo, tiếp dân... trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường...

## **V. CÁC NGUYÊN TẮC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

Quản lý hành chính nhà nước phải đảm bảo quán triệt, vận dụng, thực hiện các nguyên tắc chung về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước nói chung và các nguyên tắc riêng về tổ chức hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước. Vì vậy, các nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước bao gồm hai nhóm nguyên tắc:

### **1. Nhóm nguyên tắc chung về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước**

*- Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước*

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước là sự lãnh đạo chính trị. Đảng đề ra đường lối chính trị (cương lĩnh chiến lược), những chủ trương phương hướng lớn,



những vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy và thông qua Nhà nước chúng được thể chế hoá thành pháp luật.

*- Nguyên tắc Nhân dân tham gia xây dựng nhà nước, tham gia quản lý nhà nước và xã hội, mọi quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân*

Nguyên tắc này thể hiện bản chất của bộ máy nhà nước xã hội chủ nghĩa là của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Thực hiện nguyên tắc đảm bảo sự tham gia đông đảo của Nhân dân vào quản lý nhà nước không những tạo ra khả năng phát huy sức lực và trí tuệ của Nhân dân mà còn là một trong những phương pháp tốt để ngăn chặn tệ nạn quan liêu, thói cửa quyền trong bộ máy nhà nước.

Hiến pháp năm 2013 khẳng định việc Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; và hướng đến thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Việc tham gia vào hoạt động quản lý nhà nước, trong đó có việc quản lý hành chính nhà nước, của Nhân dân được nêu khái quát tại Điều 28 như sau:

*"1. Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước.*

*2. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân".*

Quyền tham gia quản lý nhà nước của Nhân dân được ghi nhận một cách cụ thể hơn. Trong quá trình tham gia vào việc quản lý hành chính nhà nước, Nhân dân có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Và khi nhận được khiếu nại, tố cáo thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo để đảm bảo quyền và lợi ích cho các bên liên quan.

Bên cạnh đó, việc bảo đảm cho nhân dân tham gia vào quản lý hành chính nhà nước còn được cụ thể hoá trong các văn bản pháp luật. Ví dụ: Luật Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật Mặt trận Tổ quốc...

Cách thức Nhân dân tham gia vào việc quản lý hành chính nhà nước:

+ Nhân dân tham gia vào hoạt động của các cơ quan nhà nước

+ Nhân dân tham gia vào hoạt động của các tổ chức xã hội: Tổ chức chính trị; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức xã hội – nghề nghiệp...

+ Nhân dân lao động tham gia hoạt động tự quản ở cơ sở

+ Nhân dân lao động trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công dân trong quản lý hành chính nhà nước.

- *Nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lực nhà nước về mặt lập pháp, hành pháp và tư pháp*

Khoản 2, Điều 3 Hiến pháp năm 2013 quy định “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp”.

Quyền lực nhà nước ở Việt Nam là thống nhất. Sự thống nhất ở đây thể hiện ở hai phương diện, về phương diện chính trị, quyền lực nhà nước tập trung thống nhất ở Nhân dân, thể hiện qua nguyên tắc “Chủ quyền nhân dân”. Quyền lực nhà nước không phải tự có mà được Nhân dân ủy quyền. Về phương diện tổ chức thực hiện, quyền lực nhà nước thống nhất. Quốc hội là cơ quan duy nhất do Nhân dân cả nước bầu ra và như vậy là cơ quan đại diện cao nhất của Nhân dân. Thông qua hình thức dân chủ đại diện, Nhân dân trao quyền của mình cho Quốc hội.

Mặc dù Quốc hội là nơi thống nhất quyền lực nhà nước song Quốc hội không trực tiếp thực hiện cả ba quyền mà trong bộ máy nhà nước có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Quốc hội là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước của nước CHXHCN Việt Nam chủ yếu thực hiện 3 chức năng:

+ Lập hiến, lập pháp.

+ Quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

+ Giám sát tối cao

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam, chủ yếu thực hiện quyền hành pháp.

Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của nước CHXHCN Việt Nam chủ yếu thực hiện quyền tư pháp.

Viện kiểm sát nhân dân được phân công thực hành quyền công tố và kiểm sát cá hoạt động tư pháp.

- *Nguyên tắc tập trung dân chủ*

Nguyên tắc tập trung dân chủ là sự kết hợp giữa hai yếu tố tập trung và dân chủ. Nguyên tắc kết hợp hài hòa giữa chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp trên

với việc mở rộng dân chủ cho cấp dưới, đảm bảo nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong quản lý nhà nước.

Về mặt tổ chức, quyền lực nhà nước tập trung thống nhất vào Nhân dân và nhân dân là quyền lực tối cao của chủ thể nhà nước. Quyền lực ấy được Nhân dân thực hiện một cách trực tiếp hoặc thông qua bộ máy nhà nước mà cơ quan cao nhất thực hiện quyền lực nhà nước là Quốc hội, do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Các cơ quan nhà nước khác đều bắt nguồn từ Quốc hội, chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội hoặc đều chịu sự giám sát tối cao của Quốc hội. Ở địa phương, quyền lực này được tập trung vào Hội đồng nhân dân các cấp.

Về mặt hoạt động, cơ quan nhà nước ở trung ương và cơ quan nhà nước cấp trên quyết định những vấn đề cơ bản, quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Các cơ quan nhà nước ở địa phương và các cơ quan cấp dưới phải phục tùng cơ quan nhà nước trung ương và các cơ quan cấp trên. Trong phạm vi thẩm quyền, các cơ quan nhà nước địa phương và các cơ quan nhà nước cấp dưới tự quyết định và chịu trách nhiệm về những vấn đề của địa phương. Các cơ quan nhà nước ở trung ương và các cơ quan cấp trên phải tạo điều kiện cho cơ quan ở địa phương và cấp dưới phát huy quyền chủ động, sáng tạo góp phần vào sự nghiệp chung của cả nước.

*- Nguyên tắc có kế hoạch và khách quan*

Kế hoạch và khách quan là việc đưa các hoạt động trong quản lý thành kế hoạch. Chỉ khi các hoạt động quản lý được lập thành kế hoạch thì mới tránh được sự tùy tiện trong quản lý. Trong quản lý nhà nước, kế hoạch hoá là nguyên tắc cơ bản và cũng là đặc trưng của quản lý nhà nước xã hội chủ nghĩa, thể hiện ở chỗ: tất cả các cơ quan quản lý nhà nước đều tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch ở các cấp; hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước nhằm thực hiện kế hoạch hoá việc phát triển kinh tế – xã hội.

*- Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa*

Pháp chế xã hội chủ nghĩa là việc đòi hỏi các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân phải tuân thủ pháp luật một cách triệt để và chính xác. Như vậy, pháp chế xã hội chủ nghĩa là nguyên tắc tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước, của các tổ chức xã hội và các đoàn thể quần chúng; là nguyên tắc xử sự của công dân và các chủ thể khác trong xã hội.

*- Nguyên tắc công khai minh bạch, lắng nghe ý kiến của nhân dân và dư luận xã hội*

Công khai và minh bạch là 2 khái niệm gần nhau nhưng không đồng nhất. Công khai là đảm bảo thông tin được chia sẻ. Minh bạch là đảm bảo sự rõ ràng,

không chỉ đáp ứng được tính công khai (tức là sự sẵn sàng chia sẻ thông tin) mà còn đảm bảo khả năng tiếp cận được thông tin, sẵn sàng tham gia trao đổi một cách thẳng thắn, trung thực về quá trình ban hành các chính sách và quyết định.

Minh bạch luôn gắn liền với trách nhiệm, đòi hỏi cơ quan hành chính nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức phải công khai quá trình thực hiện công việc cho các bên quan tâm. Ở góc độ này, minh bạch có mối quan hệ chặt chẽ với trách nhiệm, vì có trách nhiệm mới có xu hướng công khai và đảm bảo các điều kiện cho công khai.

Theo đó Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 đã sửa đổi, bổ sung các quy định về nguyên tắc công khai, nội dung công khai, hình thức công khai và đặc biệt xác định rõ trách nhiệm công khai thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, chế độ báo cáo, phát ngôn, quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cơ quan, tổ chức, cá nhân và gắn với việc thực hiện trách nhiệm giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền khi có yêu cầu.

Nội dung công khai, minh bạch của các cơ quan, tổ chức, đơn vị như sau:

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung liên quan đến quyền lợi, lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức; người lao động; cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang và công dân;

+ Việc bố trí, quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hoặc kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác;

+ Công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị; quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn;

+ Việc thực hiện chính sách, pháp luật có nội dung không thuộc trường hợp quy định tại Luật này mà theo quy định của pháp luật công khai, minh bạch.

Ngoài ra trong quản lý hành chính nhà nước luôn phải thực tiếp công dân theo quy định của pháp luật, mục đích để lắng nghe ý kiến của Nhân dân và các nguồn thông tin dư luận bên ngoài góp phần thiết thực cho công tác quản lý, điều hành.

*- Nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc*

Điều 5, Hiến pháp 2013 quy định:

1. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam.

2. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

3. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình.

4. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

Trong công tác lãnh đạo và sử dụng cán bộ, chính sách ưu tiên con em các dân tộc ít người, giúp đỡ về mặt vật chất, động viên về mặt tinh thần để họ tích cực học tập nâng cao trình độ về mọi mặt, nhà nước bao giờ cũng dành tỉ lệ nhất định số cán bộ công chức là người dân tộc trong biên chế của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là cơ quan nhà nước đóng trên địa bàn miền núi, biên giới hải đảo, nơi có nhiều đồng bào dân tộc ít người sinh sống và có những chính sách khuyến khích những người đến phục vụ tại những khu vực này.

## **2. Nguyên tắc trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước**

*- Nguyên tắc tập trung, thống nhất, thông suốt trong quản lý, điều hành*

Quản lý hành chính nhà nước được thực hiện bởi một hệ thống định chế tổ chức theo thứ bậc chặt chẽ và thông suốt từ Trung ương tới các địa phương, trong đó cấp dưới phục tùng cấp trên, nhận chỉ thị mệnh lệnh và chịu sự kiểm tra, giám sát của cấp trên. Mỗi cấp hành chính, mỗi cơ quan, công chức hoạt động trong phạm vi thẩm quyền được trao để cùng thực hiện tốt chức năng hành chính. Tuy nhiên, để hạn chế việc bộ máy hành chính thành hệ thống quan liêu, thì xác lập thứ bậc hành chính cũng tạo ra sự chủ động sáng tạo, linh hoạt của mỗi cấp, mỗi cơ quan, công chức hành chính để đưa pháp luật vào đời sống xã hội một cách hiệu quả.

*- Nguyên tắc trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước và mỗi việc phải có cơ quan, có người chịu trách nhiệm*

Người đứng đầu có vai trò đặc biệt quan trọng trong lãnh đạo, quản lý toàn diện các hoạt động của cơ quan, đơn vị. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước khi có sai phạm là hết sức cần thiết, có tác dụng răn đe, ngăn chặn, nâng cao trách nhiệm, trau dồi về năng lực lãnh đạo, năng lực chuyên môn và rèn luyện về phẩm chất đạo đức.

Về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước được quy định tại khoản 2 Điều 5 *Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015*, trong đó nhấn mạnh “đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu”.

*Luật Cán bộ, công chức* quy định nghĩa vụ, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước như sau: chỉ đạo tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc thi hành công vụ của CBCCC; tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí và chịu trách nhiệm về việc để xảy ra tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dân chủ cơ sở, văn hóa công sở trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; xử lý kịp thời, nghiêm minh CBCC thuộc quyền quản lý có hành vi vi phạm kỷ luật, pháp luật, có thái độ quan liêu, hách dịch, cửa quyền, gây phiền hà cho công dân; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật, theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cá nhân, tổ chức; các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

*- Nguyên tắc quản lý theo ngành kết hợp quản lý theo lãnh thổ*

Bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo 4 cấp hành chính và theo quy định là cấp dưới phải phục tùng cấp trên, địa phương phải phục tùng trung ương; đó là quản lý theo lãnh thổ của chính quyền địa phương. Các đơn vị thuộc các ngành kinh tế, kỹ thuật đều nằm trên một địa bàn lãnh thổ nhất định. Đơn vị đó phải chịu sự quản lý của ngành (bộ), đồng thời đơn vị đó cũng phải chịu sự quản lý theo lãnh thổ của chính quyền địa phương trên một số mặt theo chế độ quy định. Hai mặt đó tạo thành một sự thống nhất giữa cơ cấu kinh tế ngành với cơ cấu kinh tế lãnh thổ trong một cơ cấu kinh tế chung. Vì vậy, phải kết hợp quản lý theo ngành và theo vùng lãnh thổ.

*- Nguyên tắc phân biệt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế do Nhà nước làm chủ sở hữu*

Quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế do Nhà nước làm chủ sở hữu là hai phạm phạm trù khác nhau của quá trình quản lý. Quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế do Nhà nước làm chủ sở hữu khác nhau về chủ thể, phạm vi, mục tiêu, phương thức tác động.

Quản lý nhà nước về kinh tế là do cơ quan nhà nước các cấp thực hiện bằng các công cụ điều tiết vĩ mô trên phạm vi toàn bộ ngành, lĩnh vực của nền kinh tế nhằm mục tiêu tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, điều tiết các mối quan hệ trong hoạt động kinh tế phát triển ổn định và trật tự.

Quản lý sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế do Nhà nước làm chủ sở hữu là quản lý nội bộ trong một doanh nghiệp nhà nước thực hiện thông qua các công cụ điều tiết vi mô nhằm đạt được lợi nhuận tối ưu trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Việc phân định quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế do Nhà nước làm chủ sở hữu góp phần phân định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và trách nhiệm của các đơn vị sản xuất kinh doanh do nhà nước làm chủ sở hữu. Hạn chế khả năng can thiệp quá sâu của các

cơ quan nhà nước vào hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước và nâng cao tính chịu trách nhiệm của các doanh nghiệp nhà nước. Bỏ đảm sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong thị trường. Tăng cường sự quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế thông qua các hoạt động như: Ban hành thể chế, chính sách, quy hoạch.....

- *Nguyên tắc phân cấp quản lý gắn với phân quyền theo tiêu chí hiệu quả quản lý (cấp nào quản lý hiệu quả hơn thì phân cấp cho cấp ấy)*

Căn cứ vào cách phân chia đơn vị hành chính - lãnh thổ mà ở Việt Nam hình thành các cấp chính quyền: trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Phân cấp quản lý hành chính nhà nước, trước hết được hiểu là phân cấp giữa trung ương với chính quyền cấp tỉnh; đồng thời, còn bao hàm cả phân cấp giữa các cấp chính quyền địa phương với nhau.

Phân cấp gắn với phân quyền được tiến hành theo hướng phân cấp rõ hơn cho địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ và trên cơ sở nguyên tắc “chính quyền trung ương quản lý tập trung một số lĩnh vực theo ngành dọc được xác định từ yêu cầu thực tế. Đối với một số lĩnh vực khác, trung ương trực tiếp quản lý một phần, còn một phần phân cấp cho địa phương quản lý”. Hiện nay, phân cấp được hiểu là việc chuyển giao nhiệm vụ, thẩm quyền từ cơ quan quản lý nhà nước cấp trên xuống cơ quan quản lý cấp dưới nhằm đạt mục tiêu chung là nâng cao hiệu quả quản lý.

Việc chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn chỉ có thể được tiến hành một khi thẩm quyền và trách nhiệm của cấp chuyển giao và cấp được chuyển giao đã được xác định hết sức rõ ràng. Vì vậy, bản thân khái niệm phân cấp phải hàm chứa trong đó nội dung phân định thẩm quyền của từng cấp hay nói một cách khác, phân định thẩm quyền là tiền đề cho việc chuyển giao nhiệm vụ, quyền hạn (hoặc rộng hơn nữa, điều chỉnh khối lượng nhiệm vụ, quyền hạn cho phù hợp với khả năng và điều kiện thực tế của mỗi cấp chính quyền).

Phân cấp và phân quyền trong quản lý hành chính nhà nước là một nội dung của cải cách hành chính và rộng hơn là đổi mới tổ chức và hoạt động của Nhà nước. Vì vậy, nó phải được tiến hành trên cơ sở những định hướng và quan điểm chỉ đạo xuyên suốt hai quá trình nói trên, trong đó phải kể đến các nguyên tắc: tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng; tập trung dân chủ; pháp chế. Bên cạnh đó, phân cấp được đặc trưng bởi một số nguyên tắc như sau:

- + Bảo đảm tính thống nhất của quyền lực nhà nước;
- + Bảo đảm tính hiệu quả;

+ Bảo đảm tính phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và đặc thù quản lý nhà nước trong từng ngành, lĩnh vực;

+ Phù hợp với đặc điểm của đơn vị hành chính - lãnh thổ: đơn vị hành chính - lãnh thổ là địa bàn được hình thành dựa theo các tiêu chí đa dạng như yếu tố dân cư, địa lý, diện tích, địa bàn nông thôn, đô thị, đồng bằng, vùng biên giới, miền núi, hải đảo...

*- Nguyên tắc phục vụ Nhân dân, kiến tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của xã hội, không vụ lợi*

Bộ máy hành chính nhà nước có bốn phận phục vụ sự nghiệp phát triển cộng đồng và nhu cầu thiết yếu của công dân. Muốn vậy, phải xây dựng một nền hành chính công tâm, trong sạch, không theo đuổi mục tiêu lợi nhuận, không đòi hỏi người được phục vụ phải trả thù lao. Đây cũng chính là điểm khác biệt cơ bản giữa mục tiêu hoạt động của hành chính nhà nước với một doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

Bản chất của nhà nước ta là nhà nước dân chủ XHCN. Tôn trọng và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công dân là tư tưởng chủ đạo trong xây dựng, thực hiện hệ thống thể chế hành chính ở nước ta. Cơ quan hành chính và đội ngũ công chức không được quan liêu, hách dịch, không được gây phiền hà cho người dân khi thi hành công vụ.

Quản lý hành chính nhà nước có nghĩa vụ phục vụ lợi ích công và lợi ích công dân. Nếu mục tiêu của các tổ chức tư nhân là lợi nhuận và phục vụ cho những mục tiêu riêng của những người thành lập tổ chức thì hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước nói chung và quản lý hành chính nhà nước nói riêng nhằm phục vụ nhân dân do đó tính riêng của các cơ quan hành chính nhà nước không tồn tại.

## **VI. HÌNH THỨC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

### **1. Khái niệm hình thức quản lý hành chính nhà nước**

Những biểu hiện ra bên ngoài của hoạt động quản lý trong những hành động cụ thể cùng loại được gọi là hình thức của hoạt động quản lý. Như vậy, hình thức quản lý hành chính nhà nước (với tư cách là cách thức thể hiện nội dung của quản lý hành chính nhà nước trong hoàn cảnh quản lý cụ thể) là hoạt động biểu hiện ra bên ngoài của chủ thể quản lý nhằm thực hiện tác động quản lý.

*Khái niệm: Hình thức quản lý hành chính nhà nước là những biểu hiện bên ngoài của hoạt động chấp hành, điều hành của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước thực hiện.*

### **2. Các hình thức quản lý hành chính nhà nước**

#### **2.1. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật**



Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức xã hội khi được nhà nước trao quyền thực hiện theo trình tự đã được quy định chặt chẽ thể hiện các bước, từng công việc phải làm để đưa ra các văn bản quy phạm pháp luật, từ đề xuất sáng kiến lập pháp, lập chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đến soạn thảo dự án văn bản quy phạm pháp luật, thẩm định, thẩm tra dự án văn bản quy phạm pháp luật, công bố, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, những tầng lớp dân cư có liên quan đến việc tổng hợp, phân tích, nghiên cứu tiếp thu ý kiến đóng góp, đến trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến hoặc thông qua dự án văn bản quy phạm pháp luật.

Trong quản lý hành chính nhà nước, hình thức ban hành văn bản quy phạm pháp luật là hình thức quản lý hành chính nhà nước quan trọng của các chủ thể quản lý hành chính nhà nước nhằm thực hiện chức năng chấp hành và điều hành, là tiền đề để thực hiện các hình thức quản lý khác.

Những văn bản này đảm bảo việc chấp hành luật bằng cách bổ sung những quy phạm pháp luật nhằm cụ thể hóa, chi tiết hóa những quy phạm của luật, làm cơ sở cần thiết để các đối tượng quản lý có liên quan thực hiện luật một cách đầy đủ và đạt hiệu quả cao.

Trong các văn bản quy phạm pháp luật của mình, các cơ quan hành chính nhà nước đặt ra các quy tắc xử sự chung để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong hoạt động chấp hành, điều hành trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hoạt động ban hành các văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan hành chính nhà nước được gọi là hoạt động xây dựng pháp luật, còn được gọi là hoạt động lập quy.

Khi thực hiện ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật.
2. Tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
3. Bảo đảm tính minh bạch trong quy định của văn bản quy phạm pháp luật.
4. Bảo đảm tính khả thi, tiết kiệm, hiệu quả, kịp thời, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm yêu cầu cải cách thủ tục hành chính.
5. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

6. Bảo đảm công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## **2.2. Ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật**

Văn bản áp dụng pháp luật là văn bản pháp lý cá biệt, mang tính quyền lực nhà nước do cơ quan, quan chức, công chức nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức xã hội được nhà nước trao quyền ban hành theo thủ tục, trình tự luật định trên cơ sở áp dụng các quy phạm pháp luật đối với những quan hệ cụ thể, cá biệt nhằm thiết lập quyền và nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, cơ quan, tổ chức nhất định hoặc xác định trách nhiệm pháp lý đối với các chủ thể vi phạm pháp luật.

Hình thức ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật là việc các chủ thể quản lý có thẩm quyền căn cứ vào các quy định pháp luật hiện hành để giải quyết các vụ việc cụ thể phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước.

Hình thức ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật là hình thức chủ yếu của cơ quan quản lý hành chính nhà nước sử dụng để giải quyết các công việc, cụ thể hàng ngày. Do đó, văn bản áp dụng quy phạm pháp luật có số lượng rất lớn, có nội dung, tính chất, mục đích sử dụng rất khác nhau.

Văn bản áp dụng pháp luật có một số đặc điểm sau:

- Có nội dung là mệnh lệnh áp dụng pháp luật đối với cá nhân, tổ chức cụ thể, xác định.
- Văn bản áp dụng pháp luật được thực hiện một lần trong thực tiễn.
- Văn bản áp dụng pháp luật được ban hành theo hình thức và thủ tục do pháp luật quy định.

Soạn thảo, ban hành văn bản pháp luật có vị trí quan trọng, diễn ra thường xuyên trong hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các chủ thể ban hành văn bản pháp luật nhằm thực hiện hoạt động quản lý một cách có hiệu quả nhất. Văn bản pháp luật là phương tiện chủ yếu để ghi lại và truyền đạt các quyết định quản lý nên ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước. Do vậy, ban hành văn bản pháp luật có chất lượng luôn là mục tiêu hàng đầu của các cơ quan ban hành ra chúng.

## **2.3. Thực hiện các hoạt động khác mang tính chất pháp lý**

Những hoạt động mang tính chất pháp lý là những hoạt động rất phổ biến và đa dạng do các chủ thể quản lý hành chính nhà nước tiến hành khi pháp sinh những điều kiện tương ứng được quy định trước trong các văn bản quy phạm pháp luật nhưng không cần ban hành văn bản áp dụng quy phạm pháp luật.

Những hoạt động mang tính pháp lý bao gồm rất nhiều các hoạt động cụ thể khác nhau như:

- + Áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn và phòng ngừa vi phạm pháp luật như kiểm tra giấy phép lái xe, kiểm tra tạm vắng, tạm trú...
- + Đăng kí những sự kiện nhất định như đăng kí hộ tịch.
- + Lập và cấp một số giấy tờ nhất định như giấy phép lái xe
- + Công chứng, chứng thực
- + Lập văn bản vi phạm hành chính...

#### **2.4. Áp dụng những biện pháp tổ chức trực tiếp**

Là hình thức hoạt động không mang tính pháp lý do chủ thể quản lý hành chính nhà nước tiến hành nhằm mục đích tạo điều kiện thuận lợi để ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định quản lý.

Nội dung những hình thức hoạt động này không mang tính chất quyền lực nhà nước, không có tính chất bắt buộc cứng rắn như các hình thức ban hành văn bản quản lý. Những hoạt động mang tính chất tổ chức trực tiếp này rất đa dạng. Chúng thường xuyên được sử dụng và có vai trò rất quan trọng trong quản lý hành chính nhà nước. Thông qua các hoạt động đó, các chủ thể của quản lý hành chính nhà nước kiểm tra, hướng dẫn các đối tượng quản lý trong việc thực hiện pháp luật, cung cấp thông tin, tư liệu tuyên truyền, giải thích pháp luật, tổng kết kinh nghiệm công tác thực hiện pháp luật.

Tiến hành các hoạt động tổ chức thực hiện gồm các hoạt động nghiên cứu, tổng kết và phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến, áp dụng các biện pháp cụ thể nhằm ứng dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật vào quản lý, tổ chức kiểm tra, điều phối hoạt động, tổ chức hội thảo... Áp dụng những biện pháp tổ chức trực tiếp bao gồm các biện pháp tổ chức ra bên ngoài như: hội thảo quần chúng, lấy ý kiến người dân, điều tra xã hội học...; Các biện pháp tổ chức nội bộ cơ quan như: hội thảo, hội nghị, tổng kết rút kinh nghiệm.

#### **2.5. Tiến hành các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ - kỹ thuật**

Là hoạt động sử dụng kiến thức nghiệp vụ, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào quá trình quản lý hành chính nhà nước. Đây là hình thức sử dụng khoa học kỹ thuật vào công tác quản lý như in ấn, soạn thảo, lưu trữ văn bản hành chính hoặc các hoạt động phục vụ thuần túy.

Những hoạt động này không mang tính chất pháp lý. Chúng ngày càng được chú trọng và góp phần quan trọng vào việc tăng cường hiệu quả của hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Khoa học ngày càng phát triển thì hình thức hoạt động này càng được sử dụng rộng rãi. Ngày nay, ở nước ta, các cơ quan nhà nước sử dụng máy móc tự động vào một số việc như: điều khiển giao thông, lưu trữ hồ

sơ, soạn thảo văn bản ... Những hoạt động đó đóng vai trò quan trọng trong quá trình làm cho bộ máy quản lý ngày càng tinh giản.

## **VII. PHƯƠNG PHÁP QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC**

### **1. Khái niệm phương pháp quản lý hành chính nhà nước**

Quản lý hành chính nhà nước là quản lý nhà nước trong lĩnh vực hành pháp hoặc quản lý hành chính nhà nước là một hoạt động chấp hành – điều hành của nhà nước. Hoạt động quản lý này được các chủ thể có thẩm quyền thực hiện thông qua những phương pháp quản lý hành chính nhà nước nhằm đạt được những hành vi xử sự cần thiết.

*Khái niệm: Phương pháp quản lý hành chính nhà nước là cách thức mà chủ thể quản lý hành chính nhà nước sử dụng để thực hiện chức năng quản lý hành chính của mình, là cách thức tác động của chủ thể quản lý hành chính nhà nước lên các đối tượng quản lý nhằm đạt được những hành vi xử sự cần thiết.*

### **2. Các phương pháp quản lý nhà nước**

#### **2.1. Phương pháp thuyết phục**

Thuyết phục là làm cho đối tượng quản lý hiểu rõ sự cần thiết và tự giác thực hiện, thông qua phương pháp này giáo dục cho mọi công dân nhận thức đúng đắn về kỷ cương xã hội, kỷ cương nhà nước, động viên họ tự giác thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội. Phương pháp này sử dụng những biện pháp khác nhau như giải thích, nhắc nhở, tổ chức, giáo dục, tuyên truyền, phát triển các hình thức tự quản xã hội, tổ chức thi đua, khen thưởng.

Đây là phương pháp quản lý bao gồm một loạt những hoạt động như giải thích, hướng dẫn, động viên, khuyến khích, trình bày, chứng minh, để đảm bảo sự cộng tác, tuân thủ hay phục tùng tự giác của đối tượng quản lý nhằm đạt được một kết quả nhất định. Trong chủ nghĩa xã hội, lợi ích của nhân dân lao động, của tập thể và của nhà nước về cơ bản là nhất trí với nhau. Sự thống nhất ấy thuộc bản chất dân chủ của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Do đó, mối quan hệ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với nhân dân là cơ sở để thực hiện phương pháp thuyết phục.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, lợi ích của chủ thể quản lý và đối tượng quản lý về cơ bản là nhất trí, hoạt động quản lý hành chính nhà nước thể hiện ý chí và phục vụ lợi ích của nhân dân lao động. Vì vậy, phương pháp quản lý chủ yếu là phương pháp thuyết phục. Mặt khác, những nhiệm vụ và mục tiêu của quản lý hành chính nhà nước không thể đạt được nếu thiếu sự ủng hộ rộng rãi và tích cực của quần chúng. Hoạt động quản lý chỉ có thể có hiệu quả cao trên cơ sở động viên và tạo điều kiện cho quần chúng tham gia vào giải quyết những nhiệm vụ đặt ra trước bộ máy hành chính nhà nước. Sự trùng hợp về nguyên tắc lợi ích của chủ thể quản lý và lợi ích của đối tượng quản lý tạo cơ sở vững chắc cho ưu thế củ

phương pháp thuyết phục. Như vậy, những phương pháp không sử dụng phương tiện bắt buộc là cơ sở quan trọng của hoạt động quản lý hành chính nhà nước.

## ***2.2. Phương pháp cưỡng chế hành chính***

Trong quá trình quản lý nhà nước, việc áp dụng biện pháp thuyết phục là quan trọng và chủ yếu. Tuy nhiên, không phải lúc nào pháp chế cũng được đảm bảo. Nhằm khôi phục pháp chế, bảo đảm quyền và lợi ích của những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, bảo đảm quyền con người, Nhà nước buộc phải áp dụng những biện pháp cưỡng chế cần thiết đối với những trường hợp xâm hại hoặc có nguy cơ đe dọa xâm hại các trật tự mà pháp luật bảo vệ. Một trong những loại biện pháp cưỡng chế quan trọng được áp dụng rộng rãi trong quản lý nhà nước nói chung (theo nghĩa rộng) đó là các biện pháp cưỡng chế hành chính.

**Cưỡng chế hành chính:** Là biện pháp cưỡng chế nhà nước do các cơ quan và người có thẩm quyền quyết định áp dụng đối với cá nhân hay tổ chức có hành vi vi phạm hành chính hoặc đối với một số cá nhân, tổ chức nhất định với mục đích ngăn chặn hay phòng ngừa các vi phạm pháp luật...

Cưỡng chế hành chính là tổng hợp các biện pháp do luật hành chính quy định được áp dụng để tác động một cách trực tiếp hoặc gián tiếp lên tâm lý, tư tưởng và hành vi của cá nhân hoặc tổ chức, buộc các chủ thể đó phải thực hiện các nghĩa vụ pháp lý nhằm mục đích phòng ngừa, ngăn chặn hoặc xử lý những hành vi trái pháp luật, bảo đảm trật tự và kỷ luật trong quản lý nhà nước. Các biện pháp cưỡng chế hành chính, nếu xét dưới góc độ quản lý việc áp dụng chúng sẽ gây ra sự hạn chế quyền cho đối tượng bị áp dụng. Tuy nhiên, ở góc độ quản lý nhà nước, đối với quyền lợi của các chủ thể bị vi phạm quyền thì nó lại là biện pháp có tính chất bảo vệ quan trọng đối với những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ, qua đó góp phần bảo vệ quyền con người.

Chủ thể áp dụng phương pháp cưỡng chế phải là cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật như: cơ quan công an, Ủy ban nhân dân...

Đối tượng bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế là cá nhân, tổ chức nhất định trong những trường hợp pháp luật quy định như: cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính.

Biểu hiện của phương pháp cưỡng chế là buộc cá nhân, tổ chức phải chấp hành các quyết định đơn phương của chủ thể quản lý. Cụ thể là buộc cá nhân, tổ chức phải thực hiện hay không thực hiện những hành vi nhất định hoặc phải phục tùng những hạn chế nhất định về mặt tài sản của cá nhân, tổ chức hoặc tự do thân thể của cá nhân.

Phương pháp cưỡng chế hành chính là tác động mang tính chất bắt buộc, có thể gây thiệt hại về vật chất, tinh thần hay các quyền, lợi ích khác của đối tượng quản lý nhằm thực hiện các yêu cầu quản lý đặt ra.

Phương pháp này được pháp luật quy định rất chặt chẽ về thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục và những hậu quả pháp lý.

### **2.3. Phương pháp hành chính**

Phương pháp hành chính là phương pháp quản lý bằng cách ra chỉ thị từ trên xuống, nghĩa là những quyết định bắt buộc đối với đối tượng quản lý. Đặc trưng của phương pháp này là sự tác động trực tiếp lên đối tượng quản lý đạt được bằng cách quy định đơn phương nhiệm vụ và phương án hành động của đối tượng quản lý.

Nếu đối tượng quản lý không tuân thủ sẽ phải chịu trách nhiệm kỷ luật. Phương pháp này bao hàm cả hai nhân tố: thuyết phục và cưỡng chế. Trong quá trình quản lý hành chính nhà nước vừa thể hiện hoạt động chỉ đạo, điều hành đối với các đối tượng quản lý vừa tạo ra những điều kiện cần thiết, tối thiểu cho đối tượng quản lý để họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Phương pháp hành chính thể hiện tính chất quyền lực của hoạt động quản lý. Cơ sở của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ mà cụ thể là sự phục tùng của cấp dưới đối với cấp trên và tính chất bắt buộc thi hành những chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên đối với cấp dưới. Phương pháp hành chính cần thiết để đảm bảo cho hoạt động quản lý được tiến hành có hiệu quả và đảm bảo kỷ luật nhà nước. Phương pháp này áp dụng khi có mối quan hệ trực thuộc (cấp trên – cấp dưới, thủ trưởng – nhân viên,...)

+ Đặc trưng của phương pháp này là sự tác động trực tiếp của chủ thể quản lý lên đối tượng quản lý bằng cách đơn phương quy định nhiệm vụ và phương án hành động của đối tượng quản lý.

+ Phương pháp này được tiến hành trong khuôn khổ của pháp luật

Các quyết định hành chính được ban hành trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ thể quản lý do pháp luật quy định.

### **2.4. Phương pháp kinh tế**

Phương pháp kinh tế là phương pháp tác động gián tiếp đến hành vi của đối tượng quản lý thông qua việc sử dụng những đòn bẩy kinh tế tác động đến lợi ích của con người như quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh, thuế suất, lãi suất.....

Nội dung của phương pháp kinh tế chính là sự quản lý bằng lợi ích và thông qua lợi ích của con người. Lợi ích là điểm trung tâm của phương pháp kinh tế, là cơ sở của sự phát triển.

+ Đây là phương pháp tác động gián tiếp đến đối tượng quản lý thông qua lợi ích kinh tế như việc quy định chế độ thưởng, xử phạt.

+ Phương pháp kinh tế được thể hiện trong việc sử dụng đòn bẩy kinh tế như: quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh; chế độ hạch toán kinh tế, chế độ thưởng... nhằm tạo điều kiện vật chất thuận lợi cho hoạt động có hiệu quả của đối tượng quản lý phát huy năng lực sáng tạo, chọn cách tốt nhất để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Trong quá trình quản lý hành chính nhà nước, việc lựa chọn hình thức, phương pháp quản lý phải căn cứ vào những yếu tố sau: Mục tiêu quản lý, đối tượng quản lý, thể chế của nền hành chính nhà nước, trình độ phát triển của nền kinh tế, văn hóa, phong tục... Việc lựa chọn này cần đa dạng, linh hoạt, không máy móc, giáo điều, phù hợp với mục đích và đối tượng quản lý.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- 1- Hiến pháp năm 2013
- 2- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2020)
- 3- Luật Tổ chức Chính phủ năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2019)
- 4- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2019)
- 5- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2021), *Những vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước (giáo trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính)*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
- 6- Tài liệu Bồi dưỡng ngạch chuyên viên chương trình khung theo Quyết định số 421/QĐ-BNV ngày 31/5/2022 của Bộ Nội vụ.

## CHUYÊN ĐỀ 4

### CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Cải cách hành chính là một trong những nội dung cơ bản của hành chính học nói chung và quản lý nhà nước nói riêng. Cải cách hành chính là một vấn đề được hầu hết các nước trên thế giới quan tâm nhằm làm đòn bẩy để nâng cao hiệu quả của nhà nước trong việc phát triển kinh tế, củng cố tăng cường tiềm lực về mọi mặt cho đất nước. Như vậy, cải cách hành chính là vấn đề vừa mang ý nghĩa lý luận lại vừa mang ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng.

## I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

### 1. Khái niệm về nền hành chính

Nền hành chính nhà nước là khái niệm dùng để chỉ tất cả những yếu tố đảm bảo cho hoạt động hành chính nhà nước được tiến hành, bao gồm:

- *Hệ thống thể chế hành chính nhà nước* là nền tảng pháp lý cho hoạt động hành chính nhà nước;
- *Hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước* hợp thành bộ máy hành chính nhà nước;
- *Đội ngũ cán bộ, công chức* làm việc trong bộ máy đó để thực thi công vụ;
- *Các nguồn lực vật chất cần thiết* để tiến hành hoạt động hành chính bao gồm công sở, công sản và các nguồn lực tài chính khác.

Nền hành chính của một quốc gia là một thể thống nhất, ở đó, các yếu tố cấu thành có một mối liên hệ gắn bó hữu cơ, chặt chẽ, tác động qua lại lẫn nhau. Nền hành chính nhà nước được điều hành thống nhất bởi Chính phủ nhằm bảo đảm tính hệ thống và ổn định phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, để nền hành chính hoạt động tốt, hướng đến việc đạt mục tiêu chung, cần đảm bảo sự thống nhất, hài hòa, đồng bộ giữa các yếu tố cấu thành và các chủ thể hành chính nhà nước ở các cấp trên cơ sở phân định rõ thẩm quyền, chức năng của chúng.

### 2. Khái niệm cải cách hành chính nhà nước

Theo cách hiểu chung nhất, *cải cách là những thay đổi có tính hệ thống và có mục đích nhằm làm cho hệ thống hoạt động tốt hơn*. Cải cách có thể diễn ra ở những cấp độ, mức độ khác nhau.

“Cải” là từ Hán-Việt có nghĩa là thay đổi, cách là phương pháp, hình thức hành động. Cải cách là thay đổi phương pháp, hành động của một công việc, hoặc một hoạt động cụ thể để đạt mục tiêu tốt hơn.



Theo các Từ điển Hán - Việt, “Cải” là từ Hán-Việt có nghĩa là thay đổi, nhưng “cách” không phải là phương pháp, hình thức hành động. “cách” là đổi, “cách” còn là bỏ đi<sup>1</sup>.

Cải cách hành chính là một khái niệm của hành chính học. Do chế độ chính trị khác nhau, do trình độ và giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của các nước khác nhau, và do sự khác biệt trong quan điểm và góc độ nghiên cứu mà giữa các nước khác nhau có những định nghĩa khác nhau về cải cách hành chính.

*Theo nghĩa rộng*, cải cách hành chính có thể hiểu là một quá trình thay đổi cơ bản lâu dài, liên tục bao gồm cơ cấu của quyền lực hành pháp và tất cả các hoạt động có ý thức của bộ máy Nhà nước nhằm đạt được sự hợp tác giữa các bộ phận và các cá nhân vì mục đích chung của cộng đồng và phối hợp các nguồn lực để tạo ra hiệu lực và hiệu quả quản lý các sản phẩm (dịch vụ hoặc hàng hóa) phục vụ nhân dân thông qua các phương thức tổ chức và thực hiện quyền lực. Hiểu theo nghĩa này, cải cách hành chính là những thay đổi được thiết kế có chủ định nhằm cải tiến một cách cơ bản các khâu trong hoạt động quản lý của bộ máy Nhà nước: lập kế hoạch, định thể chế, tổ chức công tác cán bộ, tài chính, chỉ huy, phối hợp, kiểm tra, thông tin, và đánh giá.

*Theo nghĩa hẹp*, cải cách hành chính là một quá trình thay đổi nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hành chính, cải tiến tổ chức, chế độ và phương pháp hành chính cũ, xây dựng chế độ và phương thức hành chính mới trong lĩnh vực quản lý của bộ máy hành chính Nhà nước.

Theo Từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt<sup>2</sup>: “*Cải cách hành chính là một chủ trương, một công cụ đổi mới diễn ra ở hầu hết các quốc gia, mà trọng tâm là cải cách bộ máy nhà nước nhằm xây dựng một nền hành chính dân chủ, hiện đại, có đủ năng lực nhằm tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương và pháp luật của nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nhà nước, v.v...*”

Theo tinh thần chung trên thế giới thì cải cách hành chính là những cố gắng có chủ định nhằm đưa những thay đổi cơ bản vào hệ thống hành chính Nhà nước thông qua các cải cách có hệ thống hoặc các phương thức để cải tiến ít nhất một trong bốn yếu tố cấu thành của nền hành chính công (a) thể chế (b) cơ cấu (c) nhân sự, và (d) tiến trình.

*Tóm lại, cải cách hành chính nhà nước được hiểu là những thay đổi có tính hệ thống, lâu dài có mục đích nhằm làm cho hệ thống hành chính nhà nước hoạt động tốt hơn, thực hiện tốt hơn các chức năng, nhiệm vụ của mình. Cải cách hành chính nhà nước được xác định là hành vi có tính hướng đích của con người nhằm*

<sup>1</sup> [https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A3i\\_c%C3%A1ch](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A3i_c%C3%A1ch)

<sup>2</sup> Từ điển thuật ngữ pháp luật Pháp - Việt, Nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2009

cải biến nền hành chính của một quốc gia theo hướng hoàn thiện hơn, đáp ứng được những yêu cầu nội tại từ chính bên trong nền hành chính và những đòi hỏi từ xã hội, người dân và tổ chức.

Vì bộ máy hành chính nhà nước là một bộ phận không tách rời của bộ máy nhà nước nói riêng và hệ thống chính trị của một quốc gia nói chung nên cách thức tổ chức và hoạt động của nó chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của yếu tố chính trị, mức độ phát triển kinh tế - xã hội, cũng như các yếu tố mang tính chất đặc trưng khác của mỗi quốc gia như truyền thống văn hoá, lịch sử,... Cải cách hành chính nhà nước ở các nước khác nhau, vì vậy, cũng mang những sắc thái riêng, được tiến hành trên những cấp độ khác nhau, với những nội dung khác nhau. Ở Việt Nam, có thể xem cải cách hành chính nhà nước là một bộ phận quan trọng của công cuộc đổi mới, là trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm các thay đổi có chủ đích và lâu dài nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước để đáp ứng những đòi hỏi của tiến trình đổi mới.

### **3. Sự cần thiết phải cải cách hành chính ở Việt Nam**

Cải cách hành chính ở nước ta hiện nay diễn ra trong khuôn khổ của cải cách nhà nước theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, là tiền đề quan trọng để thực hiện thành công quá trình đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng. Những nguyên nhân chủ yếu dẫn tới việc đẩy mạnh cải cách hành chính ở nước ta hiện nay là:

#### ***- Quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường định hướng XHCN***

Cải cách hành chính hướng tới việc nâng cao khả năng hoạt động của bộ máy hành chính để giúp cho quá trình quản lý xã hội của Nhà nước được tốt hơn, trước hết là quản lý nền kinh tế, định hướng cho nền kinh tế phát triển theo đúng định hướng của Nhà nước. Mỗi nền kinh tế cần phải được quản lý theo cách thức riêng. Quản lý nhà nước đối với kinh tế là để cho nền kinh tế phát triển ổn định, theo đúng định hướng, khắc phục và giảm thiểu những nhược điểm của cơ chế thị trường.

Sự phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ mới đòi hỏi Nhà nước, mà trực tiếp là nền hành chính phải hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực pháp lý theo cơ chế mới để đảm bảo cho đất nước phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt phải điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước.

- **Những bất cập còn tồn tại của nền hành chính.** Nền hành chính nhà nước ở nước ta trong quá trình đổi mới vẫn còn tồn tại nhiều biểu hiện tiêu cực, chưa đáp ứng được những yêu cầu của cơ chế quản lý mới cũng như nhu cầu của nhân dân trong điều kiện mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý chưa cao, thể hiện trên các mặt:

+ Chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của bộ máy hành chính trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được xác định thật rõ và phù hợp; sự phân công, phân cấp giữa các ngành và các cấp chưa thật rành mạch;

+ Hệ thống thể chế hành chính chưa đồng bộ, còn chòng chéo và thiếu thống nhất; thủ tục hành chính trên nhiều lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp; trật tự, kỷ cương chưa nghiêm;

+ Tổ chức bộ máy còn chồng chéo, nhiều tầng nấc; phương thức quản lý hành chính vừa tập trung quan liêu lại vừa phân tán, chưa thông suốt; chưa có những cơ chế, chính sách tài chính thích hợp với hoạt động của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức làm dịch vụ công;

+ Đội ngũ cán bộ, công chức còn nhiều điểm yếu về phẩm chất, tinh thần trách nhiệm, năng lực chuyên môn, kỹ năng hành chính; phong cách làm việc chậm đổi mới; tệ quan liêu, tham nhũng, sách nhiễu nhân dân còn diễn ra trong một bộ phận cán bộ, công chức;

+ Bộ máy hành chính ở các địa phương và cơ sở chưa thực sự gắn bó với dân, không nắm chắc được những vấn đề nổi cộm trên địa bàn, lúng túng, bị động khi xử lý các tình huống phức tạp.

+ Chế độ quản lý tài chính không phù hợp với cơ chế thị trường. Việc sử dụng và quản lý nguồn tài chính công chưa chặt chẽ, lãng phí và kém hiệu quả.

### - **Quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.**

Toàn cầu hoá là một quá trình khách quan có ảnh hưởng sâu rộng đến tất cả các quốc gia. Quá trình này khiến cho các quốc gia trên toàn thế giới trở nên gần nhau hơn, quan hệ với nhau chặt chẽ hơn và sự thâm thấu, phụ thuộc vào nhau cũng nhiều hơn. Các quốc gia đang đứng trước nhiều cơ hội nhưng cũng phải đối mặt với nhiều thách thức mới ở tầm quốc tế.

Hội nhập quốc tế là một đòi hỏi đối với các quốc gia để có thể tận dụng được cơ hội, đồng thời hạn chế những thách thức trong toàn cầu hoá để có thể phát triển. Bộ máy hành chính của các quốc gia phải vận động nhanh nhạy hơn để tăng cường khả năng cạnh tranh của quốc gia trong quá trình hội nhập và phân công lao động mang tính toàn cầu. Điều đó đòi hỏi thể chế hành chính và đội ngũ cán bộ phải thích ứng với pháp luật và thông lệ quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập, tự chủ, bảo vệ lợi ích quốc gia.

### - **Sự phát triển của khoa học - công nghệ.**

Những ảnh hưởng của cách mạng kỹ thuật – công nghệ có ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống xã hội, trong đó có hoạt động quản lý. Những biến đổi này đặt ra trước nền hành chính truyền thống những thách thức mới. Điều đó đòi hỏi phải cải cách nền hành chính, sắp xếp lại bộ máy, đổi mới phương pháp quản lý nhân sự để theo kịp những tiến bộ chung của thế giới.

**- Đòi hỏi của công dân và xã hội đối với Nhà nước ngày càng cao.**

Công cuộc đổi mới đã đạt được nhiều thành tựu, nâng cao mức sống và nhận thức của người dân. Trong bối cảnh đó, đòi hỏi của người dân đối với các hoạt động của nhà nước ngày càng cao hơn. Nhân dân đòi hỏi và mong muốn được thực hiện quyền làm chủ hợp pháp một cách đầy đủ, được yên ổn sinh sống, làm ăn trong môi trường an ninh, trật tự và dân chủ, không bị phiền hà, sách nhiễu, được đảm bảo cung cấp các dịch vụ công một cách đầy đủ và có chất lượng. Điều đó đòi hỏi nhà nước phải phát huy dân chủ, thu hút sự tham gia của người dân vào quản lý nhà nước và phải công khai, minh bạch trong các hoạt động của mình.

**4. Mục đích và vai trò của cải cách hành chính nhà nước**

**4.1. Mục đích của cải cách hành chính nhà nước**

*Thứ nhất*, cải cách hành chính nhà nước có mục đích lớn nhất là phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp tốt hơn. Do đó, mức độ hài lòng của khách hàng là tiêu chí chính để đánh giá hiệu quả cải cách hành chính nhà nước của mỗi cơ quan bộ ngành, địa phương nói riêng và cả nền hành chính nói chung.

*Thứ hai*, cải cách hành chính nhà nước nhằm mục đích thay đổi và làm hợp lý hóa bộ máy hành chính, với mục đích tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Cải cách hành chính hướng tới mục đích chung nhất là làm cho hệ thống trở nên hiệu quả hơn, chất lượng các thể chế nhà nước đồng bộ, khả thi, đi vào cuộc sống, cơ chế hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan nhà nước đạt hiệu quả, hiệu lực cao hơn.

*Thứ ba*, cải cách hành chính nhà nước có mục đích là xây dựng một nền hành chính công chuyên nghiệp, hiện đại, vận hành thông suốt, hiệu quả, một nền hành chính trong sạch, vững mạnh, thống nhất, đồng bộ. Nhiệm vụ chính, cốt yếu của cải cách hành chính nhà nước là giảm thủ tục hành chính, quy trình hóa, minh bạch hóa, siết chặt kỷ cương hành chính.

*Thứ tư*, cải cách hành chính nhà nước hướng tới mục đích tăng cường khả năng thích ứng của nền hành chính nhà nước trước những biến đổi không ngừng của bối cảnh bên trong và bên ngoài. Đồng thời, đây cũng là yêu cầu của một nền hành chính hiện đại trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa.

**4.2. Vai trò của cải cách hành chính nhà nước**

*Thứ nhất*, cải cách hành chính nhà nước có vai trò quan trọng để đổi mới phương thức hoạt động của nền hành chính, từ nội dung, phương pháp, lề lối làm việc, thống nhất từ trung ương tới địa phương.

*Thứ hai*, cải cách hành chính nhà nước thúc đẩy quá trình dân chủ, củng cố niềm tin của người dân, tăng cường sự tham gia của người dân vào hoạt động của hành chính nhà nước nói riêng, hoạt động quản lý nhà nước nói chung.

*Thứ ba*, cải cách hành chính nhà nước giúp kiểm soát tốt hơn hoạt động hành chính nhà nước - vốn là hoạt động phức tạp, nhạy cảm.

*Thứ tư*, cải cách hành chính nhà nước có vai trò thúc đẩy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

*Thứ năm*, cải cách hành chính nhà nước giúp nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân, tổ chức.

## **II. CHƯƠNG TRÌNH TỔNG THỂ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2030 Ở VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 7 năm 2021 Chính phủ ban hành Nghị quyết số 76/NQ-CP về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030, xác định cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 tập trung vào 6 nội dung, đó là: cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính, cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, cải cách chế độ công vụ, cải cách tài chính công và xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Trọng tâm cải cách hành chính 10 năm tới là: Cải cách thể chế, trong đó tập trung xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước, trong đó, chú trọng cải cách chính sách tiền lương; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân trong giai đoạn 2021 - 2030.

### **2. Nội dung, mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của cải cách hành chính**

#### **2.1. Cải cách thể chế**

##### **a) Mục tiêu**

Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực; nâng cao chất lượng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng bộ, hiện đại, hội nhập, trọng tâm là thị trường các yếu tố sản xuất, nhất là thị trường quyền sử dụng đất, khoa học, công nghệ; tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước; tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức và toàn xã hội.

- Đến năm 2025:

+ Cơ bản hoàn thiện hệ thống thể chế của nền hành chính nhà nước, trọng tâm là thể chế về tổ chức bộ máy và quản lý cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực kiến tạo phát triển.

+ Tiếp tục hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường; tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo.

+ Hoàn thiện thể chế và các khuôn khổ pháp lý để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng, phát triển Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước.

## **b) Nhiệm vụ**

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính, chế độ công vụ đầy đủ, đồng bộ trên cơ sở Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức. Tiếp tục thể chế hóa các quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền công dân, quyền và nghĩa vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp.

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:

+ Hoàn thiện thể chế về sở hữu, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013; thể chế về phát triển các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, các yếu tố thị trường và các loại thị trường, bảo đảm mọi người dân, doanh nghiệp

thuộc các thành phần kinh tế đều hoạt động theo cơ chế thị trường, bình đẳng và cạnh tranh lành mạnh theo pháp luật; thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với bảo đảm phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; thể chế đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Hoàn thiện thể chế về thu hút đầu tư, huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực và thể chế về phân phối kết quả làm ra để giải phóng sức sản xuất, tạo động lực và nguồn lực cho tăng trưởng, phát triển.

+ Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về đất đai, tài nguyên để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khắc phục tình trạng tranh chấp, khiếu kiện, tham nhũng, lãng phí trong lĩnh vực này. Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng đất công; tăng cường giám sát, quản lý chặt chẽ, nâng cao hiệu quả sử dụng đất giao cho các cộng đồng và doanh nghiệp nhà nước.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học và công nghệ gắn với xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ.

+ Xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý, thử nghiệm cơ chế, chính sách đặc thù để thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, kinh tế số, sản xuất thông minh, các mô hình sản xuất kinh doanh mới, kinh tế chia sẻ, thương mại điện tử, khởi nghiệp sáng tạo,...

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật:

+ Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình lập pháp, lập quy theo hướng chặt chẽ, khoa học, hiện đại, chuyên nghiệp, áp dụng kỹ thuật lập pháp tiên bộ trong soạn thảo; tăng cường tham vấn ý kiến chuyên môn của các hiệp hội, chuyên gia, nhà khoa học và tham vấn ý kiến rộng rãi của người dân, tổ chức và xã hội trong quá trình xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính minh bạch, tính nhất quán, ổn định và dự đoán được của pháp luật.

+ Tăng cường kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật:

+ Ban hành quy định và tổ chức triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật hàng năm tại các bộ, ngành, địa phương.

+ Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.

+ Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật.

+ Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

+ Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật.

## **2.2. Cải cách thủ tục hành chính**

### **a) Mục tiêu**

Cải cách quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp; thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thành phần hồ sơ và tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin; bãi bỏ các rào cản hạn chế quyền tự do kinh doanh, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch; đổi mới và nâng cao hiệu quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

- Đến năm 2025:

+ Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020.

+ Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

+ Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.

+ Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên.

+ Năm 2021, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng là 40%, 30%, 20%, 15%; giai đoạn



2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

+ Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

+ 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời.

+ 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

- Đến năm 2030:

+ 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên.

+ Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4, đồng thời, hoàn thành việc tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 80%.

+ 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%.

+ Môi trường kinh doanh của Việt Nam được xếp vào nhóm 30 quốc gia hàng đầu.

## **b) Nhiệm vụ**

- Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm thủ tục hành chính mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, trọng tâm là thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực:

Đất đai, xây dựng, đầu tư, bảo hiểm, thuế, hải quan, công an,... và các thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực khác có số lượng, tần suất giao dịch lớn.

- Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức; loại bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết, không hợp lý; tích hợp, cắt giảm mạnh các mẫu đơn, tờ khai và các giấy tờ không cần thiết hoặc có nội dung thông tin trùng lặp trên cơ sở ứng dụng các công nghệ số và các cơ sở dữ liệu sẵn có.

+ Cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh, loại bỏ các quy định không hợp pháp, không cần thiết, không hợp lý, bảo đảm thực chất. Tổ chức triển khai có kết quả Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

+ Cải cách hoạt động kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo hướng tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước; ứng dụng tối đa các hệ thống công nghệ thông tin để đơn giản hóa, hiện đại hóa thủ tục kiểm tra, bảo đảm minh bạch thông tin; áp dụng đầy đủ, hiệu quả phương pháp kiểm tra tiên tiến, phương pháp quản lý rủi ro phù hợp với thông lệ quốc tế, Công ước/Hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, tham gia.

+ Rà soát, thống kê và đơn giản hóa các thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai thủ tục hành chính dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện. Vận hành và khai thác có hiệu quả Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cho cấp đó giải quyết, đảm bảo nguyên tắc quản lý ngành, lãnh thổ, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những phiền hà, tiêu cực, phiền hà cho nhân dân.

- Đẩy mạnh nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính, thông qua tăng cường đối thoại, lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp, phát huy vai trò, hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

- Trong năm 2022, hoàn thành kết nối Cổng Thông tin một cửa quốc gia với Cổng Dịch vụ công quốc gia; đẩy mạnh thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và thanh toán các khoản phí liên quan đến kiểm tra chuyên ngành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Hoàn thành xây dựng và vận hành có hiệu quả Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đảm bảo thống nhất với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

### **2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**

#### **a) Mục tiêu**

Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, định rõ việc của cơ quan hành chính nhà nước; phân định rõ mô hình tổ chức chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước và sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp theo quy định. Đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước; tăng cường rà soát, sắp xếp lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, có cơ cấu hợp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động.

- Đến năm 2025:

+ Hoàn thành việc nghiên cứu, đề xuất mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống hành chính nhà nước phù hợp với yêu cầu, điều kiện cụ thể của nước ta trong giai đoạn mới.

+ Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, tổ chức, khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

+ Hoàn thành việc sắp xếp thu gọn các đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, tổ dân phố theo tiêu chuẩn quy định.

+ Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

- Đến năm 2030:

+ Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức Chính phủ theo hướng giảm hợp lý đầu mối các bộ, cơ quan ngang bộ và giảm tương ứng số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; giảm mạnh đầu mối các tổ chức trung gian.

+ Tiếp tục giảm bình quân 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2025.

+ Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 95%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 90%

+ Phân định rõ và tổ chức thực hiện mô hình chính quyền nông thôn, đô thị, hải đảo và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt.

### **b) Nhiệm vụ**

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước:

+ Nghiên cứu, đề xuất mô hình, cơ cấu tổ chức Chính phủ trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số và chủ động tham gia, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

+ Rà soát, xác định rõ nhiệm vụ của các cơ quan hành chính phải thực hiện, những công việc cần phân cấp cho địa phương, cấp dưới thực hiện; công việc cần chuyển giao cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm; trên cơ sở đó thiết kế, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính phủ hợp ở Trung ương và địa phương.

+ Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, phạm vi quản lý đa ngành, đa lĩnh vực của một số bộ, ngành, nhất là những bộ, ngành có chức năng, nhiệm vụ tương đồng, trùng lắp để có giải pháp phù hợp và thực hiện kiện toàn, sắp xếp cơ cấu tổ chức, bảo đảm tinh gọn các bộ, cơ quan ngang bộ.

+ Các địa phương đã thực hiện thí điểm hợp nhất, sáp nhập các cơ quan chuyên môn theo Kết luận số 34-KL/TW ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Bộ Chính trị về thực hiện một số mô hình thí điểm theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017, tổng kết việc thực hiện thí điểm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

- Tổ chức sắp xếp, kiện toàn các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước:

+ Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục triệt để sự trùng lắp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo nguyên tắc một tổ chức có thể đảm nhiệm nhiều việc, nhưng một việc chỉ do một tổ chức chủ trì và chịu trách nhiệm chính.

+ Tiếp tục thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ và dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết phải thực hiện cho doanh nghiệp, các tổ chức xã hội đảm nhiệm.

+ Sắp xếp, giảm tối đa các ban quản lý dự án, các tổ chức phối hợp liên ngành, nhất là các tổ chức có bộ phận giúp việc chuyên trách.

- Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định về tổ chức chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt:

+ Sắp xếp, kiện toàn, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật; nghiên cứu, thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

+ Ban hành giải pháp khuyến khích sáp nhập, tăng quy mô các đơn vị hành chính các cấp ở những nơi có đủ điều kiện để nâng cao năng lực quản lý, điều hành và tăng cường các nguồn lực của địa phương.

+ Thực hiện sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố phù hợp với yêu cầu quản lý và tổ chức hoạt động của thôn, tổ dân phố.

+ Thí điểm mô hình chính quyền đô thị trực thuộc cấp tỉnh, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ở những nơi có đủ điều kiện.

- Đổi mới hệ thống tổ chức, quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động để tinh gọn đầu mối, khắc phục chồng chéo, dàn trải và trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Rà soát, hoàn thiện các quy định về tiêu chí phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập theo từng ngành, lĩnh vực; quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các lĩnh vực: Y tế; giáo dục và đào tạo; lao động, thương binh và xã hội; khoa học và công nghệ; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông.

+ Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện sang công ty cổ phần.

+ Nghiên cứu, ban hành các biện pháp đổi mới phương thức quản lý, tổ chức và hoạt động để nâng cao năng lực quản trị. Thực hiện thí điểm việc thi tuyển, thuê giám đốc điều hành tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn với quyền hạn và trách nhiệm; khuyến khích sự năng động, sáng tạo và phát huy tính tích cực, chủ động của các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương; phân cấp giữa các cấp ở địa phương.

+ Ban hành cơ chế, chính sách kiểm soát quyền lực chặt chẽ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và đề cao trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ phân cấp. Triển khai các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ đã phân cấp.

- Nghiên cứu, triển khai các biện pháp đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên cơ sở ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ thông tin; tăng cường chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc của cơ quan hành chính

các cấp trên môi trường số, tổ chức họp, hội nghị bằng hình thức trực tuyến, không giấy tờ.

## **2.4. Cải cách chế độ công vụ**

### **a) Mục tiêu**

Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài. Thực hiện cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong bổ nhiệm, đề bạt cán bộ và tuyển dụng công chức, viên chức để thu hút người thực sự có đức, có tài vào làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Đến năm 2025:

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

- Đến năm 2030:

Xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý; đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ: 50% - 60% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng, vụ, cục, tổng cục và tương đương ở Trung ương, 25% - 35% số lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, trên 30% số lãnh đạo, quản lý cấp phòng trực thuộc sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tương đương, 80% số lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp nhà nước có đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế.

100% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc.

### **b) Nhiệm vụ**

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng, quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức; Luật Viên chức, bảo đảm đồng bộ với các quy định của Đảng về công tác cán bộ nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ năng lực, phẩm chất, cơ cấu hợp lý, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ và sự phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; đổi mới công tác tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức.

Ban hành quy định về tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước. Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện, chính sách để giảm tỷ lệ người phục vụ trong từng cơ quan, nhất là khối văn phòng.

Xây dựng, ban hành các quy định thực hiện thống nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức, làm cơ sở cho các bộ, ngành, địa phương lựa chọn,

tuyển dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ; tăng cường phân cấp kiểm định theo lĩnh vực đặc thù và theo vùng, khu vực.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng tuyển dụng, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức.

- Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu.

- Tiếp tục mở rộng và triển khai có hiệu quả việc thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp vụ, sở, phòng và tương đương.

- Nghiên cứu, đổi mới phương pháp, quy trình đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo hướng dẫn chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ và gắn với vị trí việc làm, thông qua công việc, sản phẩm cụ thể.

- Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức triển khai các văn bản pháp luật quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang theo lộ trình cải cách chính sách tiền lương; quy định quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng trong các doanh nghiệp nhà nước; quy định về xác định tiền lương đối với sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng và thực hiện chế độ chính sách đối với viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi hoạt động theo hướng đẩy mạnh tự chủ.

- Hoàn thiện quy định về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong hoạt động công vụ; xây dựng và ban hành quy định về thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác cán bộ và quản lý cán bộ; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những người có sai phạm, kể cả khi đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu.

- Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm. Rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm, bảo đảm không trùng lặp, tiết kiệm, hiệu quả; rà soát, cắt giảm các chứng chỉ bồi dưỡng không cần thiết.

- Đổi mới cơ chế quản lý và chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, bảo đảm giảm dần số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, nâng cao hiệu quả hoạt động, thực hiện khoán kinh phí.

- Đổi mới cơ chế, chính sách ưu đãi để tạo chuyển biến mạnh mẽ trong phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài trong quản lý, quản trị nhà nước, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững. Xây dựng và triển khai có hiệu quả Chiến lược quốc gia về thu hút và trọng dụng nhân tài giai đoạn 2021 - 2030.

## **2.5. Cải cách tài chính công**

### **a) Mục tiêu**

Đổi mới mạnh mẽ cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra, nhằm nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

- Đến năm 2025:

+ Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước theo hướng bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách Trung ương và chủ động, tích cực của ngân sách địa phương.

+ Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập. Đến năm 2025, có tối thiểu 20% đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên; 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, có đủ điều kiện, hoàn thành việc chuyển đổi thành công ty cổ phần hoặc chuyển sang tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Đến năm 2030:

Hoàn thiện đầy đủ và đồng bộ hệ thống pháp luật để thể chế hóa các chủ trương của Đảng về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025.

### **b) Nhiệm vụ**

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan để đổi mới cơ chế quản lý, phân bổ ngân sách nhà nước. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy định về thực hiện cơ chế khoán kinh phí quản lý hành chính tại các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên cơ sở cụ thể hóa các chủ trương của Đảng và đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính; tăng cường theo dõi, giám sát thực hiện quá trình hội nhập quốc tế, hội nhập khu vực.



Nâng cao năng lực, hiệu quả giám sát và bảo đảm an ninh tài chính quốc gia; giám sát an toàn về nợ công, nợ quốc gia, nợ Chính phủ; tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay về cho vay lại.

- Phát triển đồng bộ thị trường tài chính và dịch vụ tài chính: Thị trường chứng khoán ổn định, vững chắc, hoạt động hiệu quả; thị trường bảo hiểm lành mạnh, an toàn; đồng bộ thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán; nâng cao năng lực hoạt động thẩm định giá của Việt Nam; thị trường trái phiếu theo hướng hiện đại, hoàn chỉnh đi đôi với tái cấu trúc thị trường tài chính.

- Hoàn thiện cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập:

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, bao gồm các quy định về nguồn thu, nhiệm vụ chi, phân phối thu nhập bổ sung; thẩm quyền, trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập; tăng cường phân cấp, tạo quyền chủ động cho đơn vị sự nghiệp công lập.

+ Sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước, các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí làm cơ sở cho việc ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan Trung ương và địa phương.

+ Chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công; tạo sự cạnh tranh bình đẳng trong cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa dịch vụ sự nghiệp công.

- Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa:

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ...

+ Ban hành các chính sách khuyến khích thành lập đơn vị sự nghiệp ngoài công lập (giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học và công nghệ).

+ Chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên.

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước và đổi mới cơ chế quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phục vụ quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách thúc đẩy, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp nhà nước.

## **2.6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số**

### **a) Mục tiêu**

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ thúc đẩy hoàn thành xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, góp phần đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp có đủ năng lực vận hành nền kinh tế số, xã hội số đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân, tổ chức.

- Đến năm 2025:

+ 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trên toàn quốc.

+ 100% Cổng Dịch vụ công, Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ Trung ương đến địa phương.

+ 80% các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, không phải cung cấp lại.

+ 100% hệ thống báo cáo của các bộ, ngành, địa phương được kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.

+ Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện: 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện họp thông qua Hệ thống này đối với các cuộc họp của Ủy ban nhân dân.

+ 90% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ 100% bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc xây dựng và đưa vào vận hành Phân hệ theo dõi nhiệm vụ Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, bảo đảm hiển thị theo thời gian thực.

+ Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

- Đến năm 2030:

+ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, cấp tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

+ 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

+ Tối thiểu 80% người trưởng thành có tài khoản giao dịch tại ngân hàng.

+ Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI).

## **b) Nhiệm vụ**

- Hoàn thiện môi trường pháp lý:

+ Rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung, xây dựng khung pháp lý của bộ, ngành, địa phương hỗ trợ xây dựng, phát triển Chính phủ số và Chính quyền số các cấp. Nghiên cứu, xây dựng Luật Chính phủ số và các văn bản hướng dẫn thi hành để triển khai thực hiện.

+ Ban hành quy định về định danh và xác thực điện tử, hoàn thiện hành lang pháp lý để phổ cập danh tính số.

+ Xây dựng các chính sách, quy định pháp lý về thuế, phí nhằm khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

- Phát triển hạ tầng số quốc gia:

+ Phát triển hạ tầng truyền dẫn đáp ứng nhu cầu triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

+ Phát triển hệ thống dữ liệu phục vụ triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số tại bộ, ngành, địa phương.

+ Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

+ Phát triển hạ tầng Internet vạn vật (IoT) phục vụ các ứng dụng nghiệp vụ, chuyên ngành trong triển khai Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, gắn kết với phát triển đô thị thông minh tại các bộ, ngành, địa phương.

- Phát triển nền tảng và hệ thống số quy mô quốc gia:

+ Phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp bộ/tỉnh (LGSP) kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP) theo Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam để trao đổi, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan bên ngoài. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng (SOC) cho các hệ thống thông tin của bộ, ngành, địa phương.

+ Phát triển các hệ thống đặc thù sử dụng trong phạm vi toàn ngành, địa phương để tiết kiệm thời gian, chi phí triển khai, tạo điều kiện kết nối, chia sẻ dữ liệu...

+ Xây dựng, phát triển Nền tảng ứng dụng trên thiết bị di động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp sử dụng các dịch vụ, tiện ích trong Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

- Phát triển dữ liệu số quốc gia:

+ Phát triển các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ ứng dụng, dịch vụ Chính phủ số trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương; thực hiện chia sẻ hiệu quả dữ liệu chuyên ngành của các bộ, ngành với các địa phương; mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kho dữ liệu để lưu trữ dữ liệu điện tử của các công dân khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các cơ quan nhà nước trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh.

+ Xây dựng Hệ thống phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp cấp bộ, cấp tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu số từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ nội bộ:

+ Phát triển hệ thống thông tin phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Tiếp tục phát triển, hoàn thiện Trục liên thông văn bản quốc gia thành nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu số, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tiến tới triển khai phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp.

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết nối, tích hợp theo thời gian thực với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan, địa phương tại các cấp chính quyền.

Phát triển, hoàn thiện Hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu theo dõi về thực hiện nhiệm vụ do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao, kết nối, liên thông với các hệ thống quản lý văn bản và điều hành của bộ, ngành, địa phương.

Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

+ Phát triển các ứng dụng, dịch vụ nghiệp vụ, chuyên ngành phục vụ nội bộ và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin trong và ngoài bộ, ngành, địa phương theo nhu cầu.

+ Đẩy mạnh việc sử dụng chữ ký số, định danh số, chuyển đổi số và niêm phong điện tử trong xử lý văn bản hành chính, cắt giảm giấy tờ, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đơn giản hóa quy trình nghiệp vụ.

+ Phát triển các hệ thống làm việc tại nhà, từ xa của các cơ quan nhà nước.

+ Ứng dụng mạnh mẽ, hiệu quả các công nghệ số mới như điện toán đám mây (Cloud Computing), dữ liệu lớn (Big Data), di động, internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (Blockchain), mạng xã hội và các công nghệ số mới trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ Chính phủ điện tử tại bộ, ngành, địa phương.

- Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp:

+ Phát triển, hoàn thiện Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp bộ, cấp tỉnh trên cơ sở hợp nhất Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hoàn thành việc tích hợp toàn bộ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Hoàn thiện Cơ sở dữ liệu về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh và Cổng tham vấn điện tử theo Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025.

+ Xây dựng các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

+ Phát triển, tích hợp các ứng dụng thanh toán điện tử, đa dạng hóa các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để phổ cập, tăng khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân.

- Xây dựng, phát triển đô thị thông minh:

+ Phát triển các dịch vụ đô thị thông minh phù hợp điều kiện, đặc thù, nhu cầu thực tế. Ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội tại các đô thị như tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm môi trường, phát triển du lịch, phát triển y tế, phát triển giáo dục, quản lý trật tự xây dựng và phải bảo đảm hiệu quả, tránh hình thức, lãng phí.

+ Lựa chọn đô thị điển hình của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai thử nghiệm một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh; kịp thời sơ kết đánh giá và nhân rộng các mô hình hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn./.

## **DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Nội vụ, Tài liệu Bồi dưỡng ngạch chuyên viên, 2018.
2. Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.
3. Viện nghiên cứu và Đào tạo về quản lý: Hành chính công và Quản lý hiệu quả chính phủ. NXB. Lao động Xã hội, Hà Nội, 2005.

## **CHUYÊN ĐỀ 5**

### **TÌNH HÌNH, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH TÂY NINH NĂM 2023, PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2024**

#### **PHẦN I**

#### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2023**

Năm 2023, cùng chung với cả nước, tỉnh Tây Ninh đối mặt với những khó khăn chưa thể khắc phục, kinh tế chịu tác động bởi nhiều yếu tố bất lợi từ bên ngoài và những hạn chế, bất cập kéo dài; khả năng cạnh tranh cũng như sức chống chịu đã tới hạn.

Ngay từ đầu năm, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương tập trung triển khai nhiệm vụ, giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội (KTXH) và dự toán ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất kế hoạch năm 2023; triển khai Chương trình phục hồi và phát triển KTXH; các giải pháp đẩy nhanh tiến độ công tác quy hoạch, cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; đơn đốc, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển KTXH; tập trung giải quyết những vấn đề tồn đọng kéo dài và những vấn đề đột xuất phát sinh. Nhiều chính sách, giải pháp của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai kịp thời đã phát huy hiệu quả. Làm tốt công tác an sinh xã hội, quốc phòng an ninh được giữ vững.

#### **I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2023**

Thực hiện 20 chỉ tiêu về phát triển KTXH theo Nghị quyết HĐND tỉnh giao, có 13 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch, 07 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, cụ thể:

- Chỉ tiêu kinh tế: có 03/10 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch.
- Chỉ tiêu văn hóa – xã hội: 07/07 chỉ tiêu đạt kế hoạch.
- Chỉ tiêu môi trường: 03/03 chỉ tiêu đạt kế hoạch.

##### **1. Về kinh tế**

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP – theo giá so sánh 2010) ước thực hiện 59.590 tỷ đồng, ước tăng 6,12% so với cùng kỳ (CK). Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ (chưa tính thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm) trong GRDP theo giá hiện hành ước đạt 19,8% - 45,0% - 30,1%. GRDP bình quân đầu người ước đạt 3.931 USD.

- **Nông nghiệp**

Ngành nông nghiệp tiếp tục thực hiện cơ cấu lại theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 129-KH/TU ngày 04/01/2023 của Tỉnh ủy Tây Ninh về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Năm 2023, sản xuất nông nghiệp được duy trì ổn định, đáp ứng tiến độ mùa vụ. Tổng diện tích gieo trồng ước đạt 259.328 ha, tăng 0,6% so với CK, trong đó: cây lúa: 148.488 ha, tăng 0,5% so với CK; mía: 7.175 ha, tăng 14,7% so CK; mì: 62.400 ha, tăng 1,1% so CK; bắp: 5.068 ha, bằng 98,5 so CK; đậu phộng: 2.994 ha, bằng 88,1% so CK.

Tình hình đầu tư và chế biến:

+ Diện tích mía được đầu tư và bao tiêu niên vụ 2022 - 2023 là 13.422 ha, bằng so với CK (*đầu tư trong tỉnh: 4.824 ha; đầu tư tại Campuchia: 8.598 ha*); lượng mía đưa vào sản xuất là 892.715 tấn mía; lượng đường sản xuất là 81.793 tấn đường.

+ Ước khối lượng củ mì đưa vào chế biến khoảng 3.970.225 tấn, tăng 1,8% so với CK, sản xuất được 992.556 tấn bột (*trong đó sản xuất công nghiệp là 3.374.691 tấn củ, với 843.672 tấn bột; cơ sở vừa và nhỏ là 595.533 tấn củ, với 148.883 tấn bột*); giá thu mua củ mì tươi dao động từ 3.700-4.200 đồng/kg (30 chữ bột) tùy khu vực và thời điểm.

Tỉnh đã tổ chức Diễn đàn kết nối doanh nghiệp đầu tư, phát triển hệ sinh thái nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Tây Ninh năm 2023, có 04 biên bản ghi nhớ hợp tác được ký kết giữa UBND tỉnh Tây Ninh với các tổ chức và doanh nghiệp tại Diễn đàn; Hội nghị ký kết cung ứng sản phẩm giữa các Doanh nghiệp tỉnh Tây Ninh và Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại TP.HCM (*Saigon Co.op*), các hoạt động này nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng lợi thế của địa phương để thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao.

Tiếp tục duy trì 61/71 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), 17 xã đã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ NTM. Đến cuối năm 2023 tăng thêm 04 xã đạt chuẩn NTM, 08 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 01 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, lũy kế có 65/71 xã đạt chuẩn NTM, đạt 91,5% , trong đó 100% xã biên giới đạt chuẩn NTM, 25 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 04 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Tổ chức đánh giá, công nhận, công bố sản phẩm OCOP, dự kiến khoảng 22 sản phẩm. Lũy kế đến cuối năm 2023, trên địa bàn tỉnh có khoảng 90 sản phẩm OCOP được công nhận từ 3 sao trở lên.



### – Công nghiệp

Sản xuất công nghiệp tiếp tục có tăng trưởng nhưng vẫn còn thấp, chỉ số sản xuất công nghiệp cả năm ước tăng 8,9% so với CK, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 36,41%.

Một số nhóm ngành có chỉ số tăng: Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,5%; Nhóm ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,8%. Riêng nhóm ngành khai khoáng giảm mạnh 19,8%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh có sản lượng tăng như: Đường các loại (+35,1%); Clanke Poolan (+11,7%); Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại không thể tái chế (+16,4%). Các sản phẩm khác ổn định và sản lượng sản xuất tương đương CK.

Ban hành Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025 với mục tiêu sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ phục vụ hoạt động sản xuất và xuất khẩu, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xác định định hướng loại hình, tính chất của Khu công nghiệp Hiệp Thành. Thu hút mới đầu tư trong nước và nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu kinh tế đạt 734 triệu USD, trong đó cấp mới cho 28 dự án với vốn đầu tư 283 triệu USD; tăng vốn 36 lượt dự án với vốn tăng 454 triệu USD.

Triển khai Đề án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023 – 2030. Thực hiện các thủ tục pháp lý về giao đất, cho thuê đất để chủ đầu tư tiến hành dự án đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Phú theo chủ trương đã được phê duyệt. Xem xét hồ sơ phê duyệt chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Cụm công nghiệp Tân Hội 2. Năm 2023, không có dự án thu hút mới tại các cụm công nghiệp; có 03 lượt dự án nước ngoài tăng vốn với vốn tăng 7,9 triệu USD. Lũy kế, có 24 dự án đăng ký hoạt động với vốn đăng ký 97,3 triệu USD và 1.813,73 tỷ đồng.

### – Thương mại, dịch vụ và du lịch

Kim ngạch xuất khẩu đạt 5,79 tỷ USD, đạt 83% so với KH, giảm 9,1% so với CK, trong đó: Khu vực nhà nước giảm 35,5%, khu vực ngoài Nhà nước giảm 9,1%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài giảm 9%. Các nhóm hàng xuất nhập khẩu chủ lực đều giảm sâu so với CK như: Giày dép (-26,2%), vải (-16,4%), hàng dệt may (-10,7%), máy móc thiết bị và dụng cụ phụ tùng (-7,6%), phương tiện vận tải và phụ tùng (-6,2%), ... Kim ngạch nhập khẩu đạt 4,98 tỷ USD, đạt 81,2% so với KH, giảm 14% so với CK.

Ban hành kế hoạch phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại và chợ theo hướng văn minh, hiện đại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023- 2025.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ ước đạt 108.055 tỷ đồng, tăng 11,5% so với CK; trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa ước thực hiện 85.062 tỷ đồng, tăng 11,3% so CK.

Công tác kiểm tra, giám sát thị trường hàng hóa được tăng cường thực hiện, xử lý nghiêm các hành vi găm hàng, tăng giá bất hợp lý, kinh doanh hàng giả, hàng nhái, hàng không đảm bảo chất lượng. Kết quả 10 tháng đầu năm, công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, bắt giữ, xử lý 979 vụ vi phạm với 938 đối tượng, tang vật vi phạm trị giá khoảng 16,7 tỷ đồng (*hàng hóa vi phạm gồm pháo nổ, thuốc lá điếu, đường cát, quần áo, vải*). Đã xử lý hành chính 899 vụ, thu ngân sách 74,3 tỷ đồng, hàng hóa tịch thu chưa thanh lý ước khoảng 5,43 tỷ đồng.

Triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển du lịch năm 2023. Tỉnh đã tổ chức nhiều hoạt động quảng bá, xúc tiến, từng bước khẳng định chất lượng, thương hiệu của du lịch Tây Ninh với trọng tâm là Khu du lịch quốc gia núi Bà Đen, lan tỏa đến các điểm du lịch lân cận. Các khu di tích, điểm tham quan du lịch và các cơ sở lưu trú du lịch trên địa bàn tỉnh từng bước được chỉnh trang cơ sở vật chất và dịch vụ, đảm bảo an ninh phục vụ khách du lịch. Tổng doanh thu du lịch cả năm ước đạt 2.000 tỷ đồng, vượt 11,1% so KH, tăng 36,5% so CK; với hơn 5,1 triệu lượt khách tham quan tại các khu, điểm du lịch, đạt 102% so KH, tăng 13,2% so CK. Lượng khách tham quan tăng đã thúc đẩy tăng trưởng các ngành như dịch vụ lưu trú, ăn uống và dịch vụ khác.

#### – Đầu tư phát triển

Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội ước đạt 40.755 tỷ đồng, tăng 10,1% so với CK, đạt 37,1% GRDP. Bao gồm: khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 14,3% khu vực dân doanh tăng 9,9%, khu vực nhà nước giảm 0,4% so với CK.

Các tổ chức tín dụng tiếp tục đẩy mạnh công tác huy động vốn, tổng vốn huy động của các tổ chức tín dụng ước cả năm đạt 65.850 tỷ đồng, tăng 7% so với đầu năm. Tổng dư nợ cho vay đạt 97.445 tỷ đồng, tăng 13,5% so với đầu năm; tỷ lệ nợ xấu chiếm 0,7% tổng dư nợ cho vay.

Giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 đúng thời gian quy định. Các ngành phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành và khai thác các nguồn thu ngân sách địa phương. Ước tổng thu NSNN trên địa bàn 11.000 tỷ đồng, đạt 100% dự toán được giao, giảm 9,8% so với CK; trong đó thu nội địa 9.600 tỷ đồng, đạt 100% so dự toán, giảm 8,8% so với CK. Tổng chi cân đối ngân sách địa phương là 12.962 tỷ đồng, tăng 25% so với CK. Tiếp tục triển khai các chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ, ước giảm thu NSNN khoảng 1.379 tỷ đồng.

Tiến độ triển khai một số dự án trọng điểm kết nối vùng:

+ Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài: Đã thống nhất với Thành phố Hồ Chí Minh về bố trí nút giao giữa dự án với đường Hồ Chí Minh, phương án tổ chức thực hiện và cơ chế vốn để xây dựng tường chắn song âm. Dự kiến Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án trong quý IV/2023.

+ Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (giai đoạn 1 từ Gò Dầu đến thành phố Tây Ninh): Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời (Tập đoàn Sun Group) đang lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án và hồ sơ đề xuất đầu tư dự án đường cao tốc Gò Dầu – Xa Mát theo phương thức đối tác công tư (PPP).

+ Đường liên tuyến kết nối vùng N8-787B-789: dự án thành phần 1 - đường N8 (dự kiến khởi công trong quý IV/2023); dự án thành phần 2 - đường ĐT.787B (dự kiến hoàn thành quý II/2024) và dự án thành phần 3 - đường ĐT.789 (dự kiến hoàn thành quý IV/2024).

+ Trung tâm logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh: Đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho UBND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng 213,86 ha đất trồng lúa sang đất phi nông nghiệp để thực hiện dự án. Hiện nay, các đơn vị đang phối hợp thực hiện công tác kiểm đếm, giải phóng mặt bằng và lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.

#### – Thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp

Tổ chức Đoàn cán bộ, công chức, đi tham dự Lễ hội văn hóa Gaya kết hợp xúc tiến đầu tư tại Gimhae, Hàn Quốc và Đoàn xúc tiến đầu tư tỉnh Tây Ninh tại Trung Quốc năm 2023. Mục tiêu quảng bá tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tiếp cận, kết nối các nhà đầu tư để kịp thời thu hút dòng vốn đầu tư mới. Ban hành danh mục dự án thu hút đầu tư lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, làm cơ sở tổ chức mời gọi, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh hiệu quả hơn.

Thu hút vốn đầu tư trong nước ước đạt 12.545 tỷ đồng, giảm 24,3% so với CK, trong đó: cấp mới 27 dự án với tổng vốn đăng ký 9.913 tỷ đồng, có 02 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư và đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà đầu tư; 16 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 2.766 tỷ đồng; 03 lượt dự án giảm vốn với số vốn giảm 134 tỷ đồng; 01 dự án nước ngoài chuyển thành dự án trong nước với vốn đăng ký là 22,8 tỷ đồng; 06 dự án chấm dứt hoạt động với vốn đăng ký 307 tỷ đồng.

Thu hút vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 751 triệu USD, tăng 8,5% so với CK, trong đó: cấp mới cho 30 dự án với vốn đầu tư 283 triệu USD; 42 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 471 triệu USD; 02 lượt dự án điều chỉnh giảm vốn với vốn giảm 2,4 triệu USD; 01 dự án nước ngoài chuyển thành dự án trong nước

với vốn đăng ký 01 triệu USD; 12 dự án chấm dứt hoạt động với vốn đăng ký 33 triệu USD.

Đã cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập mới cho 809 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký là 5.621 tỷ đồng, so với CK giảm 3,2% về số doanh nghiệp và giảm 62,7% về vốn đăng ký. Có 122 doanh nghiệp giải thể với số vốn 1.176 tỷ đồng, so với CK giảm 18,7% về số doanh nghiệp và 29,2% về vốn. Lũy kế có 8.112 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 196.206 tỷ đồng.

Thành lập mới 12 hợp tác xã (HTX), giải thể 05 HTX. Lũy kế đến nay trên địa bàn tỉnh có 185 HTX, tăng 07 HTX so với CK. Tổng số thành viên HTX là 38.496 thành viên, tăng 1.486 thành viên so với CK. Doanh thu bình quân đạt 8,7 tỷ đồng/HTX, lãi bình quân đạt 350 triệu đồng/HTX, thu nhập bình quân của 01 lao động thường xuyên trong HTX là 74 triệu đồng/năm. Ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025.

#### – **Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường**

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 17/3/2023 của Chính phủ và Kế hoạch số 127-KH/TU ngày 04/01/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về *“Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao”*.

#### – **Công tác quy hoạch, hợp tác phát triển và liên kết vùng**

HĐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết về Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, hiện nay Quy hoạch tỉnh đang được hoàn thiện sau rà soát để đóng dấu xác nhận hồ sơ, tài liệu Quy hoạch tỉnh Tây Ninh theo quy định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong tháng 12/2023.

Xây dựng nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát đến năm 2045. Trình Bộ Xây dựng thẩm định đề án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài đến năm 2045. Thực hiện lấy ý kiến Bộ Xây dựng về Đề án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Tây Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Triển khai lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Không gian mở khu vực Sân vận động tỉnh Tây Ninh và Công viên Xuân Hồng.

Triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển KTXH và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thành lập Tổ điều phối tỉnh Tây Ninh để triển khai các hoạt động điều phối vùng Đông Nam Bộ.

Tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ các tháng cuối năm 2023 của Hội đồng điều phối vùng Đông Nam Bộ. Tham gia góp ý hoàn thiện Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Chủ động, tích cực phối hợp với các tỉnh thành sơ kết, tổng kết và xây dựng các chương trình hợp tác phát triển cơ chế phối hợp liên kết vùng. Triển khai thực hiện Chương trình hợp tác kinh tế - xã hội giai đoạn 2022-2025 giữa tỉnh Bình Phước và tỉnh Tây Ninh, Chương trình hợp tác phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2023-2025 giữa tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh, Thỏa thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2025. Triển khai thực hiện Kế hoạch triển khai các nội dung hợp tác giữa UBND tỉnh Tây Ninh với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2023-2026. Chuẩn bị nội dung sơ kết và ký kết hợp tác phát triển đến năm 2025 giữa Tây Ninh với Long An và Tây Ninh với Thành phố Hồ Chí Minh. Tổ chức thành công sự kiện Ngày Tây Ninh tại Hà Nội năm 2023, quảng bá hình ảnh Tây Ninh, giới thiệu đầu tư và kết nối thương mại.

Thực hiện Biên bản ghi nhớ hợp tác nghiên cứu đề xuất Dự án đầu tư Khu công nghiệp – Đô thị và Công ty Liên danh Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore (VSIP), tỉnh đã thống nhất cho Liên danh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (Becamex IDC) - Công ty Liên danh TNHH Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore (VSIP) - Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam - CTCP (VRG) nghiên cứu khảo sát tổng thể 04 dự án gồm: Tuyến đường sắt Bàu Bàng – Mộc Bài (chiều dài 57 km), Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ Bến Củi, Khu Công nghiệp - đô thị - dịch vụ Thạnh Đức, Tuyến đường Công nghiệp Bình Dương - Tây Ninh.

## **2. Các hoạt động văn hóa - xã hội**

Ngành giáo dục và đào tạo đã tích cực triển khai các nhiệm vụ trong kế hoạch hành động về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) về “Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Tổ chức triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo đúng lộ trình. Tổ chức tốt kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia năm 2023, tỷ lệ học sinh thi đậu tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 98,0%; tỷ lệ học sinh được xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%. Ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023-2024 của ngành Giáo dục; Đề án đảm bảo cơ sở vật chất cho Chương trình giáo dục tiểu học, trung

học cơ sở giai đoạn 2023-2025 theo Quyết định số 1436/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ. Ban hành quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2023-2024 đến năm học 2025-2026 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Triển khai thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh Chương trình hành động về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2023-2030 và năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 31/3/2023 của Tỉnh ủy Tây Ninh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030. Thông tin tuyên truyền các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đến cộng đồng doanh nghiệp thông qua Chương trình “*Cafe doanh nhân*”. Triển khai các hoạt động “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tây Ninh” năm 2023. Tổ chức Lễ tôn vinh danh hiệu “Trí thức KH&CN tiêu biểu”, “Điển hình lao động sáng tạo”, “Tài năng trẻ KH&CN” tỉnh Tây Ninh lần thứ I, năm 2023.

Ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030; Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động làm việc trong Doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025 và năm 2023. Thực hiện kết nối cung cầu lao động, tư vấn việc làm cho người lao động nhất là các khu công nghiệp của tỉnh. Số lao động đang làm việc đã qua đào tạo ước đạt 73,49%. Tổ chức 19 phiên giao dịch việc làm, với 110 doanh nghiệp, 6.500 lượt người lao động tham gia, tư vấn việc làm và học nghề cho 27.000 lao động. Số lao động có việc làm tăng thêm 19.745 lao động, vượt kế hoạch đề ra, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị còn 1,37% và ở nông thôn còn 1,75%.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được chú trọng, triển khai thực hiện kịp thời và trong tầm kiểm soát, nhất là công tác phòng, chống sốt xuất huyết, tay chân miệng, đậu mùa khỉ và H5N1. Trong năm ghi nhận 1.528 ca mắc bệnh tay - chân - miệng, 1.446 ca mắc bệnh sốt xuất huyết, 26.839 ca bệnh đau mắt đỏ. Thường xuyên kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, xảy ra 04 vụ ngộ độc thực phẩm do ăn nấm không rõ loại với 11 người mắc, trong đó có 02 ca tử vong. Kiểm tra 4.272 cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, kết quả có 3.924 cơ sở đạt tiêu chuẩn vệ sinh, đạt 91,85%; 580 cơ sở vi phạm (*trong đó xử phạt vi phạm hành chính 43 cơ sở*). Hệ thống hạ tầng y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân, số giường bệnh/vạn dân ước đạt 28,9 giường và đạt 8,78 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) dưới 19,1%. Triển

khai Kế hoạch thực hiện phát triển người tham gia BHXH, BHYT giai đoạn năm 2023-2025.

Công tác chăm lo cho các đối tượng hưởng chính sách xã hội, người có công với cách mạng, người nghèo được thực hiện kịp thời. Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ 40 căn nhà cho người có công với các mạng; xây tặng và bàn giao 86 căn nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo. Cấp 18.348 thẻ BHYT cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình. Hỗ trợ 1.657 lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi với kinh phí 70,327 tỷ đồng. Giải quyết cho 21.000 lao động được hưởng trợ cấp thất nghiệp với kinh phí 462 tỷ đồng. Triển khai thực hiện quy định về mức hỗ trợ thực hiện dự án đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025; quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023 - 2025. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2022-2030, giai đoạn I: từ năm 2022 đến năm 2025.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức sôi nổi, đi vào chiều sâu, gắn với tạo dựng hình ảnh địa phương và xây dựng văn hóa, con người Tây Ninh, đồng thời giới thiệu và quảng bá hình ảnh tỉnh Tây Ninh đến với du khách trong nước và quốc tế. Tổ chức thành công Lễ hội Âm thực chay lần thứ I năm 2023; Lễ công bố 02 Quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công nhận “Nghệ thuật chế biến món ăn chay” và “Nghề làm Muối ớt Tây Ninh” đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia; sự kiện “Ngày Tây Ninh tại Hà Nội” hưởng ứng Kỷ niệm 69 năm Ngày Giải phóng Thủ đô Hà Nội (10/10/1954-10/10/2023) tại Hà Nội. Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng, hiệu quả các thiết chế văn hóa ở cơ sở trên địa bàn tỉnh. Tổ chức thành công 7/7 giải thể thao cấp quốc gia, khu vực; 23/23 giải thể thao cấp tỉnh. Tham gia thi đấu các giải đạt được 240 huy chương (*trong đó: 41 HCV; 67 HCB; 132 HCD*).

### **3. Công tác cải cách hành chính; chuyển đổi số; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng, chống tham nhũng**

#### **– Công tác cải cách hành chính (CCHC), chuyển đổi số**

Ban hành và triển khai kịp thời các kế hoạch thực hiện cải cách hành chính và chuyển đổi số năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Tổ chức Hội nghị phân tích và

khuyến nghị các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) tỉnh Tây Ninh, kết quả phân tích, nhận định “Quy mô, năng lực, sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh chậm cải thiện, vẫn ở nhóm cuối của khu vực Đông Nam Bộ”. Hiện nay, tỉnh đang thực hiện rà soát lại và xây dựng các giải pháp trọng tâm khắc phục những hạn chế của Đề án cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng đối với các chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX (nay là DTI) trên địa bàn tỉnh, đánh giá hiệu quả của Đề án. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh (từ ngày 01/10/2023 đến 10/10/2023). Xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến đảm bảo dễ sử dụng, thân thiện với người dùng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025.

Thực hiện công bố kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (DDCI) thuộc tỉnh Tây Ninh năm 2022, kết quả khảo sát đánh giá năng lực nhân sự kế hoạch đầu tư và tài nguyên môi trường, các báo cáo đã làm rõ hơn kết quả cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của cấp sở, ban, ngành và cấp huyện, thị xã, thành phố. Triển khai Đề án “Rà soát, điều chỉnh biên chế gắn với vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh của tỉnh Tây Ninh”. Ban hành Đề án thí điểm thi tuyển chức danh Phó Giám đốc Sở và tương đương thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Thực hiện kiểm tra việc sắp xếp tổ chức bộ máy đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 120/2020/NĐ-CP và phương án sử dụng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2023-2026. Thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP cho 57 trường hợp. Tập trung xây dựng, hoàn thiện vị trí việc làm gắn với cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Triển khai Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2030. Tiến hành rà soát các quy định, tiêu chuẩn của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, giai đoạn 2023-2025. Báo cáo Bộ Nội vụ danh sách đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã thuộc diện phải sắp xếp giai đoạn 2023-2025.

Năm 2023, UBND tỉnh đã công bố 1.777 dịch vụ công trực tuyến (đạt khoảng 96% số TTHC của tỉnh), trong đó có 731 toàn trình, chiếm 41,14% số TTHC cung cấp dạng trực tuyến. Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã đáp ứng được các yêu cầu giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, tỷ lệ hồ



sơ giải quyết trực tuyến toàn trình đạt 39,1%. Hệ thống văn phòng điện tử đã được nâng cấp đáp ứng yêu cầu về gửi nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan hệ thống hành chính nhà nước và được kết nối trên Trục liên thông Văn bản Quốc gia. Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã được kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia. Kịp thời công bố danh mục thủ tục hành chính (TTHC) ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ. Đẩy mạnh công tác kiểm soát chất lượng và công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử và danh mục TTHC tại 03 cấp chính quyền theo quy định của pháp luật về kiểm soát TTHC. Kết quả tiếp nhận, giải quyết TTHC từ ngày 15/12/2022 đến ngày 14/11/2023 có 97,3% hồ sơ đã giải quyết trước hạn, đúng hạn; 0,9% hồ sơ chưa giải quyết còn hạn; 1,6% hồ sơ quá hạn và 0,2% hồ sơ chưa giải quyết quá hạn. Hồ sơ trễ hạn chủ yếu thuộc lĩnh vực đất đai.

Hoạt động của Trung tâm IOC tỉnh đáp ứng các yêu cầu theo mô hình khuyến nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông, đã có 18/20 sở, ban, ngành đã tích hợp số liệu lên IOC. Trung tâm IOC tỉnh được tích hợp thông tin các dịch vụ đô thị thông minh chủ yếu bao gồm các dịch vụ: phản ánh hiện trường (1022), giám sát giao thông, giám sát an ninh trật tự, quan trắc chất lượng môi trường, giám sát thông tin trên môi trường mạng, các dịch vụ y tế, giáo dục... Việc triển khai Trung tâm IOC bước đầu giúp Lãnh đạo tỉnh có được cái nhìn tổng quan về các số liệu liên quan đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội chung của địa phương cũng như của các ngành, lĩnh vực.

#### – Công tác tư pháp, thi hành án dân sự

Công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật cho người dân được thực hiện với nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng. Đã tổ chức được 4.318 cuộc tuyên truyền với hơn 148.448 lượt người tham gia, tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh 6.441 giờ.

Thực hiện trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng 365 vụ cho 365 người thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí. Thực hiện 34 đợt truyền thông trợ giúp pháp lý kết hợp tư vấn pháp luật, cấp phát 8.456 tài liệu, tờ gấp pháp luật cho 1.888 lượt người tham dự. Tư vấn pháp luật tại buổi truyền thông 70 vụ cho 70 người; tư vấn pháp luật tại trụ sở cho 125 lượt người dân. Công tác hòa giải cơ sở đã tiếp nhận 576 vụ. Tổng số vụ đưa ra hòa giải là 565 vụ, trong đó hòa giải thành 534 vụ, đạt tỷ lệ 94,5%; hoà giải không thành 31 vụ, chiếm tỷ lệ 5,5%.

Thi hành án dân sự: Tổng số việc giải quyết là 25.065 việc, trong đó số thụ lý mới là 15.052 việc, tăng 24,4% so với CK (*tăng 2.953 việc*). Tổng số việc phải thi hành: 24.676 việc, trong đó số việc có điều kiện thi hành là 16.752 việc, đã thi hành xong 13.048 việc; số việc chưa có điều kiện giải quyết 6.384 việc.

**– Công tác thanh tra, kiểm tra**

Thực hiện 70 cuộc thanh tra hành chính, trong đó 43 cuộc theo kế hoạch và 27 cuộc đột xuất (*kỳ trước chuyển sang 17 cuộc*), thanh tra về đất đai 22/70 cuộc, còn lại là các lĩnh vực tài chính, quản lý hành chính, xây dựng cơ bản; đã ban hành kết luận 53 cuộc; phát hiện vi phạm 9.818 triệu đồng và 30.059 m<sup>2</sup> đất, kiến nghị thu hồi 6.160 triệu đồng, kiến nghị khác 3.658 triệu đồng và 30.059 m<sup>2</sup> đất, kiến nghị xử lý hành chính đối với 20 tổ chức và 315 cá nhân; kiến nghị chuyển cơ quan điều tra 01 vụ 05 đối tượng.

Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đã triển khai 6.488 cuộc, ban hành kết luận 6.472 cuộc đối với 15.438 cá nhân và 772 tổ chức, phát hiện 222 cá nhân và 105 tổ chức vi phạm, đã ban hành 277 quyết định xử phạt hành chính với số tiền 4,5 tỷ đồng, số tiền đã thu qua kiến nghị thu hồi và xử phạt vi phạm hành chính là 4.555 triệu đồng (*đạt 100%*), vi phạm chủ yếu trong lĩnh vực giao thông, môi trường, kiểm dịch, y tế.

Tổ chức tiếp công dân thường xuyên, định kỳ theo quy định; công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo đúng trình tự quy định, kịp thời đối thoại, giải quyết vụ việc tại cơ sở, không để phát sinh các vụ việc khiếu nại đông người, phát sinh điểm nóng. Toàn tỉnh đã tiếp 1.868 lượt/1.657 người/1.397 vụ việc; phân loại, xử lý kịp thời 269 đơn khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện xử lý. Tổng số đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền thụ lý là 157 đơn/157 vụ việc (*151 đơn khiếu nại, 06 đơn tố cáo*), đã giải quyết 124 đơn (*118 đơn khiếu nại, 06 đơn tố cáo*), đạt 79% trên tổng số thụ lý, số còn lại đang xác minh, xem xét giải quyết.

**– Công tác phòng, chống tham nhũng**

Ban hành Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2023, tổ chức 676 cuộc tuyên truyền với 33.072 lượt người tham dự.

Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai minh bạch tại 20 cơ quan, đơn vị, phát hiện 04 cơ quan còn hạn chế, thiếu sót; tiến hành 32 cuộc thanh tra, kiểm tra 24 đơn vị về công tác quản lý sử dụng tài chính liên quan đến chế độ, định mức, tiêu chuẩn, phát hiện sai phạm 21 cuộc/120 người với số tiền sai phạm đã xử lý 4,8 tỷ đồng; thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích năm 2023 phát hiện và xử lý 04 vụ, 05 người theo quy định của pháp luật; thực hiện chuyển đổi 46/160 trường hợp nhằm phòng ngừa tham nhũng.

Tiến hành xác minh tài sản, thu nhập đối với 42 trường hợp năm 2023, đã ban hành 42/42 kết luận xác minh tài sản. Tổ chức hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị thực hiện kê khai tài sản thu nhập theo đúng quy định.

Phát sinh 02 vụ/07 người có dấu hiệu tham nhũng, đã chuyển cơ quan điều tra để xác minh dấu hiệu tội phạm. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham

những trong phạm vi theo dõi, quản lý của địa phương: khởi tố 04 vụ án, 11 bị can; xét xử sơ thẩm 10 vụ, 22 bị cáo; xét xử phúc thẩm 05 vụ, 12 bị cáo; hiện đang tiếp tục theo dõi 04 vụ, 16 người có dấu hiệu tham nhũng đang được xử lý, chưa có kết quả xét xử sơ thẩm; xử lý kỷ luật 01 lãnh đạo, xử lý hình sự 04 lãnh đạo để xảy ra tham nhũng, 02 lãnh đạo đủ điều kiện để miễn trách nhiệm. Trên cơ sở các bản án có hiệu lực, xử lý kỷ luật 08 vụ/13 người có hành vi tham nhũng, tiếp tục xử lý 01 vụ/05 người.

#### **4. Quốc phòng, an ninh được giữ vững; đối ngoại được duy trì thường xuyên**

Thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng địa phương, tổ chức diễn tập KVPT cho thị xã Trảng Bàng và thị xã Hòa Thành. Tổ chức hội nghị tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị về Chiến lược quốc phòng. Bàn giao 30 căn nhà/06 điểm dân cư liền kề chốt dân quân, lũy kế đã xây dựng 115 căn nhà/21 điểm dân cư liền kề chốt dân quân. Tổ chức tìm kiếm quy tập hài cốt liệt sỹ quân tình nguyện Việt Nam hy sinh trong các thời kỳ chiến tranh ở Campuchia về nước, kết quả đã quy tập được 142 bộ hài cốt liệt sỹ. Các lực lượng Công an, Quân sự, Biên phòng đã phối hợp chặt chẽ, theo dõi nắm chắc tình hình, giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn; tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh trật tự trên tuyến biên giới.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Mặt làm được**

Kinh tế tỉnh tăng trưởng ước đạt 6,12% so với CK, cao hơn mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước (theo dự báo là 5%), nhưng chưa đạt mục tiêu kế hoạch năm 2023 của tỉnh.

Sản xuất công nghiệp có xu hướng phát triển tích cực hơn ở những tháng cuối năm, chỉ số công nghiệp ước cả năm tăng 8,9%, tăng ở các doanh nghiệp lớn trong các ngành dệt may, da giày, sản xuất sắt thép xe, sản xuất đường, sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và sản xuất thiết bị điện.

Du lịch có bước phát triển khá hơn, tăng cả về lượng khách tham quan và doanh thu với 5,1 triệu lượt khách và doanh thu đạt 2.000 tỷ đồng. Tổ chức thành công sự kiện Ngày Tây Ninh tại Hà Nội năm 2023, tinh kỳ vọng sẽ không ngừng mở ra những tiềm năng, lợi thế đầu tư, phát triển thương mại dịch vụ, sản phẩm du lịch của Tây Ninh... Đồng thời tạo dấu ấn và cơ hội liên kết hợp tác giữa các doanh nghiệp, nhằm thu hút đầu tư nhiều hơn nữa cho Tây Ninh.

Sản xuất nông nghiệp được duy trì ổn định và tăng trưởng khá kể từ sau giai đoạn đại dịch Covid-19, hầu hết các sản phẩm nông sản đáp ứng nhu cầu của thị trường. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất ngày càng rộng rãi, đã góp phần làm tăng năng suất, chất lượng các nông sản trên địa bàn tỉnh. Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi được triển khai đúng quy định, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư mạnh dạn góp vốn đầu tư.

Thu hút đầu tư nước ngoài tăng so với cùng kỳ, trong đó có 01 dự án cấp mới với vốn đầu tư 40 triệu USD và 03 lượt dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp điều chỉnh vốn tăng trên 50 triệu USD.

Ước tổng thu NSNN năm 2023 đạt 100% dự toán được giao. Các đơn vị sử dụng vốn đầu tư công đã nỗ lực trong công tác triển khai và giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm, theo kết quả công bố của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tỷ lệ giải ngân 10 tháng năm 2023 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thì Tây Ninh xếp thứ 10/63 tỉnh, thành phố, dự kiến giải ngân năm 2023 đạt 95,33% kế hoạch.

Các chế độ, chính sách về an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định, đảm bảo góp phần an sinh xã hội.

Đăng cai nhiều sự kiện thể thao cấp quốc gia, khu vực thu hút hàng chục nghìn người trong và ngoài tỉnh tham gia, góp phần tạo sân chơi và thúc đẩy phong trào thể dục thể thao của tỉnh.

Chủ động, tích cực phối hợp với các tỉnh, thành phố sơ kết, tổng kết và xây dựng các chương trình hợp tác, phát triển, cơ chế phối hợp liên kết vùng Đông Nam Bộ.

Quốc phòng - an ninh được đảm bảo, không để xảy ra điểm nóng trên khu vực biên giới. Công tác ngoại giao kinh tế đóng góp thiết thực vào thúc đẩy hợp tác phát triển.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Dự kiến có 07 chỉ tiêu cơ bản không đạt kế hoạch (*Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP - theo giá so sánh 2010); GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành; Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP; Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP; Chỉ số sản xuất công nghiệp; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ; Kim ngạch xuất khẩu*).

Các động lực chính của nền kinh tế tăng chậm lại, trong đó ngành công nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong nền kinh tế nhưng chỉ số sản xuất công nghiệp chỉ tăng 8,9% (*KH 2023: tăng 15%*), xuất khẩu giảm đáng kể (*giảm 9,1%*).

Thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của tỉnh còn phụ thuộc, không ổn định. Thực hiện sản xuất nông nghiệp công nghệ cao còn chậm, chưa đáp ứng quá trình chuyển dịch sản xuất.

Đầu tư tư nhân trong nước vẫn còn nhiều khó khăn. Doanh nghiệp thiếu vốn, trong khi phải đối mặt với chi phí lãi cao, làm gia tăng áp lực đối với doanh nghiệp để duy trì hoạt động, sản xuất.

Tình hình triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia sử dụng vốn sự nghiệp còn chậm.

Chính sách hỗ trợ công chức, viên chức, nhân viên ngành y tế chưa kịp thời. Tình trạng thiếu thuốc BHYT khắc phục còn chậm, ảnh hưởng đến chất lượng khám chữa bệnh trong giai đoạn hiện nay.

Các chính sách xã hội hóa hiện nay của tỉnh chưa đủ mạnh, chưa hấp dẫn để thu hút doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp. Các chính sách mới đã đăng ký theo Chương trình công tác của UBND tỉnh chưa được ban hành kịp thời, cụ thể như: Đề án xã hội hoá, mời gọi đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án thành lập Trường Cao đẳng y tế Tây Ninh.

Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh, nâng cao hiệu quả quản trị công chưa đạt theo yêu cầu. Theo kết quả đánh giá năm 2022, các chỉ số hành chính của tỉnh (PCI, PAPI, SIPAS, PAR INDEX) đạt thấp sẽ tiếp tục ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh và độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp năm 2023.

Các loại tội phạm về trật tự xã hội tăng so với cùng kỳ. Một số tội phạm, tệ nạn xã hội như ma túy, cờ bạc, tín dụng đen, lừa đảo qua mạng còn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông tăng trên cả 3 mặt.

### **3. Nguyên nhân tồn tại, hạn chế**

#### **3.1. Nguyên nhân khách quan**

Tình hình thế giới và khu vực còn biến động phức tạp, khó lường. Một số thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam có lạm phát và lãi suất tăng cao, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu mua sắm hàng hóa.

Doanh nghiệp trong tỉnh phần lớn là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, năng lực về tài chính và quản trị còn yếu, dễ bị tổn thương bởi các yếu tố rủi ro, khả năng chống chịu của các doanh nghiệp đã tới hạn.

#### **3.2. Nguyên nhân chủ quan**

Công tác nắm bắt và dự báo tình hình có lúc còn chưa sát tình hình thực tế.

Công tác tham mưu của các ngành còn thiếu chủ động, sáng tạo, hiệu quả chưa cao. Việc phối hợp xử lý công vụ của một số ngành, lĩnh vực còn chậm, chưa triển khai tốt các giải pháp tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho doanh nghiệp.

Chủ đầu tư, nhà thầu thiếu năng lực quản lý, năng lực tài chính ảnh hưởng đến tiến độ dự án.

Công tác cải cách hành chính chưa đồng đều, chưa toàn diện, chuyển đổi số còn chậm, nhất là ở địa phương chưa quyết liệt triển khai.

Kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa được thực hiện nghiêm túc.

Tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức ở một số sở, ngành, địa phương chưa cao.

## **PHẦN II**

### **KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2024**

#### **I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

Tình hình thế giới trong năm 2024 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; tăng trưởng kinh tế, thương mại, đầu tư toàn cầu tiếp tục xu hướng chậm lại. Trong nước, nền kinh tế tiếp tục chịu “tác động tiêu cực kép” từ những yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế, bất cập bên trong; thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn, nhất là trong điều hành kinh tế vĩ mô, vừa phải kiểm soát lạm phát, vừa phải thúc đẩy tăng trưởng.

Năm 2024 là năm bứt phá để hoàn thành Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021-2025. Các ngành, địa phương tiếp tục kế thừa, phát huy thành quả đã đạt được trong năm 2023. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Hoạt động xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh được tập trung chỉ đạo thực hiện. Các dự án đầu tư từ các năm trước được phát huy hiệu quả. Các chính sách hỗ trợ từ Trung ương đang dần phát huy tác dụng, hỗ trợ địa phương phát triển. Thực hiện liên kết vùng ngày càng mạnh mẽ.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, tình hình KTXH vẫn còn những hạn chế, khó khăn; trong đó doanh nghiệp địa phương còn yếu, năng lực sản xuất, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của tỉnh chưa cao; thị trường bất động sản chưa phục hồi; các yếu tố nền tảng như hạ tầng, nguồn nhân lực, khoa học công nghệ,... chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

Trong thời gian tới, tỉnh cần tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đồng thời giải quyết tốt các vấn đề xã hội khi triển khai giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án trọng điểm. Các ngành, địa phương cần nỗ lực phấn đấu hoàn

thành các nhiệm vụ đề ra, góp phần thực hiện hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu của Kế hoạch phát triển KTXH 5 năm 2021 - 2025.

## II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tập trung ưu tiên, thúc đẩy tăng trưởng, phấn đấu đạt mức tăng trưởng 7%. Tạo chuyển biến tích cực trong thực hiện các giải pháp đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế thực chất, hiệu quả hơn. Quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính. Thực hiện nghiêm công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; tích cực, chủ động triển khai đồng bộ, toàn diện các hoạt động đối ngoại.

## III. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

### 1. Chỉ tiêu kinh tế

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (*GRDP - theo giá so sánh 2010*) tăng 7% trở lên.
- GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 4.250 USD.
- Giá trị sản phẩm thu hoạch bình quân trên 01 ha đất trồng trọt đạt 112 triệu đồng/ha.
- Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP (*giá hiện hành - chưa tính thuế sản phẩm*): Nông - lâm - thủy sản: 18-19%; Công nghiệp - Xây dựng: 45-46%; Dịch vụ: 31-32%.
- Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt 36%.
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 11.100 tỷ đồng.
- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn bằng 37% GRDP.
- Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 15%.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu các ngành dịch vụ tăng 10% trở lên.

- Kim ngạch xuất khẩu tăng 8%.

### 2. Chỉ tiêu về xã hội

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,03-0,046% (tương đương 100 hộ đến 150 hộ).
- Tỷ lệ thất nghiệp: Khu vực thành thị: 1,2%; Khu vực nông thôn: 1,8%.
- Số lao động có việc làm tăng thêm 16.000 lao động.
- Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo và dạy nghề đạt 74%.

- Đạt 9,0 bác sĩ/vạn dân và 29 giường bệnh/vạn dân.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (*thể thấp còi*) còn dưới 19%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế 93,5%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt 95,7% (*tương đương tăng 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới*), trong đó có thêm 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

### **3. Chỉ tiêu về môi trường**

- Duy trì tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó số hộ sử dụng nước sạch tăng 2% so với năm 2023.
- Duy trì tỷ lệ che phủ rừng (*đã loại trừ cây cao su*) đạt 16,3%.
- Duy trì tỷ lệ 100% chất thải rắn nguy hại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại được thu gom, xử lý.

## **IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

**1.** Tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết, Kết luận của Chính phủ và Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025. Tổ chức thực hiện đầy đủ, cụ thể, có kết quả các chương trình, đề án tại Chương trình hành động số 68-CTr/TU của Tỉnh ủy. Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp đột phá về nông nghiệp; du lịch; phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông; thể chế và phát triển nguồn nhân lực. Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị (khóa XII) về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tăng cường liên kết vùng, triển khai các chương trình hợp tác đã ký kết với các đơn vị, địa phương, nhất là hợp tác phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, đẩy mạnh phát triển KTXH giữa các địa phương.

**2.** Tổ chức “Hội nghị công bố Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và xúc tiến đầu tư tỉnh Tây Ninh năm 2024”. Xây dựng kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch thứ cấp để đồng bộ với quy hoạch tỉnh (*Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn mới*), nhằm tạo quỹ đất sạch để kêu gọi, xúc tiến đầu tư. Hoàn thành Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045 và điều chỉnh đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Xa Mát, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đến năm 2045.

**3.** nỗ lực giải quyết các điểm nghẽn, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng. Tập trung phát triển tín dụng cho các



lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, đồng thời bảo đảm thủ tục thông thoáng, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân tiếp cận vốn tín dụng. Phát triển kinh tế tư nhân thực sự là động lực của nền kinh tế, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng phát triển kinh tế tập thể. Xây dựng môi trường đầu tư công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh cao, triển khai đầy đủ, hiệu quả các chính sách hỗ trợ đã ban hành. Đổi mới phương thức, nâng cao chất lượng, hiệu quả xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài, gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp trong nước, tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu.

**4. Nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng NSNN.** Thực hiện hiệu quả tăng thu, thu đúng, thu đủ, thu kịp thời. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, ưu tiên tăng chi đầu tư phát triển, trong đó tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và thúc đẩy liên kết vùng: Đường cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Mộc Bài, Đường cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (giai đoạn 1 từ Gò Dầu đến thành phố Tây Ninh), Đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hoà, Đường Tuần tra biên giới (các đoạn còn lại). Các dự án xã hội hóa đầu tư phát triển vận tải: Cảng cạn Thanh Phước, Cảng cạn Mộc Bài, Cảng thủy nội địa Thành Thành Công và Trung tâm logistics, cảng cạn ICD và cảng tổng hợp tại thị xã Trảng Bàng.

**5. Thực hiện hiệu quả, thực chất cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực cạnh tranh, phát triển kinh tế số, thương mại điện tử.**

Tập trung phục hồi và phát triển ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chế tạo. Thực hiện Kế hoạch phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025 đảm bảo mục tiêu đề ra. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Triển khai giai đoạn 3 Khu công nghiệp Phước Đông. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Thạnh, Cụm công nghiệp Tân Phú và Cụm công nghiệp Tân Hội 2. Tiếp tục triển khai các giải pháp khai thác tiềm năng điện mặt trời đi đôi với phát triển kịp thời, đồng bộ hạ tầng lưới điện. Thúc đẩy triển khai nhanh Nhà máy điện năng lượng mặt trời Dầu Tiếng 5.

Phát triển nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, chú trọng những ngành, lĩnh vực có lợi thế, giá trị gia tăng cao gắn với phát triển thị trường. Triển khai hiệu quả Luật Hợp tác xã năm 2023. Nâng cao hoạt động của các HTX, hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX khởi nghiệp, sáng tạo, thực hiện Chương trình OCOP. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Tây Ninh và vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công

nghe cao huyện Tân Châu, từng bước phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp đạt tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, hướng tới đáp ứng yêu cầu xuất khẩu (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ). Hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút đầu tư cơ sở giết mổ và nhà máy chế biến sâu các sản phẩm chăn nuôi sau giết mổ. Phấn đấu cuối năm 2024, huyện Bến Cầu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; có thêm 03 xã đạt chuẩn NTM, 07 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 04 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có thêm từ 20 – 25 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh, trong đó có ít nhất 05 sản phẩm được đánh giá, xếp hạng 4 sao.

Phát triển thương mại điện tử, thúc đẩy các ứng dụng số, nền tảng số trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần nâng cao tỷ trọng đóng góp của kinh tế số trong tăng trưởng kinh tế. Mở rộng thị trường xuất khẩu, hạn chế phụ thuộc vào một số thị trường. Thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại, truyền thông quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tạo cầu nối liên kết các siêu thị, các chợ đầu mối với người sản xuất. Đẩy mạnh liên kết chuỗi, tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp sản xuất với các doanh nghiệp bán lẻ.

Nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ du lịch hiện có và phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch mới, trong đó tập trung triển khai các dự án tại Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen (Khu đô thị mới tại Phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, Khu đô thị phục vụ Khu du lịch quốc gia Núi Bà Đen (78,93 ha), Khu đô thị phụ cận Khu du lịch Quốc gia núi Bà Đen (266 ha)). Tăng cường quảng bá hình ảnh, thương hiệu du lịch Tây Ninh.

**6. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội; phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao.**

Tiếp tục thực hiện hiệu quả nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp. Tập trung triển khai có hiệu quả các đề án và chính sách về phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học. Thực hiện các giải pháp giải quyết các vấn đề như chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút và hỗ trợ hàng tháng đối với giáo viên, nhân viên tại cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2024-2030. Công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng học sinh THCS và THPT, liên thông đào tạo nhằm phát triển quy mô đào tạo. Thực hiện phương án xử lý các cơ sở trường học trên địa bàn thành phố Tây Ninh.

Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, học nghề và các dịch vụ cung ứng, giới thiệu việc làm tại Trung tâm Dịch vụ việc làm. Tổ chức cập nhật thông tin thị trường lao động. Triển khai thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn năm 2024; Đề án đẩy mạnh phát triển giáo dục nghề

nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030. Đẩy mạnh xã hội hóa, xây dựng tiêu chí thu hút, kêu gọi đầu tư trường chất lượng cao, trường cao đẳng, đại học đào tạo các ngành, lĩnh vực tỉnh có nhu cầu để phục vụ phát triển kinh tế – xã hội, nhất là mời gọi, thu hút phân hiệu đại học, trong đó ưu tiên đào tạo ngành sư phạm và y tế.

Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030. Tổ chức triển khai các đề tài, dự án gắn với các định hướng phát triển của tỉnh, tập trung các lĩnh vực đột phá, phát triển công nghệ 4.0, chuyển đổi số.

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, nhất là các dịch bệnh mới nổi (đậu mùa khi, H5N1). Tăng cường quản lý công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Đảm bảo đủ thuốc, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân. Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả đề án củng cố, phát triển, nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống y tế công lập trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2023-2030 và tầm nhìn đến 2050. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, thực hiện tốt chính sách pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN. Nâng cao tỷ lệ bao phủ và đối tượng tham gia BHXH, BHYT.

Thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả các chính sách người có công, trợ giúp xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo đa chiều, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, không để ai bị bỏ lại phía sau. Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đẩy mạnh xã hội hóa về trợ giúp xã hội, đa dạng hóa các nguồn lực triển khai thực hiện trợ giúp xã hội. Triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội đến năm 2030.

Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa dân gian mang nét đặc trưng, gắn với phát triển du lịch của địa phương. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở đồng bộ, hiện đại. Quan tâm, phát triển thể dục thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao. Tổ chức các giải cấp quốc gia; Cụm, khu vực, mở rộng và cấp tỉnh.

**7. Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản, đảm bảo các hoạt động kinh tế gắn với bảo vệ môi trường.** Triển khai Luật Đất đai (sửa đổi), tiếp tục kiến nghị Chính phủ rà soát chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện rà soát quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, quản lý chặt chẽ, sử dụng hiệu quả đất đai trên địa bàn tỉnh. Ban hành bảng giá đất áp dụng trên địa bàn tỉnh từ năm 2025 đến năm 2029. Quản lý chặt chẽ các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản. Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; phối hợp thực hiện quản lý, bảo vệ môi trường khu vực biên giới. Tiếp tục triển khai phương án quản lý rừng bền vững; nâng cao giá trị của rừng và góp phần phát triển bền vững nguồn tài nguyên rừng hiện có. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng toàn tỉnh đạt 16,3%. Triển khai các giải pháp phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời các tình huống thiên tai; nâng cao năng lực ứng phó, phòng tránh thiên tai tại cộng đồng, giảm thiệt hại về người, tài sản, sản xuất do thiên tai gây ra.

**8.** Thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính nhà nước, chủ động thanh tra công vụ, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, cải thiện tính năng động và tiên phong của chính quyền. Quyết liệt thực hiện các giải pháp trọng tâm khắc phục hạn chế và nâng cao chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS, DTI. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trên cả 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Thực hiện hiệu quả Chương trình hành động về cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số. Xây dựng hệ thống thu thập, cung cấp đầy đủ thông tin chỉ đạo, điều hành; đảm bảo thông tin phải đồng bộ, thống nhất giữa các hệ thống, đáp ứng tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”. Tăng cường khả năng kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung. Tăng cường sử dụng các nền tảng mạng xã hội. Nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ các ngành, các cấp. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập. Khen thưởng, kỷ luật kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định. Đẩy mạnh công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại tố cáo ngay ở cấp cơ sở.

**9.** Tiếp tục tăng cường, củng cố quốc phòng – an ninh; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới.

Thực hiện tốt công tác quốc phòng – an ninh, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với quốc phòng. Tổ chức diện tập KVPT huyện Châu Thành và thành phố Tây Ninh. Tiếp tục triển khai xây dựng tầng dày các điểm dân cư liên kề chốt dân quân biên giới. Các lực lượng phối hợp theo dõi nắm chắc tình hình, đảm bảo an ninh trật tự, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm.

Tập trung trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, tội phạm mạng. Tăng cường phòng, chống cháy, nổ; tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực, chú

trọng tuyên truyền kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ. Đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật và bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tiếp tục kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí.

Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, thực hiện ký kết hợp tác với 04 tỉnh Svay Rieng, Kampong Cham, Prey Veng và Tboung Khmum – Campuchia cho giai đoạn mới. Triển khai các thỏa thuận hợp tác đã ký kết, thúc đẩy các hoạt động liên kết kinh tế - xã hội, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển. Tập trung triển khai thực hiện Quy hoạch, hoạt động thương mại, đầu tư hạ tầng các cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam – Campuchia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

**10.** Đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nhất là công tác truyền thông chính sách đến người dân và doanh nghiệp; chú trọng thông tin về đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gương người tốt, việc tốt, điển hình tiên tiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả, những kinh nghiệm quý từ thực tiễn để phát huy, nhân rộng; kịp thời phát hiện, xử lý những vấn đề “nóng”, bức xúc xã hội; nâng cao hiệu quả công tác dân vận; thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ cơ sở; phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể Nhân dân, góp phần tạo đồng thuận xã hội, không ngừng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KTXH đã đề ra./.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO:** UBND tỉnh Tây Ninh (2023), Báo cáo số 574/BC-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2023 về tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024.